

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
LÊ THỊ NGỌC CHI – TRẦN LÊ DUY – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
TRẦN TIẾN THÀNH – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHẠM THỊ NGỌC THUY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN

LỚP
10
TẬP HAI

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa Ngữ văn 10 –
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÀI 6. NÂNG NIU KỈ NIỆM	5
DẠY ĐỌC	5
DẠY TIẾNG VIỆT	5
DẠY VIẾT	5
DẠY NÓI VÀ NGHE	5
ÔN TẬP	5
 BÀI 7. ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ	 5
DẠY ĐỌC	5
DẠY TIẾNG VIỆT	5
DẠY VIẾT	5
DẠY NÓI VÀ NGHE	5
ÔN TẬP	5
 BÀI 8. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI	 5
DẠY ĐỌC	5
DẠY TIẾNG VIỆT	5
DẠY VIẾT	5
DẠY NÓI VÀ NGHE	5
ÔN TẬP	5
 BÀI 9. KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO	 5
DẠY ĐỌC	5
DẠY TIẾNG VIỆT	5
DẠY VIẾT	5
DẠY NÓI VÀ NGHE	5
ÔN TẬP	5



NÂNG NIU KĨ NIỆM (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 1.5 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

DẠY ĐỌC

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ

CHIẾC LÁ ĐẦU TIÊN

TÂY TIẾN

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN (Đọc kết nối chủ điểm)

NẮNG MỚI (Đọc mở rộng theo thể loại)

Thời gian thực hiện: 7 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB; Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.

1.2. Năng lực chung

- NL giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
- NL giải quyết vấn đề: Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; Biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm, đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

II. KIẾN THỨC

- Biết được kiến thức về thể loại thơ.
- Nắm được các yếu tố trữ tình trong thơ.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.
- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.
- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung bài học (dùng cho hoạt động mở đầu hoặc các hoạt động hình thành kiến thức mới).
- Phiếu KWL, các PHT, các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động giới thiệu chủ điểm

a. Mục tiêu: Kích hoạt được tri thức nền liên quan đến chủ điểm của bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chủ điểm của bài học.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Kỉ niệm có ý nghĩa gì đối với cuộc sống hiện tại của chúng ta?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS làm cá nhân.

* **Báo cáo, thảo luận:** Mời một số HS trả lời.

* **Kết luận, nhận định**

- GV ghi nhận những câu trả lời sâu sắc của HS.
- GV chia sẻ kỉ niệm của chính mình, từ đó, dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ HT của phần Đọc

a. Mục tiêu

- Nhận biết được nhiệm vụ HT của phần Đọc.
- Xác định được thể loại chính của bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần Đọc và thể loại chính của bài học.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

GV yêu cầu HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (SGK/ tr. 4), quan sát nhanh nội dung phần Đọc (SGK/ tr. 81, 94) để trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chính của các em trong phần Đọc ở bài học này là gì? Thể loại chính em sẽ học ở bài học này là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

GV hướng dẫn HS tóm tắt nhiệm vụ HT của phần Đọc: Đọc VB 1 (*Chiếc lá đầu tiên*), VB 2 (*Tây Tiến*), VB 4 (*Nắng mới*) để tiếp tục hình thành kỹ năng đọc thơ, đọc VB 3 (*Dưới bóng hoàng lan*) để hiểu thêm về chủ điểm của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về thơ

a. Mục tiêu

- Kích hoạt được kiến thức nền về thể loại thơ.
- Bước đầu nhận biết được một vài đặc điểm của thể loại thơ.

b. Sản phẩm: Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu KWL, những từ khoá liên quan đến các nội dung ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi:

(1) Hoàn thành cột K và W của phiếu KWL sau:

K Những điều em đã biết về thể loại thơ	W Những điều em muốn biết thêm về thể loại thơ	L Những điều em đã học được về thơ
Gợi ý: – Thơ có đặc điểm gì nổi bật? – ...	Gợi ý: Dựa vào yêu cầu cần đạt của bài học, em hãy liệt kê những điều muốn biết thêm về thơ?	

(2) Nhớ lại một số đặc điểm của thơ đã học ở bài 3 và điền vào bảng sau:

Thuật ngữ	Từ khoá
<i>Chủ thể trữ tình</i>	
<i>Vần</i>	
<i>Nhịp</i>	
<i>Từ ngữ, hình ảnh trong thơ</i>	

(3) Đọc các mục tình cảm, cảm xúc trong thơ; Cảm hứng chủ đạo trong thơ (SGK/ tr. 4), tìm các từ khoá.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ HT.

* **Báo cáo, thảo luận**

(1) Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày nội dung cột K và W của phiếu KWL. Các nhóm khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu KWL chung của cả lớp (treo trên bảng hoặc chiếu trên màn chiếu).

(2) và (3) Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi, các nhóm HS khác bổ sung. GV tóm tắt câu trả lời của HS lên bảng phụ.

* **Kết luận, nhận định**

(1) Dựa trên cột K và W mà HS đã làm, GV xác định những nội dung thống nhất mà các em đã biết về thơ; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này. (2) Dựa trên PHT của HS, GV gợi nhắc, bổ sung các đặc điểm của thơ mà HS đã học ở bài 3.

(3) Dựa vào (SGV/ tr. 7), GV nhận xét, bổ sung tri thức về tình cảm, cảm xúc trong thơ cho HS, kết hợp với việc nêu ví dụ để giúp HS hiểu rõ hai khái niệm này.

2. Hoạt động đọc văn bản *Chiếc lá đầu tiên*

2.1. Trước khi đọc văn bản

a. Mục tiêu: Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

b. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* ***Giao nhiệm vụ HT:*** GV phát cho mỗi HS một tờ stick-note, yêu cầu HS ghi ngắn gọn câu trả lời cho câu hỏi trước khi đọc (SGK/ tr. 5) lên giấy.

* ***Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh.

* ***Báo cáo, thảo luận:*** HS dán các tờ stick-note của mình lên bảng.

* ***Kết luận, nhận định:*** GV chọn đọc ngẫu nhiên một số tờ, ghi nhận những câu trả lời hay, sâu sắc, sau đó dẫn dắt vào bài học.

2.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện kỹ năng *suy luận, tưởng tượng, liên hệ* trong quá trình đọc VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần đọc VB.

c. Tổ chức hoạt động

**** Giao nhiệm vụ HT***

– Mời HS đọc diễn cảm bài thơ, khi gặp các câu hỏi trong quá trình đọc (3) thì tạm ngừng, suy nghĩ câu trả lời cho các câu hỏi.

– Các HS khác lắng nghe bạn đọc, ghi ngắn gọn ít câu trả lời cho 4 câu hỏi trong khi đọc.

* ***Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cá nhân.

Lưu ý: GV nhắc HS đọc đến đâu thì trả lời đến đó. Không đợi đến khi đọc xong VB mới lần lượt trả lời các câu hỏi trong khi đọc.

* ***Báo cáo, thảo luận:*** Mời một vài HS chia sẻ những liên hệ, suy luận tưởng tượng của mình trong quá trình đọc.

**** Kết luận, nhận định***

– GV nhận xét, góp ý cho việc đọc diễn cảm của HS; Cách thức HS thực hiện các kỹ năng suy luận, liên hệ, tưởng tượng. Lưu ý: Không đánh giá tính đúng/ sai của câu trả lời.

– Tiếp theo, GV làm mẫu cách thực hiện kỹ năng suy luận cho HS quan sát theo tiến trình sau:

- + Giải thích ngắn gọn về kĩ năng suy luận;
- + Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kĩ năng suy luận bằng cách nói to suy nghĩ (kĩ thuật think – aloud) của GV khi dùng kĩ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kĩ năng. Ví dụ: GV đọc hai dòng thơ: *Em thấy không, tất cả đã xa rồi/ Trong tiếng thở của thời gian rất khẽ thì tạm ngừng và nói Tác giả muốn thể hiện điều gì trong hai dòng thơ này nhỉ? Có lẽ tác giả muốn thể hiện sự tiếc nuối kỉ niệm chẳng?*
- + Mời HS phát biểu về cách GV thực hiện kĩ năng này.
- + Hướng dẫn HS chốt lại cách thực hiện kĩ năng. Để tạo ra một suy luận trong quá trình đọc, người đọc cần kết hợp thực hiện các thao tác sau: (1) tìm từ ngữ/ thông tin được thể hiện trên VB, (2) liên hệ với những trải nghiệm/ hiểu biết của bản thân liên quan đến những từ ngữ/ thông tin mà VB cung cấp, (3) từ đó suy luận về những nội dung hàm ẩn của VB.
- + Có thể mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm.

2.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm của VB thông tin tổng hợp.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình

* Giao nhiệm vụ HT

- (1) Nhóm 2 HS lần lượt trả lời các câu 1, 2, 3, 5 (SGK/ tr. 7).
- (2) Nhóm 4 – 5 HS trả lời câu 5 (SGK/ tr. 7)

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi với nhóm 2 HS khác.

(2) Nhóm 4 – 5 HS thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật khăn trải bàn.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, trao đổi, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, lưu ý cách HS giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

– GV nhận xét phần trả lời của các cá nhân HS và các nhóm, hướng dẫn HS chốt vấn đề dựa trên những gợi ý sau:

Câu 1: Chủ thể trữ tình của bài thơ xuất hiện qua các đại từ nhân xưng như: Anh (trong tương quan với *em*), tôi (trong tương quan với *bạn*), *ta*.

Tác dụng: Giúp tác giả linh hoạt trong việc bộc lộ cảm xúc của chính mình và nói thay tâm trạng của người khác, nhờ vậy bài thơ dễ dàng chạm đến cảm xúc của nhiều người và tìm được tiếng nói đồng cảm. Khi thì chủ thể ấy là *anh* vì muốn gửi gắm những nỗi niềm riêng tư với *em* – mối tình đầu của *anh*; khi thì chủ thể ấy là *tôi* vì muốn được chia sẻ những cảm xúc của lòng mình với *bạn* (tất cả mọi người, trong đó có *em*). Khi thì chủ thể ấy là *ta* trong cuộc trò chuyện cùng “hoa mướp”, lúc ấy *ta* vừa muốn tâm tình với chính mình vừa muốn bộc lộ với cả những người khác. Cảm xúc khi ấy trào dâng mãnh liệt nên vượt qua ranh giới của những nỗi niềm riêng.

Từ “một người” trong dòng thơ thứ 8: Có thể được chỉ tất cả ai đang có những rung động đầu đời, nhưng cũng có thể được hiểu là chính *anh*, *tôi*, *ta*, hay nói khác đi là chủ thể trữ tình. “Người” ấy đang khám phá, dự đoán cảm xúc tình yêu mới chớm nở của chính mình, của người khác, điều đó được thể hiện qua từ “có lẽ”.

Câu 2: Biện pháp tu từ: Phép điệp (điệp từ *nhớ* ở khổ 4, từ *cứ* ở khổ 6; điệp ngữ *nỗi nhớ* ở khổ 4; điệp cấu trúc *muốn nói bao nhiêu, muốn khóc bao nhiêu* (khổ 3); *những chuyện năm nao, những chuyện năm nào* (khổ 6). Tác dụng: Diễn tả ấn tượng sâu đậm về những kỉ niệm tuổi học trò, sự tuôn trào của nỗi xúc động, lúc lắng đọng, lúc chơi vui, nỗi nhớ, niềm băng khuâng, đồng thời tạo nhạc điệu da diết, xao xuyến cho bài thơ.

Câu 3: Đoạn thơ trích dẫn trực tiếp lời đùa cợt tinh nghịch của đám bạn học nhằm thể hiện sống động không khí tươi vui của tuổi học trò qua cái nhìn của chủ thể trữ tình. Dẫn lại nguyên văn lời thoại trong thơ cũng là cách thể hiện cảm xúc: Thể hiện theo lối gián tiếp. Nhưng ngay sau đó, ở dòng thơ thứ tư, như không kìm nén được cảm xúc trỗi dậy của mình, chủ thể trữ tình lại thốt lên: *Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao*. Việc đan xen các mẫu đối thoại mang yếu tố tự sự vào mạch trữ tình, kết hợp biểu cảm gián tiếp với biểu cảm trực tiếp như vậy khiến cho lời thơ trở nên đa dạng, linh hoạt, âm vang nhiều giọng nói hơn, kỉ niệm càng được khơi sâu, tươi tắn và đáng nhớ hơn.

Câu 5: *Chiếc lá đầu tiên* là hình ảnh có tính biểu tượng, tượng trưng cho tình yêu đầu tiên mới chớm nở, cho cuộc hẹn hò đầu tiên, cho kỉ niệm đầu tiên, buổi học, năm học đầu tiên, cho những xao xuyến, băng khuâng lạ lẫm đầu tiên của tuổi học trò. Những gì có tính chất “đầu tiên” thường ban sơ, ngây ngô, trong trẻo, do đó chúng rất đẹp và để lại ấn tượng sâu đậm trong kí ức con người. Vì vậy, cho dù được hiểu với nghĩa nào thì hình ảnh “đầu tiên” ấy đều gợi lên sự trong sáng, thơ ngây và những cảm xúc khó quên.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại khái niệm cảm hứng chủ đạo, sau đó điền vào PHT để trả lời câu 4 (SGK/ tr. 7)

PHT SỐ 1: TÌNH CẢM, CẢM XÚC, CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO CỦA BÀI THƠ

Từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc	Cảm hứng chủ đạo

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trả lời, các HS khác nhận xét, trao đổi.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý, bổ sung câu trả lời của HS theo định hướng sau:

– Những từ ngữ thể hiện trực tiếp cảm xúc của tác giả: *xa rồi, yêu dấu, nhớ, biết mấy, các bạn ơi, ta ơi, ôi*.

– Những âm thanh, hình ảnh đặc biệt được dùng để thể hiện gián tiếp tình cảm của tác giả: *Tiếng ve, tiếng cười, lớp học, cây bàng, hoa phượng, trò nghịch ngợm của*

tuổi học sinh, mái tóc bạc của thầy, màu tím của hoa súng, màu đỏ của hoa phượng, màu vàng của hoa mướp,...

– Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca lần tiệc nuôi những kỉ niệm tuyệt đẹp của tuổi hoa niên, của tình yêu đầu đời.

Hoạt động 3: Chia sẻ suy nghĩ, kỉ niệm và hoạt động sáng tạo

*** Giao nhiệm vụ HT**

- (1) HS trả lời câu 6 (SGK/ tr. 86) bằng cách ghi trên giấy stick-note.
- (2) Cá nhân HS hoặc nhóm HS (tự thành lập nhóm) thực hiện bài tập sáng tạo (SGK/ tr. 86).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

- (1) HS ghi ngắn gọn, sau đó dán trên bảng theo hai nhóm: Chia sẻ những kỉ niệm, chia sẻ những suy nghĩ.
- (2) Thực hiện ở nhà, ghi băng hoặc ghi hình, sau đó up lên nhóm HT của lớp trong Google classroom hoặc, Zalo, Edmodo,...

*** Báo cáo, thảo luận**

- (1) GV mời 1, 2 HS chọn đọc ngẫu nhiên một số chia sẻ kỉ niệm, suy nghĩ của trên cá miếng stick-note.
- (2) HS nghe, xem sản phẩm của nhau trong nhóm HT của lớp, và nhận xét, thể hiện cảm xúc bằng các biểu tượng.

*** Kết luận, nhận định**

- (1) GV khen ngợi những kỉ niệm, suy nghĩ sâu sắc của HS. Tiếp theo, GV có thể chia sẻ kỉ niệm hoặc suy nghĩ của bản thân về tuổi học trò.
- (2) GV nghe, xem sản phẩm của HS và nhận xét.

2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản Tây Tiến

a. Mục tiêu

- Khái quát đặc điểm của thể loại thơ qua VB *Chiếc lá đầu tiên*.
- Thực hiện được nhiệm vụ đọc ở nhà liên quan đến VB *Tây Tiến*.

b. Sản phẩm: Thông tin trên PHT về thể loại thơ.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Khái quát đặc điểm VB thơ

* **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm điền vào PHT sau:

**PHT SỐ 2: MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ THỂ HIỆN QUA
VĂN BẢN CHIẾC LÁ ĐẦU TIÊN**

Đặc điểm của thơ	Thể hiện qua <i>Chiếc lá đầu tiên</i>
<i>Chủ thể trữ tình</i>	
<i>Vần</i>	
<i>Nhịp</i>	
<i>Từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu</i>	
<i>Tình cảm, cảm xúc</i>	
<i>Cảm hứng chủ đạo</i>	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 4, 5 HS thực hiện trên bảng phụ.

* **Báo cáo, thảo luận**

– Các nhóm treo sản phẩm (kỹ thuật phòng tranh).

– Đại diện các nhóm đọc sản phẩm của nhau, dùng bút lông màu đỏ đánh dấu những ý thú vị nhất, bút lông màu xanh đánh dấu những ý không đồng ý với nhóm bạn.

* **Kết luận, nhận định**

– GV khen ngợi sự nhiệt tình tham gia hoạt động của các nhóm HS.

– Góp ý, bổ sung cho câu trả lời của HS theo định hướng tham khảo sau:

Đặc điểm của thơ	Thể hiện qua <i>Chiếc lá đầu tiên</i>
<i>Chủ thể trữ tình</i>	Chủ thể trữ tình của bài thơ xuất hiện qua các đại từ nhân xưng như: <i>anh, tôi, ta</i> .
<i>Vần</i>	Chủ yếu là vần chân, vần thông.
<i>Nhịp</i>	Chủ yếu là nhịp 3/4.
<i>Từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu</i>	<i>tiếng thở của thời gian; hoa súng tím vào trong mắt; điệp ngữ nổi nhớ; điệp cấu trúc muốn nói bao nhiêu, muốn khóc bao nhiêu, những chuyện năm nao, những chuyện năm nào, chiếc lá đầu tiên,...</i>
<i>Tình cảm, cảm xúc</i>	Nổi xúc động, lúc lắng đọng, lúc chơi vơi, nổi nhớ, niềm băng khuâng về tuổi hoa niên, tình yêu tuổi học trò.
<i>Cảm hứng chủ đạo</i>	Ngợi ca pha lẫn tiếc nuối những kỉ niệm tuyệt đẹp của tuổi hoa niên, của tình yêu đầu đời.

Hoạt động 2: Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trước khi đọc văn bản *Tây Tiến*

*** Giao nhiệm vụ HT**

GV yêu cầu HS về nhà thực hiện những nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo về VB *Tây Tiến*:

(1) Đọc và trả lời câu hỏi *Trước khi đọc* (SGK/ tr. 8).

(2) Đọc VB, thực hiện theo hướng dẫn của những thẻ câu hỏi (SGK/ tr. 8, 9) và hoàn thành PHT sau (thực hiện ở nhà).

PHT SỐ 3: ĐỌC *TÂY TIẾN*

Phần 1: Đọc box thông tin về tác giả Quang Dũng (SGK/ tr. 10), chú thích số 1 (SGK/ tr. 8) và điền vào chỗ trống:

- Đặc điểm nổi bật về tác giả Quang Dũng và thơ của ông:
- Đặc điểm của đoàn quân Tây Tiến:

Phần 2: Đọc VB *Tây Tiến* và trả lời các câu hỏi trong khi đọc khi nhìn thấy dấu hiệu đánh dấu câu hỏi và thẻ hỏi.

Lưu ý: Khi đọc đến vị trí nào của VB xuất hiện dấu hiệu câu hỏi, bạn dừng đọc và thực hiện theo những yêu cầu của thẻ câu hỏi đặt ở vị trí tương ứng trên VB.

? Câu 1

Cảm nhận của tôi về nỗi nhớ của nhà thơ là:.....

? Câu 2

– Hình dung của tôi về hình ảnh thiên nhiên, rừng núi:

– Căn cứ để tôi tưởng tượng là:

? Câu 3

– Hình ảnh người lính được miêu tả qua đoạn 3:

– Căn cứ để tôi suy luận là:.....

– Tình cảm của tác giả đối với người lính Tây Tiến được thể hiện qua đoạn 3:.....

– Suy luận được dựa trên căn cứ:.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện ở nhà theo thứ tự: (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

3. Hoạt động đọc văn bản Tây Tiến

3.1. Trước khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được kiến thức nền về thể loại thơ.

– Báo cáo được kết quả chuẩn bị cho việc đọc hiểu VB *Tây Tiến* đã thực hiện ở nhà.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) Tham gia trò chơi ô chữ, xác định một số từ khoá sau:

Từ khoá	Nội dung diễn giải
<i>Chủ thể trữ tình</i>	Người thể hiện thái độ, cảm xúc, tư tưởng của mình trong suốt VB thơ.
<i>Nhịp</i>	Yếu tố tạo nên bước đi của thơ với âm vang nhanh, chậm, dài, ngắn, nhất, khoan,...
<i>Vần</i>	Yếu tố tạo nên sự kết nối, cộng hưởng âm thanh giữa các dòng thơ, đồng thời làm cho thơ dễ nhớ, dễ thuộc.
<i>Cảm hứng chủ đạo</i>	Trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm thơ, tác động đến cảm xúc của người đọc.
<i>Hình ảnh</i>	Là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác, gợi ra những giá trị tinh thần nhất định với người đọc.

(2) Xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho câu hỏi *Trước khi đọc*, bổ sung, hoàn thiện.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT**

– Trước tiên, HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau khi GV tổng kết về trò chơi, HS thực hiện nhiệm vụ (2).

* **Báo cáo, thảo luận**

(1) Một số cá nhân HS tham gia giải mã trò chơi ô chữ.

(2) 2 – 3 HS chia sẻ câu trả lời cho câu hỏi *Trước khi đọc*. Các HS khác nhận xét, bổ sung. Lưu ý với câu hỏi này, GV khuyến khích HS chia sẻ càng nhiều thông tin càng tốt, tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá về tính chính xác của thông tin.

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét về kết quả tham gia trò chơi của HS, chốt một số từ ngữ quan trọng về thể loại thơ.

(2) GV nhận xét về kết quả thực hiện phần *Trước khi đọc* ở nhà của HS, tổng kết những nội dung chính HS đã chia sẻ, hướng dẫn HS chốt một số đặc điểm quan trọng về đặc điểm địa hình và khí hậu của vùng đất Tây Bắc. GV có thể giới thiệu với HS một số hình ảnh về đặc điểm tự nhiên của vùng đất này để HS hình dung rõ ràng hơn.

3.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Sử dụng được một số kĩ thuật đọc trong quá trình đọc để giải mã từng phần VB.

b. Sản phẩm: Nội dung hoàn thành PHT (thực hiện ở nhà).

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho các câu hỏi đọc VB, bổ sung, hoàn thiện.

(2) Đọc diễn cảm VB *Tây Tiến*. Trước khi tổ chức cho HS đọc, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em, bài thơ nên được đọc với giọng như thế nào? Vì sao? (Gợi ý: GV có thể giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác của bài *Tây Tiến* để gợi ý cho HS xác định giọng đọc.)

(3) Chia sẻ kết quả trả lời câu hỏi Đọc VB (thực hiện ở nhà) với cả lớp.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) → (2) → (3).

*** Báo cáo, thảo luận**

(2) Đại diện 1 – 2 HS xác định giọng đọc. Các HS khác nhận xét, trao đổi; Đại diện 1 – 2 HS đọc diễn cảm VB. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

(3) Đại diện 1 – 2 HS chia sẻ câu trả lời câu hỏi đọc VB. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

(2) GV nhận xét kết quả đọc diễn cảm của HS theo các tiêu chí: Độ trôi chảy, việc ngắt nghỉ hợp lí, giọng đọc phù hợp, tốc độ đọc phù hợp.

(3) GV nhận xét thái độ chuẩn bị bài ở nhà của HS, kết quả HS thực hiện các kỹ năng *tưởng tượng, suy luận* trong khi đọc. Lưu ý: GV không đánh giá tính đúng/sai của các câu trả lời mà chủ yếu đánh giá cách thức thực hiện kỹ năng.

3.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

– Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.

– Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

– NL giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả thảo luận và thực hiện PHT.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình

* **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 6 HS tìm hiểu giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ, 3 nhóm thực hiện PHT 5a, câu 3, (SGK/ tr. 10), 3 nhóm thực hiện PHT 5b (câu 4, SGK/ tr. 10):

PHT SỐ 5A

GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ TRONG THƠ

a. Bức tranh thiên nhiên được khắc hoạ trong đoạn 1

Hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp thể hiện hình ảnh thiên nhiên

Đặc điểm của hình ảnh thiên nhiên



b. Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến được khắc họa trong đoạn 1

Hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp thể hiện đoàn quân Tây Tiến	Đặc điểm của hình ảnh đoàn quân

c. Một số nét đặc sắc trong cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ, vần, nhịp của đoạn 1

Yếu tố	Nét đặc sắc của yếu tố được thể hiện trong đoạn 1	Tác dụng
Hình ảnh		
Từ ngữ		
Vần		
Nhịp		

PHT SỐ 5B

GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ TRONG THƠ

a. Hình ảnh người lính được khắc họa trong đoạn 3

Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối miêu tả đoàn quân Tây Tiến	Đặc điểm của đoàn quân

b. Sự khác biệt giữa hình ảnh người lính được khắc họa trong đoạn 3 với đoạn 2:

.....

.....

.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Các nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý, bổ sung cho câu trả lời của HS dựa trên những định hướng sau:

PHT SỐ 5A

a. Bức tranh thiên nhiên

– Địa hình đồi cao, dốc đứng hùng vĩ được thể hiện qua những từ ngữ giàu chất tạo hình: *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/ Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống/ Heo hút cồn mây, súng ngửi trời*; dùng từ *thăm thẳm* vốn chỉ độ sâu để tả độ cao, kết hợp cặp từ trái nghĩa (*lên – xuống*); dùng điệp từ *dốc*, điệp ngữ *ngàn thước*; cách phối hợp thanh điệu độc đáo (Có những câu thơ sử dụng nhiều thanh trắc kết hợp với những câu thơ toàn thanh bằng); cách ngắt nhịp gấp khúc 4/ 3 (*Ngàn thước lên cao... xuống*).

– Không gian hoang vu, hiểm trở đến rợn ngợp được thể hiện qua: Đảo ngữ *heo hút*; liệt kê gọi hàng loạt địa danh (*Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, ...*); phép nhân hoá (*thác gầm thét/ cọp trêu người*); sử dụng nhiều thanh bằng gợi tả không gian bao la, rộng lớn và cảm giác mênh mang, băng khuâng (*Mường Lát hoa về trong đêm hơi, Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*).

→ Đặc điểm của thiên nhiên: Hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt đồng thời cùng mỹ lệ, trữ tình, huyền ảo.

b. Hình ảnh đoàn quân

– Gian khổ, hi sinh, mất mát (*swong lấp đoàn quân mỏi, Anh bạn dãi dàu không bước nữa*).

– Tâm hồn người lính lãng mạn: Rung động với những vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của thiên nhiên (*Mường Lát hoa về trong đêm hơi; Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*).

– Tư thế, tầm vóc lớn lao: *Heo hút cồn mây, súng ngửi trời*.

→ Đặc điểm của đoàn quân: Mặc dù cuộc sống chiến đấu đầy gian nan, khó nhọc, đầy hi sinh, mất mát nhưng tâm hồn vẫn lãng mạn, khí phách hào hùng.

c. Nét đặc sắc trong cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ, vần, nhịp

– Cách xây dựng hình ảnh vừa dựa trên chất liệu hiện thực vừa mang đậm vẻ đẹp lãng mạn (*súng người trời, hoa về trong đêm hơi, mưa xa khơi, dốc thăm thẳm*), góp phần khắc hoạ khí phách hào hùng, tầm vóc lớn lao, kì vĩ của người lính.

– Khai thác tinh tế vẻ gợi tả của từ láy và kết hợp từ độc đáo (*thăm thẳm, đêm hơi, người, mưa xa khơi, mùa em,...*), góp phần khắc hoạ sinh động hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội.

– Khai thác hiệu quả yếu tố vần *oi* (*oi – voi – hơi – trời – khơi – đời*): Âm tiết nửa mở tạo âm hưởng kéo dài, lan rộng, gợi tả hình ảnh thiên nhiên mênh mông, bao la, rộng mở, góp phần thể hiện cảm xúc nhớ nhung cồn cào, da diết.

– Ngắt nhịp đột ngột góp phần tạo giá trị gợi hình cho câu thơ (*Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*).

PHT SỐ 5B

a. Hình ảnh người lính

– Vẻ bên ngoài (*không mọc tóc, xanh lâu lá, dữ oai hùm, mắt trừng*) đối lập với tâm hồn lãng mạn: *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*: Khắc hoạ hình ảnh người lính kiêu hùng, dũng mãnh, bí tráng nhưng hào hoa, lãng mạn, bay bổng.

– Khắc hoạ sự hi sinh của những người lính bằng biện pháp nói giảm nói tránh (*thay chiếu, anh về đất*) → Sự ra đi của những người lính thanh thản, nhẹ nhàng như trở về với đất mẹ trong sự tiễn đưa hào hùng, uất nghẹn của thiên nhiên (*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*).

– Sử dụng hệ thống từ Hán Việt (*chiến trường, biên cương, viễn xứ*) kết hợp đảo ngữ rải rác: Gợi hình ảnh những nắm mồ vô danh nằm cô đơn, lẻ loi nơi rừng sâu biên giới vừa thể hiện sự thành kính, trân trọng thiêng liêng dành cho những người đã khuất.

– Cách nói *chẳng tiếc* và hình ảnh ẩn dụ *đời xanh*: Thể hiện sự tự nguyện lựa chọn hi sinh cho lí tưởng (quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh) và khí phách hào hùng của người trai thời loạn.

b. Sự khác biệt giữa hình ảnh người lính được khắc hoạ trong đoạn 2 với đoạn 3

– Đoạn 2: Người lính hiện lên với tâm hồn lãng mạn, hào hoa, lạc quan, yêu đời.

– Đoạn 3: Hình ảnh người lính được khắc hoạ với vẻ đẹp bi tráng. Tác giả không hề che giấu những mất mát, hi sinh, khó khăn, vất vả khi miêu tả chân dung người lính Tây Tiến; tuy nhiên, trước những nghịch cảnh ấy, người lính Tây Tiến vẫn hiện lên với vẻ đẹp hào hùng, oai phong, lẫm liệt.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ

*** Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Hoàn thành PHT số 4, tích hợp các câu hỏi 1, 2 (SGK/ tr. 9)

PHT SỐ 4

TÌNH CẢM, CẢM XÚC, CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO CỦA BÀI THƠ

a. Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng đoạn.

– Bố cục của bài thơ: Bài thơ được chia thành đoạn. Cụ thể:.....

– Nội dung của từng đoạn:.....

b. Liệt kê các dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả và nêu tác dụng của chúng.

– Các dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả:.....

– Tác dụng của chúng:

c. Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ.

Chủ thể trữ tình của bài thơ là:

d. Xác định mạch cảm xúc của bài thơ:

Đoạn thơ	Tình cảm, cảm xúc thể hiện

(2) Đọc lại mục cảm hứng chủ đạo trong thơ (SGK/ tr. 4) và trả lời câu hỏi: Hãy chỉ ra cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Dựa vào đâu mà bạn có thể xác định được như vậy?

(3) Điền vào PHT số 6 (câu 5, SGK/ tr. 10)

PHT SỐ 6

Ý NGHĨA/ TÁC ĐỘNG CỦA TÁC PHẨM *TÂY TIẾN* ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỌC

Qua bài thơ *Tây Tiến*, tôi hiểu thêm về:

a. Hình ảnh anh bộ đội và con người Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp:

.....

.....

b. Vai trò, ý nghĩa của kí ức và kỉ niệm trong đời sống tinh thần của con người cũng như trong sáng tác thơ ca:

.....

.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Các nhóm lần lượt thực hiện các nhiệm vụ (1), (2), (3).

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận nhận định:** GV nhận xét kết quả thực hiện các nhiệm vụ HT của HS, hướng dẫn HS kết luận dựa trên một số gợi ý sau:

PHT SỐ 6

a. Bài thơ được chia thành 4 đoạn tương ứng với 4 khổ thơ. Nội dung của từng đoạn:

– Đoạn 1: Hình ảnh những cuộc hành quân gian khổ giữa thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội nhưng thơ mộng, trữ tình.

– Đoạn 2: Những kỉ niệm đẹp của đêm liên hoan đậm tình quân dân và vẻ đẹp thơ mộng, huyền ảo của Tây Bắc.

– Đoạn 3: Hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp bi tráng và lãng mạn.

+ Đoạn 4: Lời thề Tây Tiến.

b. Các dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả: Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!, Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi, Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói. Tác dụng:

Thể hiện trực tiếp tình cảm nhớ nhung da diết của tác giả, khẳng định cảm xúc bao trùm bài thơ là nỗi nhớ về binh đoàn Tây Tiến, tác động trực tiếp đến tình cảm của người đọc.

c. Chủ thể trữ tình của bài thơ là nhà thơ Quang Dũng, tuy nhiên, đây là kiểu chủ thể trữ tình ẩn (không phải kiểu chủ thể có nhân xưng, cũng không phải chủ thể nhập vai).

d. Mạch cảm xúc của bài thơ.

Đoạn thơ	Tình cảm, cảm xúc thể hiện
Đoạn 1	Nhớ về những chặng đường hành quân giữa khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, nên thơ.
Đoạn 2	Nhớ về những kỉ niệm của đêm liên hoan văn nghệ thấm tình quân dân và hình ảnh huyền ảo, thơ mộng của thiên nhiên.
Đoạn 3	Nỗi nhớ về những người lính Tây Tiến với vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa, bi tráng.
Đoạn 4	Nỗi nhớ kết lại sâu lắng ở lời thề mãi mãi gắn bó với những ngày tháng đã qua.

(2) Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính trong đoàn quân Tây Tiến. Cơ sở xác định: Những từ ngữ, dòng thơ thể hiện trực tiếp cảm xúc của nhà thơ hoặc ở cách nhà thơ lựa chọn hình ảnh, từ ngữ, phối hợp vần, nhịp, thanh điệu để khắc họa vẻ đẹp của hình ảnh thiên nhiên và con người.

(3) GV khuyến khích các câu trả lời khác nhau miễn là dựa trên VB và hợp lí, ví dụ: hiểu thêm về cuộc sống chiến đấu gian khổ, đầy hi sinh, mất mát của họ; hiểu thêm về tâm hồn, ước mơ, lí tưởng của họ trong cuộc kháng chiến; lí giải được phần nào sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược;...

– Ý nghĩa của kỉ niệm: Có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với con người, giúp ta có động lực sống. Đối với các nghệ sĩ: Kỉ niệm có thể là nguồn cảm hứng cho sáng tạo nghệ thuật.

3.4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc

a. Mục tiêu

- Hệ thống được một số đặc điểm của thể loại thơ.
- Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc thơ.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt một số lưu ý khi đọc bản tin.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc nhóm đôi và lần lượt thực hiện các nhiệm vụ: Thông qua việc đọc VB 1 và 2, em hãy tóm tắt một số đặc điểm của thơ và rút ra một số lưu ý về cách đọc bằng việc hoàn thành bảng sau:

Đặc điểm của thể loại thơ	Lưu ý về cách đọc

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của thể loại thơ và cách đọc thơ thông qua VB 1 và 2:

Đặc điểm của thể loại thơ	Lưu ý về cách đọc
– Chủ thể trữ tình... – Vần và nhịp... – Hình ảnh... – Tình cảm, cảm xúc,... – Cảm hứng chủ đạo trong thơ... (Dựa vào những tri thức HS đã học về thơ ở bài 3 (SGK tập 1, tr. 63, 64) và bài 6 (SGK tập 2, tr. 4)	– Xác định chủ thể trữ tình: Trả lời câu hỏi: Ai đang thể hiện tình cảm của mình trong bài thơ? Chủ thể ấy xuất hiện trực tiếp hay ẩn đi trong VB?,... – Xác định vần và nhịp của bài thơ: Chú ý đến cách gieo vần và ngắt nhịp dựa vào thể thơ → Trả lời câu hỏi: Cách gieo vần, ngắt nhịp có gì độc đáo? Các yếu tố vần, nhịp góp phần như thế nào vào việc tạo nhạc điệu cho bài thơ, hỗ trợ việc khắc hoạ hình ảnh thơ, thể hiện nội dung ý nghĩa và tình cảm của người viết?,... – Xác định hình ảnh được khắc hoạ trong bài thơ, cách sử dụng từ ngữ của bài thơ → Trả lời những câu hỏi: Hình ảnh nào đã được khắc hoạ? Hình ảnh ấy được miêu tả như thế nào? Nội dung ý nghĩa, thông điệp, tình cảm,... thể hiện qua hình ảnh ấy là gì? Hình ảnh ấy có vai trò như thế nào trong VB? Từ ngữ trong bài thơ này nên được hiểu như thế nào? Có từ ngữ nào được dùng độc đáo hay không? Hiệu quả biểu đạt của những từ ngữ ấy là gì? – Xác định tình cảm, cảm xúc của người viết (có thể được thể hiện trực tiếp trên VB hoặc gián tiếp qua cách lựa chọn hình ảnh, sử dụng từ ngữ,...). – Xác định cảm hứng chủ đạo của VB (từ việc xác định tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện xuyên suốt → xác định cảm hứng chủ đạo của VB).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG: *DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN* và *NẮNG MỚI*

1. Hoạt động đọc kết nối chủ điểm văn bản *Dưới bóng hoàng lan*

a. Mục tiêu

- Nhận biết được một số thông tin chính của VB.
- Kết nối với VB *Chiếc lá đầu tiên* và *Tây Tiến* để hiểu hơn về chủ điểm *Nâng niu kỉ niệm*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 14).

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Khởi động

- * **Giao nhiệm vụ HT:** Đọc tên VB và dự đoán nội dung VB.
- * Thực hiện nhiệm vụ HT: Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ HT.
- * **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trả lời, HS nhóm khác bổ sung.
- * **Kết luận, nhận định:** Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2: Đọc văn bản và suy ngẫm, phản hồi sau khi đọc

- * **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 – 6 HS đọc và trả lời 5 câu hỏi (SGK/ tr. 14).
- * **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ HT.
- * **Báo cáo, thảo luận:** 1– 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.
- * **Kết luận, nhận định**

GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

Câu 1: Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều khiến Thanh cảm thấy *nghe hóng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt,...* là sự vẹn nguyên của không gian xưa; hình ảnh thân thương của người bà; sự tĩnh lặng, bình yên, ấm áp của căn nhà xưa; tình cảm e ấp, ngọt dịu không thể nói thành lời với người thiếu nữ năm nào,... Tất cả những điều ấy đã tạo nên sự khác biệt giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn. Không gian bên trong là không gian của kí ức ngọt ngào, của tình yêu thương, của sự bình yên nơi tâm hồn; Đó là điều mà không gian xô bồ, ồn ào bên ngoài khu vườn không bao giờ có được. Sự khác biệt ấy đã xoa dịu, nâng đỡ tâm hồn Thanh sau những ồn ào, mệt mỏi, tấp nập của đời sống phố thị.

Câu 2: Một vài hình ảnh thể hiện sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại: Mùi hương thoang thoảng của cây hoàng lan trong hiện tại với hình ảnh cái cây chàng thường

hay chơi nhặt hoa dưới gốc thuờ nhỏ; hình ảnh bà ở hiện tại với cái cảm giác được bà che chở, chăm sóc như những ngày còn nhỏ; hình ảnh cô thiếu nữ xinh xắn của hiện tại với hình ảnh cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn năm nào,... Sự đan xen ấy đem đến cho người đọc cảm nhận quá khứ gắn bó mật thiết với hiện tại, quá khứ nâng đỡ hiện tại,...

Câu 3: Những kỉ niệm tuổi thơ trở về với Thanh khi về thăm bà: Kỉ niệm về căn nhà, khu vườn quen thuộc; kỉ niệm về ngày cha mẹ hãy còn sống; kỉ niệm về bà, về cô bé hàng xóm tên Nga, về cây hoàng lan,... Những kỉ niệm ấy gọi lên trong Thanh niềm xúc động lẫn cảm nhận về sự bình yên, êm ả, ấm áp khi trở về nhà. Điều đó cho thấy Thanh cũng là một người rất nhạy cảm, tinh tế.

Câu 4: HS có thể có nhiều cách trả lời khác nhau dựa trên cơ sở cảm nhận của các em về VB. GV có thể tham khảo gợi ý sau: Tình cảm của Thanh và Nga vừa có sự pha trộn giữa những kỉ ức đẹp đẽ của tuổi thơ với những ngọt ngào, e ấp, ý nhị của tình cảm đôi lứa. HS có thể dựa vào những chi tiết trong VB để cảm nhận về điều đó: Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật; có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình; và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước;...

Câu 5: Hai từ *đi, về* ở đây đều có nhiều hơn một nghĩa. *Trở về* mới là cái đích. *Đi* là để được học hỏi, mở mang để trở về với quê hương, cũng là để hiểu hơn về giá trị của những gì tưởng chừng rất đời thường, bình dị. *Đi* để mở mang hiểu biết, để hiểu hơn chính mình và cũng để tìm kiếm những cái được gọi là giá trị đích thực, trong đó có những thứ vốn dĩ vẫn luôn sẵn lòng dang rộng vòng tay yêu thương chờ đón ta trở về là gia đình và quê hương. *Đi* xa để rồi trở về và càng cảm thấy trân quý hơn những kỉ ức ngọt ngào, hạnh phúc, đông đầy yêu thương bên mái nhà xưa. *Trở về* cũng là để *đi xa* hơn trong sự nhận thức về bản thân và cuộc sống quanh ta.

2. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại văn bản *Nắng mới*

a. Mục tiêu

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.

b. Sản phẩm: Kết quả đọc của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** *Giao nhiệm vụ HT***

GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các nhiệm vụ HT sau:

- (1) Đọc VB *Nắng mới* (SGK/ tr. 16).
- (2) Sau đó, trả lời các câu 1, 2, 3, 4 phần *Hướng dẫn đọc* (SGK/ tr. 16)

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT tại lớp (có thể thực hiện ở tiết ôn tập hoặc ở tiết học sau buổi giao nhiệm vụ cho HS về nhà).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

3. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại

a. **Mục tiêu:** Trình bày được sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại tại lớp.

b. **Sản phẩm:** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà và chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV có thể mời đại diện 4 nhóm lần lượt trình bày 4 câu trả lời, các nhóm khác bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý và bổ sung cho câu trả lời của các nhóm theo định hướng tham khảo sau:

Câu 1: Tình cảm, cảm xúc thương nhớ người mẹ được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh: *Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng/ Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời/ Hình dáng mẹ tôi chưa xoá mờ.*

Câu 2: Cách ngắt nhịp đều đặn, chủ yếu của bài thơ là 4/ 3, trừ câu thứ hai ngắt nhịp 2/ 2/ 3, gieo vần chủ yếu là vần thông. Tác dụng: Thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương.

Câu 3: Kí ức về mẹ trong tâm tưởng của nhân vật “tôi” gắn liền với hình ảnh mẹ đưa áo ra giặt phơi mỗi khi có nắng mới về. Bên song cửa ngập tràn *nắng mới*, vào khoảnh khắc yên ắng, tĩnh lặng của một buổi trưa buồn, bất chợt nhìn ra giặt thưa, nhà thơ bắt gặp hình ảnh quen thuộc của mẹ lúc còn sống. Những kí ức thân thương về mẹ sống dậy trong tâm tưởng của nhà thơ từ hình dáng thấp thoáng sau chiếc *áo đỏ* đến *nét cười đen nhánh sau tay áo*. Khổ thơ thứ hai: Hình ảnh người mẹ chưa được khắc hoạ trực tiếp mà chỉ thoáng ẩn hiện sau màu áo đỏ, sau lưng giặt thưa đậm màu nắng mới. Có lẽ, đó là những kí ức đẹp đẽ, thân thương nhất về người mẹ còn đọng lại trong tâm trí của một đứa trẻ lên mười nên cả không gian ấy tươi vui, đầy sức sống *nắng mới reo ngoài nội*. Màu đỏ của chiếc áo đã làm cho hình ảnh người mẹ phơi áo trở thành một điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ của nhân vật “tôi”. Khổ 3: Chân dung người mẹ dần hiện ra rõ nét hơn với một *nét cười* vừa lấp lánh toả sáng, vừa kín đáo, nhẹ nhàng. Đến đây, hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt Nam thuở xưa.

Câu 4: Cảm hứng chủ đạo, xuyên suốt tác phẩm là nỗi nhớ về người mẹ trong kí ức tuổi thơ của tác giả. Cảm hứng đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam, đó là tình cảm yêu thương gia đình.

DẠY TIẾNG VIỆT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT
LỖI TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. Năng lực đặc thù

Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.

2. Năng lực chung

NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi ở hoạt động *Tìm hiểu tri thức tiếng Việt* và nhóm ở hoạt động *Luyện tập*.

II. KIẾN THỨC

Hiểu được lỗi trật tự từ.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.
- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS, trả lời câu hỏi:

+ Bạn hiểu thế nào là trật tự từ trong câu?

+ Theo bạn, việc sắp xếp sai trật tự từ trong câu có thể gây ra hệ quả gì? Em hãy cho ít nhất một ví dụ về lỗi sắp xếp trật tự từ trong câu mà bạn đã gặp trong cuộc sống hoặc trên báo chí, các phương tiện truyền thông khác.

(2) HS đọc nhanh nội dung phần Tri thức Ngữ văn (SGK/ tr. 5) và Thực hành tiếng Việt (SGK/ tr. 14, 15) để xác định nhiệm vụ HT.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1– 2 nhóm HS trình bày. Các nhóm HS khác bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định**

(1) GV ghi nhận những nội dung HS đã biết về lỗi trật tự từ trong câu và ví dụ lên bảng phụ của lớp.

(2) GV nhận xét câu trả lời của HS; Giới thiệu bài học và nhiệm vụ HT.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

TÌM HIỂU VỀ LỖI TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU VÀ CÁCH SỬA

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được các loại lỗi trật tự từ trong câu và cách sửa.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ HT.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc Tri thức Ngữ văn phần lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa (SGK/ tr. 5), sau đó tóm tắt nội dung tri thức lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa theo các nội dung sau: Một số loại lỗi, cách sửa (HS có thể kẻ bảng hoặc sơ đồ tư duy để tóm tắt thông tin).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS. Trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số loại lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa tương ứng, xem Tri thức Ngữ văn (SGK/ tr. 5).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động luyện tập: Thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu

- Nhận biết được một số loại lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa.
- Vận dụng được kiến thức về từ tượng hình, từ Hán Việt, biện pháp tu từ (điệp từ, nói giảm nói tránh) để thực hiện các nhiệm vụ HT.
- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK/ tr. 15).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc cặp đôi để trả lời câu 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK/ tr.15).

Câu 1: GV hướng dẫn HS đọc lại bài tập và thực hiện hai yêu cầu sau:

- Chỉ ra lỗi về trật tự từ của câu.
- Sắp xếp lại trật tự từ để sửa lỗi.

Có thể thiết kế PHT như sau:

Câu	Lỗi về trật tự từ	Cách sửa
A		
B		
C		
D		
E		

Câu 2: GV hướng dẫn HS tìm 2 câu mắc lỗi sai trên báo chí.

Câu 3: GV hướng dẫn HS đọc kĩ các cặp câu a_1 và a_2 , b_1 và b_2 , c_1 và c_2 ; so sánh sự khác nhau trật tự từ và nghĩa giữa các cặp câu. Trên cơ sở đó, hướng dẫn HS xác định việc không thể chấp nhận việc thay đổi trật tự từ như ở các câu a_2 , b_2 và c_2 .

Câu 4: GV hướng dẫn HS nhận xét việc sắp xếp trật tự các vế trong câu dựa trên việc xác định nội dung thông tin miêu tả của câu. GV có thể gợi ý cho HS: Câu văn có mấy vế? Chúng ta có thể thay đổi trật tự các vế ấy không? Vì sao?

Câu 5: GV hướng dẫn HS đọc lại câu thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định (những) từ ngữ được sử dụng độc đáo trong câu thơ.
- Lí giải nét độc đáo trong cách sử dụng (những) từ ngữ ấy.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo cặp đôi để làm các bài tập.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.
- GV nhận xét nội dung trả lời các bài tập của HS theo các định hướng tham khảo:

Câu 1

a. Cụm từ “ở Việt Nam” bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “chỉ có”. Cách sắp xếp trật tự từ trong câu a khiến cho người đọc hiểu nhầm là “Giải vô địch bóng đá

Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có ở Việt Nam và chỉ có trên kênh VTC”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có trên kênh VTC”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như đề bài đã cho khiến câu không diễn đạt đúng nội dung mà người viết muốn thể hiện.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có trên kênh VTC.

b. Cụm từ “ở trụ sở công an” có thể bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “thực hiện nhiều vụ trộm”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý hành động khai báo của tên trộm diễn ra ở “trụ sở công an”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như trên khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: Ở trụ sở công an, tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm.

c. Trong câu này, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

→ Cách sửa: *Họ nằm xuống, úp cái nón lên mặt, ngủ một giấc cho đến chiều.*

d. Trong câu này, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

→ Cách sửa: *Anh ấy từ tốn nói lời chào tôi, đóng cửa lại rồi đi vào nhà.*

đ. Các từ ngữ “nổi tiếng”, “của Mỹ” bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “ngày tận thế”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ...”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như ngữ liệu đã cho khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về ngày tận thế.*

e. “Kiên cường” có thể bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “thực dân Pháp”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như trên khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Trong cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.*

Câu 2: HS tự làm.

Câu 3:

– Cặp câu a_1 và a_2 : Trong câu a_2 , việc sắp xếp trật tự các hành động không hợp lí (không thể xếp “cúi mình nhìn ra phía ao” trước “lẳng lặng ngồi dậy”) khiến câu sai lô-gíc. Do vậy, sự thay đổi trật tự từ như ở câu a_2 là không thể chấp nhận được.

– Cặp câu b_1 và b_2 : Trong câu b_2 , việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc. Do vậy, việc thay đổi trật tự từ như ở câu b_2 là không thể chấp nhận được.

– Cặp câu c_1 và c_2 : Cụm từ “xinh xắn” trong câu c_1 được Thạch Lam dùng để bổ sung ý nghĩa cho “hai bàn chân”, tuy nhiên trong câu c_2 , cụm từ ấy lại được sắp xếp theo cách bổ sung ý nghĩa cho “Nga”. Câu c_1 trong VB *Dưới bóng hoàng lan* vốn được Thạch Lam sử dụng để miêu tả những cảm nhận của Thanh khi đi dạo trong vườn nhà, đặc biệt gợi nhớ những kỉ ức đẹp đẽ của Thanh về Nga. Do đó, cách sắp xếp trật tự từ như trong câu c_1 mới phù hợp với nội dung miêu tả. Còn cách sắp xếp trật tự từ như trong câu c_2 lại khiến nội dung miêu tả cảm nhận của nhân vật Thanh mất đi vẻ kín đáo, ý nhị ban đầu. Vì vậy, cách thay đổi trật tự từ ấy không thể chấp nhận được.

Câu 4:

Câu văn có ba vế (được ngăn cách với nhau bằng dấu chấm phẩy), sắp xếp các hành động của nhân vật Thanh theo một trình tự hợp lí. Vì vậy, chúng ta không thể thay đổi trật tự giữa các vế trong câu.

Lưu ý: GV cũng có thể chỉ ra rằng trong mỗi vế, còn có thể có sự sắp xếp các hành động của nhân vật Thanh theo một trình tự hợp lí (chẳng hạn, trong vế đầu tiên: Bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngo đầu nhìn vào trong nhà).

Câu 5:

Nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ của câu *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*:

– Điệp từ *dốc* được đặt ở đầu hai vế câu: gợi cảm giác những con đường dốc nối tiếp nhau.

– Từ ngữ giàu chất tạo hình: *khúc khuỷu, thăm thẳm, ...* diễn tả đặc địa sự hiểm trở và độ cao ngất trời của núi rừng Tây Bắc.

– Từ *láy thăm thăm* vốn được dùng chỉ độ sâu hay xa đến mức hút tầm mắt, nhìn không thấy đâu là cùng, là tận. Từ *thăm thăm* khi kết hợp với từ “đốc” gợi cảm giác đốc lên hoặc xuống sâu hun hút, không thể nhìn thấy đỉnh hay đáy, địa hình đốc dựng đứng.

2. Hoạt động hướng dẫn làm bài tập *Từ đọc đến viết*

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về lỗi trật tự từ và cách sửa để kiểm soát, sửa lỗi (nếu có) trong một tình huống giao tiếp thực tế.

b. Sản phẩm: Đoạn văn đã kiểm soát và sửa lỗi về trật tự từ (nếu có).

c. Tổ chức hoạt động

* *Giao nhiệm vụ HT*

(1) Thực hiện ở nhà: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) kể về một kỉ niệm có ý nghĩa sâu sắc đối với bạn.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo các bước sau:

- Đọc kĩ nhiệm vụ HT, xác định yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn.
- Xác định một số yêu cầu trước khi viết: Người đọc đoạn văn có thể là ai? Nội dung đoạn văn là gì?
- Viết đoạn văn → Đọc lại → Chỉnh sửa.

(2) Thực hiện trên lớp (vào đầu tiết học sau hoặc tiết ôn tập): HS đổi bài theo nhóm đôi để đọc, đánh giá theo bảng kiểm cho trước, kiểm soát các loại lỗi về trật tự từ (nếu có) và đề xuất phương án sửa.

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Có nội dung kể về một kỉ niệm có ý nghĩa sâu sắc đối với bạn.		
Có hình thức của một đoạn văn.		
Có câu chủ đề.		
Có phép liên kết để tạo sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc trong đoạn.		

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) Cá nhân HS thực hiện ở nhà theo sự hướng dẫn của GV.

(2) Nhóm đôi HS thực hiện ở lớp theo sự hướng dẫn của GV.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm đoạn văn sau khi đã chỉnh sửa dựa trên đề xuất của bạn trong nhóm (vào đầu tiết học sau hoặc tiết ôn tập).

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc ở nhà và tại lớp của HS, đặc biệt chú ý đến việc HS vận dụng lỗi về trật tự từ và cách sửa khi thực hiện đánh giá sản phẩm lẫn nhau.

3. Hoạt động khái quát về nội dung tiếng Việt

a. Mục tiêu: Rút ra được những nội dung thu hoạch được từ bài học về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS ứng với nhiệm vụ HT.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS rút ra một số lưu ý khi vận nội dung bài học này vào thực tiễn:

+ Theo bạn, nội dung bài học này có thể được vận dụng trong tình huống thực tế sử dụng ngôn ngữ nào?

+ Nêu ít nhất một kinh nghiệm mà bạn đã thu hoạch được từ bài học.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS chia sẻ câu trả lời. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định, khái quát theo gợi ý sau:

+ Bài học này có thể được vận dụng trong tình huống tạo lập VB (nói và viết).

+ Kinh nghiệm: Cố gắng đặt câu tránh các lỗi về trật tự từ.

DẠY VIẾT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT
VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH,
ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

– Biết viết VB bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); Tìm ý và lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: Chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng.

1.2. Năng lực chung

– NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

– NL giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ luyện tập kĩ năng viết.

II. KIẾN THỨC

– Cách viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình.

– Đảm bảo trình tự đúng của một bài viết văn bản nghị luận.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– PHT.

– Bảng kiểm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Kích hoạt được tri thức nền về kiểu bài sẽ học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Ở học kì I, chúng ta đã học kĩ năng viết bài văn nghị luận ở những bài học nào?

(2) Kĩ năng viết bài văn nghị luận về một truyện kể có gì khác với kĩ năng viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận với bạn bên cạnh để lần lượt thực hiện hai nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời về nhiệm vụ (1), GV bổ sung, sau đó, HS sẽ thực hiện nhiệm vụ (2).

*** Kết luận, nhận định:** GV bổ sung cho câu trả lời của HS:

(1) Ở học kì I, các em đã học hai bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng của một truyện kể và một bài thơ.

(2) Kĩ năng viết hai kiểu bài này là giống nhau, chỉ khác về nội dung nghị luận: Nghị luận về tác phẩm truyện và nghị luận về tác phẩm thơ.

Tiếp theo, GV giới thiệu bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình

a. Mục tiêu

– củng cố được tri thức về kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.
– Nhận biết được đặc điểm kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình.

b. Sản phẩm: Câu trả lời trên PHT của HS.

c. Tổ chức hoạt động

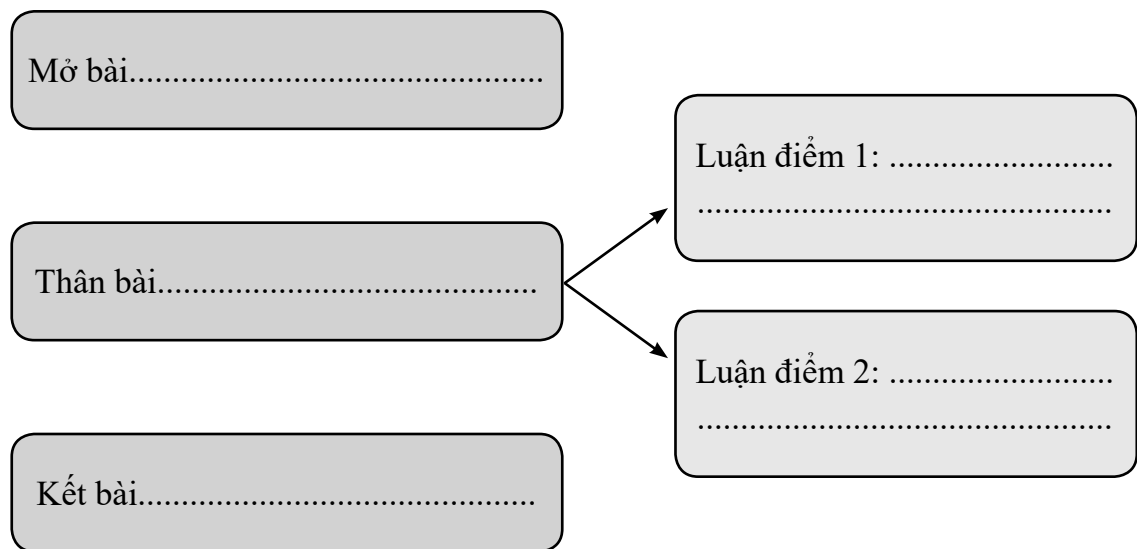
*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Đọc khung thông tin (SGK/ tr. 17) và điền vào PHT sau:

PHT SỐ 1

ĐẶC ĐIỂM KIỂU BÀI PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

1. Yêu cầu chung đối với kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học là
2. Yêu cầu riêng đối với kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình là
3. Điền vào sơ đồ sau yêu cầu đối với kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng:



* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 HS thực hiện nhiệm vụ trên giấy A0.

* **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm treo sản phẩm và đọc, góp ý sản phẩm của nhau.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng sau:

(1) Yêu cầu chung đối với kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học là dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm (truyện, thơ, kịch,...).

(2) Yêu cầu riêng đối với kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình là dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm trữ tình gồm bài thơ, văn xuôi trữ tình.

(3) Yêu cầu đối với kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng:

– Mở bài, kết bài: GV kết luận dựa trên định hướng của SGK.

– Thân bài: Nhấn mạnh đặc điểm của kiểu bài: Cần trình bày rõ ràng hai luận điểm:

Luận điểm 1: Nêu chủ đề tác phẩm, phân tích và đánh giá/ nhận xét về chủ đề; Luận điểm 2: Nêu tên các đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm (tùy theo đặc điểm thể loại là bài thơ hay văn xuôi trữ tình) đồng thời phân tích và đánh giá/ nhận xét tác dụng những đặc sắc nghệ thuật đối với việc thể hiện chủ đề tác phẩm. Lưu ý: Có thể đảo trình tự trình bày của hai luận điểm này.

2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản (thông qua ngữ liệu tham khảo)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu về luận điểm phân tích, đánh giá tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong bài thơ.

b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** GV có thể trình chiếu ngữ liệu tham khảo và yêu cầu HS:

(1) Đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trong từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn và đối chiếu với thông tin trong mục *Yêu cầu đối với kiểu bài* để nắm được các đặc điểm của kiểu bài.

(2) Đọc và trả lời các câu hỏi sau VB mẫu (SGK/ tr. 19).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thảo luận theo nhóm đôi.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời, nhóm khác bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS:

(1) Xác định các yêu cầu đối với luận điểm phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm: Nêu tên các biện pháp nghệ thuật, lần lượt nhận xét, đánh giá, bàn luận tác dụng của các biện pháp đó, đồng thời trích dẫn các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến của mình.

(2) Tiếp tục làm sáng tỏ yêu cầu đối với kiểu bài qua việc trả lời các câu hỏi (SGK/ tr. 19)

Câu 1: Ngữ liệu trên là một đoạn trích, không phải là một bài viết hoàn chỉnh vì:

(1) Thiếu phần mở bài, kết bài; (2) Các chỉ dấu thể hiện trích như [...].

Câu 2: Luận điểm được nêu trong ngữ liệu: Phân tích, đánh giá tác dụng của các biện pháp tu từ. Luận điểm này được triển khai qua các ý bàn về biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, điệp ngữ, cách dùng chủ thể trữ tình nhập vai (nhà thơ nhập vai vào em bé). Với mỗi ý, tác giả bài viết đều dẫn ra các bằng chứng từ bài thơ.

Câu 3: Tác dụng của câu cuối trong ngữ liệu: Liên hệ với các câu ca dao khác về tình mẹ con để mở rộng vấn đề được bàn luận.

3. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết

a. Mục tiêu: Ôn lại những thao tác cần thực hiện khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT)

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc lướt các bước trong quy trình viết, nêu tác dụng của từng bước.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS rút ra kết luận về tác dụng của từng bước:

– **Bước 1:** Xác định đúng yêu cầu của đề tài, người đọc và mục đích viết sẽ giúp định hình được nội dung giao tiếp, cách giao tiếp. Xác định được phạm vi tư liệu cần tìm, nơi tìm sẽ giúp nâng cao chất lượng bài viết.

– **Bước 2:** Giúp định hình ý tưởng trước khi viết, sắp xếp các ý tưởng theo một trình tự lô-gíc, đảm bảo không lạc đề, bỏ sót ý.

– **Bước 3:** Giúp triển khai các ý thành bài viết.

– **Bước 4:** Giúp người viết tự điều chỉnh những thiếu sót, giúp cho bài viết hoàn chỉnh hơn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết

a. Mục tiêu

– Xác định được đề tài, đối tượng, mục đích của bài viết.

– Thu thập được tư liệu cho bài viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS là xác định đề tài, đối tượng, mục đích và cách thu thập tư liệu của nghị luận.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện yêu cầu:

(1) Đọc các đề tài gợi ý (SGK/ tr. 19), chọn một tác phẩm đã được SGK giới thiệu hoặc tự chọn tác phẩm ngoài SGK.

(2) Liệt kê các tư liệu cần tìm và cách tìm.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm thực hiện.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo, các nhóm khác bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** Dựa trên câu trả lời của HS, GV góp ý, định hướng cho HS:

- Không nên chọn một tác phẩm quá dài vì sẽ không có đủ thời gian để đọc.
- Không nên chọn tác phẩm quá mới vì khó tìm tư liệu tham khảo.
- Nên chọn tác phẩm mà đa số thành viên trong nhóm yêu thích.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ này trước khi đến lớp để các em có thời gian tìm tư liệu.

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý

a. Mục tiêu: Biết cách tìm ý, lập dàn ý cho bài nghị luận: Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: Chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng.

b. Sản phẩm: Phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Điền vào PHT tìm ý

PHT SỐ 2: TÌM Ý CHO BÀI NGHỊ LUẬN

Tên tác phẩm.....

1. Chủ đề tác phẩm

2. Các khía cạnh của chủ đề là

3. Nét đặc sắc của chủ đề này so với các tác phẩm cùng đề tài

4. Các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm là:

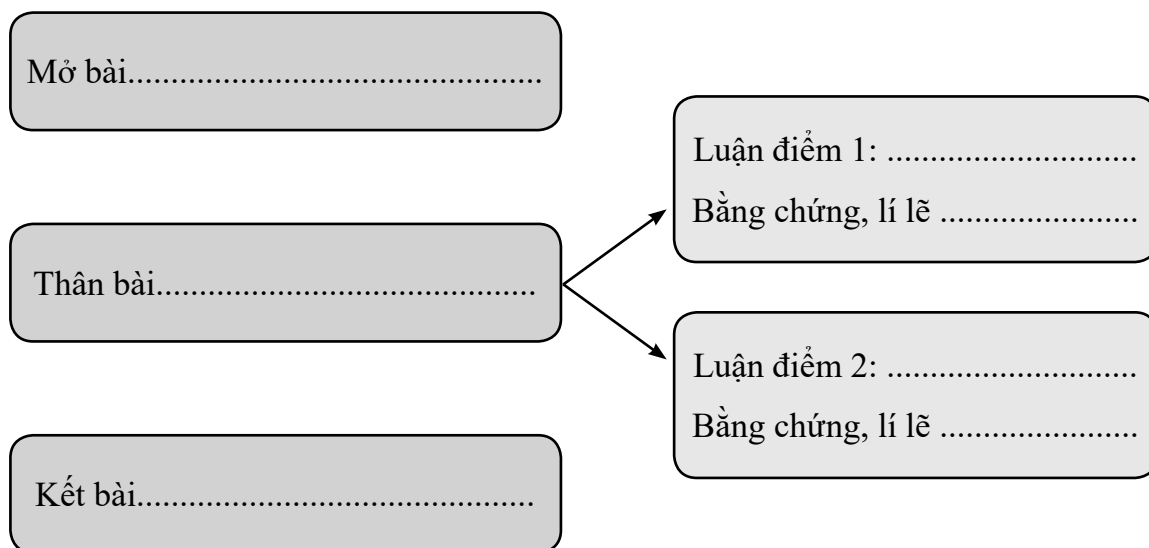
–

–

5. Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó là

.....

(2) Vẽ sơ đồ dàn ý



(3) Dựa vào các mục mở bài, thân bài, kết bài trong bảng kiểm (SGK/ tr. 21, 22) để tự đánh giá, điều chỉnh sơ đồ.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 HS thực hiện nhiệm vụ HT trên giấy A0.

* **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm treo sản phẩm, cả lớp cùng đọc, thảo luận, góp ý dựa trên các mục mở bài, thân bài, kết bài trong bảng kiểm.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý, nhận xét cho sản phẩm của các nhóm về các mặt:

(1) Phiếu tìm ý nêu được chủ đề và các khía cạnh của chủ đề; Xác định được các khía cạnh của chủ đề; So sánh được với ít nhất chủ đề của một tác phẩm khác cùng đề tài để làm rõ nét đặc sắc của chủ đề tác phẩm đã chọn; Liệt kê được các biện pháp nghệ thuật và nêu được một số tác dụng của các biện pháp đó.

(2), (3) Dàn ý đáp ứng yêu cầu của kiểu bài; Thể hiện rõ hai luận điểm; Có bằng chứng, lí lẽ làm sáng tỏ luận điểm.

2. Hoạt động viết bài (thực hiện ở nhà)

a. Mục tiêu: Viết được bài bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: Chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng.

b. Sản phẩm: Một bài văn hoàn chỉnh.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS về nhà viết bài, trong quá trình viết, đối chiếu với bảng kiểm để tự điều chỉnh.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện ở nhà.

*** Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của các nhóm sẽ được trình bày trong tiết, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá sản phẩm dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 102), tiết xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa

a. Mục tiêu

- Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của nhóm.
- Nhận xét được cho bài viết của các nhóm HS khác trong lớp.

b. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của các nhóm HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS đọc lại bảng kiểm (SGK/ tr. 21, 22).

(2) 2 HS đổi bài cho nhau, đọc và dùng bút màu khác để góp ý cho bạn dựa trên bảng kiểm, sau đó, cùng trao đổi về những góp ý của bạn.

(3) Mỗi HS rút ra những điểm cần chỉnh sửa trong bài viết của mình sau khi được bạn góp ý.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** Một vài HS đọc bài viết trước lớp, nêu rõ những ý kiến góp ý của bạn, những điều bản thân thấy hợp lí và cần chỉnh sửa, những gì học được từ bài viết của bạn.

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV khen ngợi sự hợp tác của các nhóm, chất lượng của các góp ý, tinh thần cầu thị trong việc học hỏi lẫn nhau của HS.

(2) Chọn ngẫu nhiên một bài viết, GV đọc to và góp ý cho bài viết dựa trên bảng kiểm, chú ý nhấn mạnh yêu cầu là không chỉ nêu chủ đề và các biện pháp nghệ thuật mà phải phân tích, nhận xét nét đặc sắc của chủ đề tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề.

(3) Nhắc HS chụp hình bài viết hoặc up file đánh máy bài viết của mình lên trang HT của lớp (Google classroom, Edmodo, Zalo,...) để tất cả HS cùng đọc và nhận xét.

3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài nghị luận: Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: Chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng.

b. Sản phẩm: Kinh nghiệm của HS về việc viết kiểu bài này.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Mỗi HS ghi lại ít nhất hai bài học kinh nghiệm về việc viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: Chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

*** Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu

- Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.
- Sử dụng bảng kiểm để góp ý cho bài viết của bạn.

b. Sản phẩm: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và thực hiện ở nhà:

- (1) Chỉnh sửa bài viết.
- (2) Nhận bài viết của một HS trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận**

- (1) HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin HT của lớp.
- (2) Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

*** Kết luận, nhận định: GV nhận xét:**

- (1) Thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ HT được giao.
- (2) Kỹ năng giao tiếp khi góp ý cho bài của bạn.

DẠY NÓI VÀ NGHE
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE
GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT
CỦA MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Biết giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).

1.2. Năng lực chung

NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

2. Phẩm chất

Trung thực khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

II. KIẾN THỨC

Cách giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được tri thức nền về bài giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

– Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tri thức nền liên quan đến đặc điểm bài giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học, về nhiệm vụ nói và nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Theo em, bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học có những yêu cầu gì về nội dung và bố cục?

(2) HS đọc lướt phần giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học để trả lời câu hỏi: Phần nói và nghe này có liên hệ gì với phần viết mà em đã trình bày trước đó? Nhiệm vụ HT chúng ta cần thực hiện là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, tổng hợp các tri thức nền của HS về cách giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ, dẫn dắt, giới thiệu bài học.

– GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe: Dựa vào nội dung bài viết đã thực hiện, HS nói và nghe để giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động chuẩn bị nói

a. Mục tiêu

– Liệt kê được những thao tác cần thực hiện để giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

– Tìm ý và lập được dàn ý cho bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời theo nhiệm vụ HT được giao.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Đọc (SGK/ tr. 22, 23) phần hướng dẫn *Chuẩn bị nói*, sau đó, đọc lại bài viết đã chuẩn bị ở nhà để thực hiện những yêu cầu sau:

– Đề tài nói của bạn là gì?

– Mục đích nói của bạn là gì?

– Người nghe của bạn là ai? Họ mong đợi điều gì ở bài nói của bạn?

– Bạn sẽ nói ở đâu, trong thời gian bao lâu? Có sự hỗ trợ của một số phương tiện trình bày không?

– Dựa theo phần hướng dẫn tìm ý (SGK/ tr. 22), xác định những ý cần cho bài nói.

+ Dựa trên phiếu giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học (SGK/ tr. 23), lập dàn ý cho bài nói.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm HS đọc (SGK/ tr. 22, 23), thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm HS khác trao đổi, góp ý (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ HT của các nhóm; Gợi ý, bổ sung cho phần Chuẩn bị nói của HS.

2. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá bài giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học

a. Mục tiêu: Trình bày được cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách thức thực hiện và đánh giá kĩ phần giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS đọc phần hướng dẫn bước 2. *Trình bày bài nói*, bước 3. *Trao đổi và đánh giá* (SGK/ tr. 24) và trả lời những câu hỏi sau:

+ Khi giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học, bạn cần lưu ý những gì?

+ Khi trao đổi với người nghe, bạn cần lưu ý những gì?

+ Đọc bảng kiểm (SGK/ tr. 24) để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm. Bảng kiểm này nên được sử dụng như thế nào cho hiệu quả?

(2) GV yêu cầu HS đặt câu hỏi về những nội dung các em chưa rõ trong quy trình nói.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) 1 – 3 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).

(2) HS nêu câu hỏi (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét, kết luận về những lưu ý cần thực hiện khi giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

(2) Giải đáp câu hỏi của HS (nếu có).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu

- Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.
- NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Sản phẩm: Bài giới thiệu, đánh giá nội dung nghệ thuật của một tác phẩm văn học và phản phản hồi với người nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

- (1) HS luyện nói theo nhóm đôi.
- (2) Đại diện 1 – 2 cá nhân HS trình bày bài nói trước lớp.
- (3) Trao đổi, đánh giá lẫn nhau về bài trình bày theo các tiêu chí đã thống nhất từ trước.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) → (2) → (3).

*** Báo cáo, thảo luận**

- (1) và (2) đại diện 1 – 2 cá nhân HS trình bày bài nói trước lớp.
- (3) HS trao đổi, đánh giá bài trình bày lẫn nhau.

*** Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét kết quả HS giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học.

2. Hoạt động trao đổi, rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm cho bản thân sau hoạt động nói và nghe.

b. Sản phẩm: Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS rút ra ít nhất hai kinh nghiệm về cách giới thiệu một tác phẩm văn học.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS rút kinh nghiệm cá nhân.

*** Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần lưu ý: Ưu điểm và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh khi giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học; cách nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác trong lớp.

– GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có).

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KỸ NĂNG KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE
NGHE VÀ NẮM BẮT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI;
NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM ĐÓ

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

1.2. Năng lực chung

NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

2. Phẩm chất

Trung thực khi nghe, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người khác.

II. KIẾN THỨC

Cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; Cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được tri thức nền của HS về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; Cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

– Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tri thức nền liên quan đến cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; Cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó; Về nhiệm vụ nói và nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Bạn đã biết gì về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó? Bạn muốn biết thêm điều gì về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói? cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó?

(2) HS đọc lướt phần nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; Nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó để trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chúng ta cần thực hiện ở phần nói và nghe này là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS suy nghĩ, tự tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác góp ý, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, tổng hợp các hiểu biết nền và mong muốn tìm hiểu của HS về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; Cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ, dẫn dắt, giới thiệu bài học.

– GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe: Ở bài học này, HS nói và nghe để luyện tập kỹ năng nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; Nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động chuẩn bị nói

a. Mục tiêu

– Xác định được những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị nghe, lắng nghe và ghi chép ý kiến của người khác.

– NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

b. Sản phẩm: Câu trả lời theo nhiệm vụ HT được giao.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc (SGK/ tr. 22, 23) phần hướng dẫn *Chuẩn bị nghe, Lắng nghe và ghi chép*, (SGK/ tr. 25, 26); Gạch chân những từ khoá quan trọng để xác định các thao tác cần thực hiện và nêu câu hỏi về những điều chưa rõ.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận**

– HS trao đổi phân xác định từ khoá nội dung chuẩn bị nghe, lắng nghe và ghi chép theo hình thức nhóm đôi.

– HS nêu câu hỏi về những điều chưa rõ (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS, giải đáp câu hỏi của HS (nếu có).

2. Hoạt động tìm hiểu cách trao đổi, nhận xét và các tiêu chí đánh giá kĩ năng nghe

a. Mục tiêu

– Xác định được những việc cần thực hiện khi trao đổi, nhận xét về ý kiến, quan điểm của người nói.

– Nêu được những điều chưa rõ về các tiêu chí đánh giá kĩ năng nghe.

b. Sản phẩm: Câu trả lời liên quan đến cách thức trao đổi, nhận xét ý kiến, quan điểm của người nói; Những điều chưa rõ về các tiêu chí đánh giá kĩ năng nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc phần hướng dẫn bước 3. Trao đổi, nhận xét, đánh giá (SGK/tr. 27) và trả lời những câu hỏi sau:

– Khi trao đổi, nhận xét về ý kiến, quan điểm của người nói, bạn cần lưu ý những gì?

– Đọc bảng kiểm (SGK/ tr. 27) để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác trao đổi, bổ sung; HS nêu câu hỏi (nếu có).

* Kết luận, nhận định

– GV nhận xét, kết luận về những lưu ý cần thực hiện khi trao đổi, nhận xét.

– GV giải đáp câu hỏi của HS (nếu có).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động thực hành chuẩn bị nghe, lắng nghe và ghi chép

a. Mục tiêu: Thực hiện được nhiệm vụ chuẩn bị nghe, lắng nghe và ghi chép.

b. Sản phẩm: Nội dung chuẩn bị trước khi nghe; Nội dung ghi chép tóm tắt ý kiến, quan điểm của người nói.

c. Tổ chức hoạt động

* Giao nhiệm vụ HT

(1) Thực hiện những thao tác đã tìm hiểu ở bước 1 (*Chuẩn bị nghe*).

(2) Lắng nghe và ghi chép tóm tắt ý kiến, quan điểm của người nói.

Lưu ý: GV có thể chọn một đoạn video clip trình bày về một nội dung phù hợp của HS, hoặc kết hợp với phần trình bày giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học để tổ chức cho HS rèn luyện kĩ năng nghe, nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) → (2).

* Báo cáo, thảo luận

(1) Đại diện 1 – 2 cá nhân HS trình bày phần chuẩn bị trước lớp.

(2) Đại diện 1 – 2 HS trao đổi nội dung phần ghi chép tóm tắt trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) và đánh giá lẫn nhau theo các tiêu chí trong các mục *Chuẩn bị nghe; Lắng nghe và ghi chép* (Bảng kiểm kỹ năng nghe, (SGK/ tr. 27).

* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét kết quả HS nghe và ghi chép của HS.

2. Hoạt động nhận, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói và rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu

- Trao đổi, nhận xét, đánh giá được về ý kiến, quan điểm của người nói.
- Rút ra được kinh nghiệm cho bản thân sau hoạt động nói và nghe.

b. Sản phẩm: Phần trao đổi, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói.

(2) Rút ra ít nhất một kinh nghiệm khi nghe và nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói và trình bày kinh nghiệm trước lớp.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) 1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói. Các HS khác quan sát, nhận xét cách thức thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá của bạn mình theo các tiêu chí trong các mục *Trao đổi, nhận xét, đánh giá; Thái độ và ngôn ngữ* (Bảng kiểm kỹ năng nghe (SGK/ tr. 27).

(2) 2 – 3 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ HT. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá cách thức HS thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói; Những kinh nghiệm HS đã trình bày.

D. HOẠT ĐỘNG GIAO BÀI ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà theo hướng dẫn (SGK/ tr. 28).

b. Sản phẩm: Kết quả thực hiện các bài ôn tập 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 28).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm các bài ôn tập 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 28) để báo cáo trong tiết ôn tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện bài ôn tập ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** Thực hiện ở tiết ôn tập.

ÔN TẬP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP

Thời gian thực hiện: 0.5 tiết

A. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY PHẦN CHUẨN BỊ CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

b. Sản phẩm: Câu trả lời cho các câu hỏi ôn tập của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập 1, 2, 3 (SGK/ tr. 28) đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS kiểm tra lại bài tập đã chuẩn bị ở nhà và chia sẻ kết quả với bạn bên cạnh.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả phần chuẩn bị trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.

B. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY KẾT QUẢ PHẦN TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Lưu ý: Nếu hoạt động này chưa được tiến hành ở các tiết học trước thì đến tiết ôn tập, GV tổ chức cho HS trình bày kết hợp sản phẩm viết của HS (GV xem lại cách thức tổ chức hoạt động đã hướng dẫn ở những phần trên).

C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CHỦ ĐIỂM

a. Mục tiêu: Kết nối được những gì thu nhận từ bài học liên quan đến chủ điểm *Nâng niu kỉ niệm* để trao đổi, chia sẻ về câu hỏi lớn.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về câu hỏi 4 (SGK/ tr. 28).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS trả lời câu hỏi 4 (SGK/ tr. 28).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày suy nghĩ. Các HS khác trao đổi, chia sẻ và có thể nêu câu hỏi (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý cho câu trả lời của HS, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên các tiêu chí sau:

Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Trình bày được ít nhất một giá trị của kỉ niệm đối với cuộc sống con người.		
Giải thích hợp lí, thuyết phục cơ sở đưa ra suy nghĩ.		
Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc.		



ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8.5 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

DẠY ĐỌC

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KỸ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

THƯ LẠI DỤ VƯƠNG THÔNG

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI – BÀI 43 (Đọc kết nối chủ điểm)

DỤC THUÝ SƠN

NGUYỄN TRÃI – NHÀ NGOẠI GIAO, NHÀ HIỀN TRIẾT, NHÀ THƠ

(Đọc mở rộng theo thể loại)

Thời gian thực hiện: 7.5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; Vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của VB; Xác định được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

– Xác định được ý nghĩa của VB. Dựa vào các quan điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội.

– Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.

1.2. Năng lực chung

– NL tự chủ và tự học.

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- NL giao tiếp và hợp tác.

2. Phẩm chất

Biết yêu lẽ phải và sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của đất nước.

II. KIẾN THỨC

- Nguyễn Trãi: Tác giả và tác phẩm.
- Văn nghị luận, bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá trong văn nghị luận.
- Kỹ năng đọc văn nghị luận.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.
- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.
- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung các VB đọc.
- Các phiếu hướng dẫn đọc, các PHT, các phiếu bài tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

- Xác định được tên chủ điểm, thể loại và bước đầu nêu suy nghĩ về chủ điểm của bài học.
- Xác định nhiệm vụ HT của phần Đọc.

b. Sản phẩm

- Thái độ của HS khi tham gia hoạt động HT.
- Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Giới thiệu chủ điểm và thể loại

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ sau:

GV trình chiếu một số hình ảnh về Nguyễn Trãi và các tác phẩm của ông, sau đó, yêu cầu HS nêu suy nghĩ về tên chủ điểm của bài học (*Anh hùng và nghệ sĩ*).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS quan sát hình ảnh, trao đổi với nhau để trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày.

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét phần trả lời của HS.

– GV có thể giải thích thêm, nhấn mạnh hai khía cạnh “anh hùng” và “nghệ sĩ” khi bàn về tác gia Nguyễn Trãi.

– GV giới thiệu thể loại VB mà HS sẽ học: đọc VB nghị luận và VB thơ trữ tình; trong đó trọng tâm là VB nghị luận.

Hoạt động 2: Xác định nhiệm vụ học tập của phần Đọc

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS quan sát nội dung phần đọc (SGK/ tr. 33, 50) và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chính của các em về đọc ở bài học này là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV hướng dẫn HS tóm tắt nhiệm vụ HT của phần đọc (đọc VB 1 và 2 để hình thành và phát triển kỹ năng đọc VB nghị luận, đọc VB 3 để tìm hiểu thêm về chủ điểm *Anh hùng và nghệ sĩ*; đọc VB 4 để thực hành kỹ năng đọc mở rộng theo tác giả; đọc VB 5 để thực hành kỹ năng đọc theo thể loại).

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động giới thiệu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu

– Trình bày được những nét tiêu biểu về cuộc đời của Nguyễn Trãi và các tác phẩm văn chương của ông (bao gồm văn nghị luận và thơ trữ tình).

– Xác định được một số yếu tố cần lưu ý khi đọc hiểu VB nghị luận nói chung (luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) và VB nghị luận trung đại nói riêng.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phân ghi chép của HS về tác gia Nguyễn Trãi và VB nghị luận.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Giới thiệu chủ điểm và thể loại

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS được chia thành hai đội, mỗi đội thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) HS đọc nội dung về tác gia Nguyễn Trãi trong phần Tri thức Ngữ văn (SGK/ tr. 29, 32) và chơi trò chơi Hỏi nhanh đáp nhanh: Nguyễn Trãi là ai? Ông có những tác phẩm tiêu biểu nào? Nội dung chính trong tác phẩm của ông là gì?

(2) HS đọc nội dung về văn nghị luận trong Tri thức Ngữ văn (SGK/ tr. 31) và chơi trò chơi Đoán ý đồng đội. GV chọn một số từ ngữ về đặc điểm của văn nghị luận nói chung và nghị luận trung đại nói riêng, như luận đề, luận điểm, luận cứ, bằng chứng, tính quy phạm, bối cảnh lịch sử,... để thiết kế thành trò chơi.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT và báo cáo thảo luận**

Lớp chia làm 2 đội thực hiện nhiệm vụ:

(1) Các đội giơ tay giành quyền trả lời câu hỏi.

(2) Mỗi đội cử hai HS tham gia trò chơi, một HS gợi ý, một HS đoán từ khóa.

*** Kết luận, nhận định**

– GV tổng kết kết quả thực hiện 2 nhiệm vụ của 2 đội.

– GV tổng kết các ý kiến, bổ sung kiến thức cho HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn (SGK/ tr. 29, 32).

2. Hoạt động đọc văn bản Bình Ngô đại cáo.

2.1. Chuẩn bị đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề và loại VB; tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

– Bước đầu xác định được hoàn cảnh ra đời và mục đích viết; dự đoán được nội dung của VB.

– Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nội dung dự đoán của VB, những yếu tố cần lưu ý khi đọc VB nghị luận, trải nghiệm của bản thân về VB ra đời trong những sự kiện lịch sử quan trọng.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm đôi về những câu hỏi sau:

– Dựa vào nhan đề của VB, em hãy xác định hoàn cảnh ra đời, mục đích viết của VB này.

– Hãy kể tên những tác phẩm trong văn học Việt Nam có hoàn cảnh ra đời gắn với các sự kiện lịch sử trọng đại, thể hiện sâu sắc tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc.

– Từ nhan đề của VB, em hãy đoán xem VB viết về điều gì? Vì sao em có thể dự đoán như vậy?

– Khi đọc VB nghị luận, ta cần lưu ý những yếu tố nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 – 3 nhóm đôi HS trình bày ý kiến, GV hướng dẫn các nhóm HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. (Lưu ý: Với câu hỏi dự đoán nội dung VB, GV khuyến khích HS đưa ra càng nhiều dự đoán càng tốt, không đánh giá tính chính xác của những dự đoán ở hoạt động này, miễn là HS lí giải được cơ sở để đưa ra được dự đoán).

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét câu trả lời của HS về hoàn cảnh ra đời và mục đích viết của VB.

+ Hoàn cảnh ra đời: Sau khi nước ta chiến thắng, đuổi sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi.

+ Mục đích viết bài cáo: Để công bố cùng toàn dân về công cuộc đánh dẹp giặc Minh (bình Ngô) thắng lợi.

– GV có thể giới thiệu thêm với HS (nếu HS chưa đề cập) một số VB văn học Việt Nam gắn với sự kiện lịch sử trọng đại, thể hiện sâu sắc lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc, ví dụ như Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh),...

– GV nhận xét, tổng kết những dự đoán mà HS đưa ra về nội dung của VB. GV nhắc nhở HS ghi chép lại những kết quả dự đoán, đặc biệt là những dự đoán khác nhau và sau khi hoạt động kết thúc, HS tự đánh giá những dự đoán ấy.

– GV hướng dẫn HS chốt một số lưu ý khi đọc VB nghị luận: Cần xác định được vấn đề nghị luận, luận điểm, luận cứ, bằng chứng.

2.2. Trong khi đọc văn bản

a. Mục tiêu: Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những lớp trước như tưởng tượng, suy luận, theo dõi, dự đoán trong quá trình đọc trực tiếp VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần Trong khi đọc.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) Đọc trực tiếp phần thông tin về thể cáo và toàn bộ VB. Trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung, GV nhắc HS tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy hoặc ghi nhớ ở trong đầu. Có thể phát cho HS PHT như sau:

PHT SỐ 1: VB BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

Phần 1: Đọc thông tin trong khung ở đầu (SGK/ tr. 33) và điền vào chỗ trống:

– *Bình Ngô đại cáo* là VB thuộc thể (1).....

– (1)..... là một thể văn chính luận cổ, vừa có chức năng thông báo, vừa có chức năng (2)..... về một vấn đề trọng đại liên quan đến đất nước, dân tộc. (1)..... thường được viết theo thể văn (3)....., tức văn xuôi có đối, đọc lên nghe nhịp nhàng, hài hoà, tạo mỹ cảm cao.

Phần 2: Đọc VB và dừng lại trả lời các câu hỏi trong khung:

* **Câu 1 (Suy luận):** Tác giả nêu ra quan niệm về nhân nghĩa ở đầu bài cáo nhằm mục đích gì?

Gợi ý: Đọc kĩ đoạn 1, chú ý vị trí của câu văn “Việc nhân nghĩa trừ bạo”; liên hệ với thể loại của VB.

* **Câu 2 (Theo dõi):** Giặc Minh đã gây ra những tội ác gì trên đất nước ta?

Gợi ý: Đọc kĩ đoạn 2, chú ý những câu văn miêu tả hành động của giặc Minh.

* **Câu 3 (Dự đoán):** Dựa vào những hình ảnh ở cuối đoạn 3a (Nhân dân... lấy ít địch nhiều), bạn hãy dự đoán về diễn biến tiếp theo của cuộc khởi nghĩa.

Gợi ý: Đọc kĩ phần cuối đoạn 3a, chú ý một số từ ngữ “bốn cõi một nhà”, “cờ đào pháp phối”, “một lòng phụ tử”, “chén rượu ngọt ngào”, “lấy yếu chống mạnh”, “lấy ít địch nhiều”.

* **Câu 4 (Tưởng tượng):** Bạn hình dung như thế nào về khí thế chiến thắng của nghĩa quân trong đoạn 3b?

Gợi ý: Đọc kĩ đoạn 3b, chú ý một số từ ngữ miêu tả khí thế của nghĩa quân và tình thế của giặc Minh.

* **Câu 5 (Suy luận):** So với các phần trên, giọng nghị luận ở phần 4 có gì khác biệt?

Gợi ý: Đọc lại đoạn 4, chú ý vị trí của đoạn, ý nghĩa của các câu văn, liên hệ hoàn cảnh ra đời của VB.

(2) HS đọc to toàn bộ VB.

– Đầu tiên, GV hướng dẫn HS về giọng đọc, cách ngắt nhịp, những chi tiết cần nhấn mạnh,... khi đọc VB.

– Tiếp theo, tổ chức cho HS đọc toàn bộ VB. Có thể chọn nhiều HS, mỗi HS đọc một phần của bài cáo.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) Cá nhân HS đọc VB và trả lời những câu hỏi trong PHT.

(2) HS đọc to VB.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) HS trả lời câu hỏi trong khi đọc trong phiếu hướng dẫn đọc số 1. GV chú ý yêu cầu HS trình bày, nhận xét lẫn nhau về cách thực hiện kỹ năng *tưởng tượng, suy luận, dự đoán, theo dõi* hơn là nội dung câu trả lời của các em.

(2) Đại diện HS đọc to VB.

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS đối với việc đọc, việc trả lời các câu hỏi trải nghiệm cùng VB, cách thức HS thực hiện các kỹ năng *tưởng tượng, suy luận, dự đoán, theo dõi*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở từng kỹ năng.

(2) GV lắng nghe và nhận xét cách đọc của HS (giọng đọc, tốc độ đọc, cách ngắt nhịp,...).

2.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; Phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của VB.

– Xác định được ý nghĩa của VB. Dựa vào các quan điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội.

– Xác định được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động và tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ các nguồn khác nhau, nêu được ý tưởng mới trong HT.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho các câu hỏi gợi mở và các câu hỏi trong PHT số 1.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu thể thức nghị luận của bài cáo

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận theo nhóm để trả lời cho các câu hỏi sau, tích hợp các câu 1, 2 (SGK/ tr. 39):

1. Bài cáo đã nêu lên vấn đề gì để bàn luận? Vấn đề đó được tác giả phát biểu ở những câu nào?

2. *Bình Ngô đại cáo* được ngợi ca như là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc. Tính chất tuyên ngôn ấy đã được thể hiện như thế nào ở phần mở đầu của bài cáo?

(Câu hỏi gợi mở: Trong phần mở đầu của bài cáo, tác giả đã nêu lên những vấn đề lớn nào của dân tộc (về tư tưởng, lịch sử, tính chất độc lập, truyền thống bảo vệ đất nước)? Những vấn đề ấy có được đặt ở phần mở đầu của bài cáo và mang lại ý nghĩa gì?).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS làm việc độc lập, sau đó thảo luận kết quả với các thành viên trong nhóm.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm còn lại nhận xét và nêu câu hỏi.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

– Vấn đề bàn luận được nêu ra ở câu mở đầu của bài cáo: “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*”. Đó chính là vấn đề: thực hiện việc nhân nghĩa – trừ bạo để yên dân. Vấn đề này có ý nghĩa khẳng định lập trường nhân nghĩa chân chính của dân tộc Đại Việt.

– Phần mở đầu của bài cáo đã thể hiện rõ tính chất tuyên ngôn bằng cách nêu lên những vấn đề lớn của dân tộc:

+ Tư tưởng chính nghĩa của dân tộc Đại Việt khi chiến đấu với giặc Minh (*Việc nhân nghĩa... trừ bạo*).

+ Nước Đại Việt là một nước có lãnh thổ riêng biệt với một nền văn hoá riêng biệt, có lịch sử lâu đời (*Như nước Đại Việt ta... phong tục Bắc Nam cũng khác*).

+ Nước Đại Việt là một nước có chủ quyền, độc lập từ lâu đời với những triều đại tự chủ ngang hàng với nước láng giềng (*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần... xưng đế một phương*).

+ Nước Đại Việt là một nước có truyền thống đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm và chiến thắng ngoại xâm qua nhiều triều đại (*Tuy mạnh yếu... chứng cứ còn ghi*).

→ Phần mở đầu nêu rõ vấn đề được bàn luận trong bài cáo, đặt ra cơ sở vững chắc cho những phần sau.

Hoạt động 2: Tìm hiểu bố cục, hệ thống luận điểm của bài cáo

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm, trả lời câu 4 (SGK/ tr. 39) bằng cách điền vào PHT số 1:

PHT SỐ 1

BỐ CỤC, HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM CỦA BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

Em hãy đọc VB và trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi	Câu trả lời
1. Luận đề “nhân nghĩa” được thể hiện xuyên suốt trong bài cáo như thế nào?	
2. Dựa vào bố cục của VB, em hãy nêu ngắn gọn những luận điểm chính trong bài cáo.	
3. Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các luận điểm đó.	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại VB, thảo luận và viết câu trả lời vào PHT.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm có thể ghi ngắn gọn ý tưởng và vẽ sơ đồ của nhóm lên bảng. Sau đó, GV mời 1 – 2 nhóm nhận xét ý kiến của nhóm bạn. Trong lúc các nhóm trình bày, GV cũng lắng nghe và ghi vắn tắt ý của các nhóm trình bày lên bảng phụ.

* **Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

– Luận đề, tức vấn đề bàn luận (nhân nghĩa) được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ bài cáo.

– Vấn đề được bàn luận được thể hiện qua hệ thống luận điểm được sắp xếp theo một trình tự logic, thể hiện mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

Luận điểm 1: Nước Đại Việt là một nước độc lập, có chủ quyền và có truyền thống đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền ấy.

Luận điểm 2: Giặc Minh xâm phạm độc lập, chủ quyền và gây ra nhiều tội ác với nhân dân Đại Việt.

Luận điểm 3: Quân dân Đại Việt khởi nghĩa chống giặc, trải qua bước đầu khó khăn, đi đến thắng lợi rực rỡ, quét sạch giặc xâm lược.

Luận điểm 4: Tuyên bố hoà bình, độc lập, mở ra vận hội tươi sáng cho đất nước.

→ Trình tự lô-gíc của việc sắp xếp các luận điểm tạo nên sức thuyết phục mạnh mẽ cho VB.

Hoạt động 3: Tìm hiểu lí lẽ, bằng chứng trong từng luận điểm

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS tiếp tục thảo luận theo nhóm thực hiện PHT số 2 (tích hợp các câu hỏi 5 và 6 (SGK/ tr. 39):

PHT SỐ 2

LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG

Em hãy đọc VB và điền vào bảng sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Tác giả đã sử dụng những lí lẽ và bằng chứng nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được đề cập trong phần 1 và phần 2? | |
| 2. Những lí lẽ và bằng chứng này hỗ trợ nhau như thế nào để tạo sức thuyết phục và thể hiện được mục đích viết bài cáo? | |
| 3. Em hãy phân tích tác dụng của sự kết hợp giữa yếu tố tự sự với yếu tố nghị luận trong phần 3a (hoặc 3b) của bài cáo. | |

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại VB, thảo luận và viết câu trả lời vào PHT.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, góp ý cho câu trả lời của nhóm trình bày.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

- Mỗi luận điểm được nêu ra trong từng phần đều có các lí lẽ và bằng chứng cụ thể.
- Mỗi lí lẽ đưa ra đều có bằng chứng đi kèm để chứng minh tính chân thật, không ai có thể phủ nhận, từ đó, tạo sức thuyết phục cho lời nghị luận của tác giả; thể hiện rõ mục đích của bài cáo là công bố rộng rãi cho toàn dân được biết về cuộc chiến đấu chính nghĩa chống giặc Minh đã thắng lợi vẻ vang.

– Yếu tố tự sự (các câu văn lược thuật sự việc) kết hợp nhuần nhuyễn với yếu tố nghị luận trong bài cáo tạo nên giọng điệu bàn luận đanh thép, hùng tráng.

Hoạt động 4: Tìm hiểu thủ pháp nghệ thuật và giọng điệu của bài cáo

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS tiếp tục thảo luận theo nhóm, điền vào PHT số 3, câu 7, 8 (SGK/ tr. 39).

PHT SỐ 3

THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT, GIỌNG ĐIỀU NGHỊ LUẬN CỦA BÀI CÁO

Câu hỏi	Câu trả lời
1. Các thủ pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong bài cáo? Nêu dẫn chứng. Mỗi thủ pháp có tác dụng biểu cảm như thế nào?	
2. Mỗi phần của bài cáo có giọng điệu nghị luận khác nhau như thế nào và những giọng điệu đó gợi cảm xúc ra sao?	
3. Theo em, vì sao bài cáo được xem là bản “thiên cổ hùng văn” của muôn đời?	
4. Các thủ pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong bài cáo? Hãy nêu dẫn chứng cho biết thủ pháp có tác dụng biểu cảm như thế nào?	
5. Mỗi phần của bài cáo có giọng điệu nghị luận khác nhau như thế nào và những giọng điệu đó gợi cảm xúc ra sao nơi người đọc?	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại VB, thảo luận và viết câu trả lời vào PHT.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, góp ý cho câu trả lời của nhóm trình bày.

* **Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

– Trong bài cáo, việc tác giả sử dụng phù hợp một số thủ pháp nghệ thuật đã làm cho mỗi thủ pháp tạo ra một giá trị biểu cảm riêng, làm tăng sức thuyết phục cho bài cáo. Những thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu như: liệt kê (có tác dụng nêu minh chứng cụ thể, tạo cảm giác về độ nhiều, độ liên tục), ẩn dụ (có tác dụng gợi liên tưởng, gợi ý nghĩa sâu xa, tăng tính hàm súc cho lời văn), thậm xưng (có tác dụng kích thích cảm xúc đến cao độ),...

– Giọng điệu nghị luận trong bài cáo rất đa dạng, thay đổi theo từng luận điểm (trang trọng, đĩnh đạc (phần 1) → thống thiết, căm giận (phần 2) → tâm tình, tha thiết (phần 3a) → hưng phấn, hùng tráng (phần 3 b) → hào sảng (phần 4). Điều này cũng góp phần làm cho bài cáo trở nên sinh động, hấp dẫn, có tính thuyết phục.

Hoạt động 5: Nhận xét về ý nghĩa của bài cáo

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao bài cáo được xem là bản “thiên cổ hùng văn” của muôn đời?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1, 2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, góp ý cho câu trả lời của nhóm trình bày.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau: Bài cáo xứng đáng được ngợi ca là bản “thiên cổ hùng văn” vì:

- Tổng kết xuất sắc công cuộc 10 năm kháng chiến chống giặc Minh.
- Thể hiện tình cảm yêu nước sâu sắc, tư tưởng chí nhân đại nghĩa của dân tộc.
- Là đỉnh cao của nghệ thuật viết văn chính luận.
- Thể hiện tâm huyết và bút lực của tác giả, làm lay động người đọc nhiều thế hệ.

2.4. Khái quát đặc điểm văn nghị luận và hướng dẫn đọc văn bản *Thư lại dụ Vương Thông*.

a. Mục tiêu

– Bước đầu khái quát được bằng sơ đồ những đặc điểm của văn nghị luận thông qua việc đọc VB *Bình Ngô đại cáo*.

– Thực hiện được những nhiệm vụ đọc ở nhà liên quan đến VB *Thư lại dụ Vương Thông*.

b. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy đơn giản (sẽ tiếp tục được hoàn thiện) về đặc điểm văn nghị luận thông qua việc đọc VB *Bình Ngô đại cáo*; Nội dung nhiệm vụ chuẩn bị đọc hiểu VB *Thư lại dụ Vương Thông* ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Khái quát đặc điểm văn nghị luận từ việc đọc văn bản *Bình Ngô đại cáo*

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS: Thông qua việc đọc VB *Bình Ngô đại cáo*, em hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện đặc điểm của văn nghị luận (bố cục, hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và nghị luận, từ ngữ, giọng điệu nghị luận).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ và vẽ sơ đồ tư duy.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trình bày sơ đồ tư duy. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của văn nghị luận (xem lại nội dung của phần *Tri thức Ngữ văn* tr. 31) để vẽ. Lưu ý là sơ đồ tư duy này có thể tiếp tục được bổ sung và chỉnh sửa sau khi HS học xong VB *Thư lại dụ Vương Thông*.

GV có thể định hướng cho HS như sau:

– Về hình thức của sơ đồ tư duy: Sơ đồ tư duy có từ khoá, có các nhánh chính, nhánh phụ được phân biệt.

– Về nội dung: Sơ đồ tư duy cần trình bày được một số đặc điểm cơ bản về văn nghị luận: bố cục, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và nghị luận; từ ngữ, giọng điệu.

Hoạt động 2: Hướng dẫn chuẩn bị đọc hiểu văn bản Thư lại dụ Vương Thông

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện những nhiệm vụ sau ở nhà để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo về VB *Thư lại dụ Vương Thông*:

(1) Trước khi đọc trực tiếp VB, trả lời câu hỏi ở phần Trước khi đọc (SGK/ tr. 40).

(2) Đọc phần thông tin về Quân trung từ mệnh tập và hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác của VB *Thư lại dụ Vương Thông*. Sau đó đọc VB, trong khi đọc trả lời những câu hỏi ở phần Trải nghiệm cùng văn bản theo PHT số 2 sau:

PHT SỐ 2

VĂN BẢN THƯ LẠI DỤ VƯƠNG THÔNG

1. Trả lời câu hỏi ở mục Trước khi đọc (SGK/ tr. 40).
2. Đọc VB *Thư lại dụ Vương Thông*, trong quá trình đọc, chú ý đến các câu hỏi trong các khung, hoàn thành các cột (1), (2), (3) trong bảng sau để trả lời các câu hỏi đó theo đúng vị trí đọc trên VB:

Câu hỏi	Kĩ năng đọc (1)	Nội dung trả lời (2)	Căn cứ trả lời (3)
1 (SGK/ tr. 40)			
2 (SGK/ tr. 41)			
3 (SGK/ tr. 42)			
4 (SGK/ tr. 42)			

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi nhận nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

3. Hoạt động đọc văn bản *Thư lại dụ Vương Thông*

3.1. Chuẩn bị đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được kiến thức nền về văn nghị luận; Vai trò của nhà văn và văn chương trong hoàn cảnh đất nước có giặc ngoại xâm.

– Báo cáo được kết quả chuẩn bị cho việc đọc hiểu VB *Thư lại dụ Vương Thông*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS, phần trình bày kết quả *Trước khi đọc* đã thực hiện ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Nhóm đôi HS chia sẻ câu trả lời về câu hỏi *Trước khi đọc*.

(2) Sau khi xong nhiệm vụ (1), chia sẻ theo nhóm 4 HS về những câu trả lời của phần *Chuẩn bị đọc* đã thực hiện ở nhà (SGK/ tr. 40, 42).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

– Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau khi GV nhận xét về câu trả lời của nhiệm vụ (1), các nhóm 4 HS thực hiện nhiệm vụ (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

– 1, 2 nhóm đôi HS trả lời câu hỏi của nhiệm vụ (1). Các HS khác nhận xét và bổ sung.

– 1, 2 HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi của nhiệm vụ (2).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét câu trả lời của HS.

(2) GV nhận xét kết quả thực hiện phần *Trước khi đọc* ở nhà của HS, tổng kết những nội dung chính HS đã chia sẻ, dẫn dắt vào việc tìm hiểu VB *Thư lại dụ Vương Thông*.

3.2. Trong khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như *theo dõi, suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

– Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung trong khi đọc.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong PHT số 2.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV mời 4 HS lần lượt đọc to 4 đoạn trong VB.

(2) Sau đó, HS kiểm tra và hoàn thiện PHT số 2 đã làm ở nhà trước đó).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đối với nhiệm vụ (2): Đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.

Lưu ý:

– GV cần yêu cầu HS trình bày rõ kết quả trả lời câu hỏi trong khi đọc.

– GV không chỉ nghe HS báo cáo về kết quả trả lời các câu hỏi mà cần yêu cầu HS trình bày cách thức HS thực hiện các kỹ năng (căn cứ trả lời) để tìm ra các câu trả lời ấy.

* **Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét về kết quả đọc thành tiếng của HS về giọng đọc, cách ngắt nhịp, tốc độ đọc,... của HS.

(2) GV nhận xét về thái độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ HT ở nhà của HS; góp ý cho câu trả lời của HS, nhận xét về cách HS thực hiện kỹ năng, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện để thực hiện thành thạo kỹ năng *theo dõi, suy luận* trong quá trình đọc VB nghị luận. Sau đó, GV giải đáp thắc mắc của HS về cách thực hiện kỹ năng (nếu có).

3.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; Phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của VB.

– Xác định được ý nghĩa của VB. Dựa vào các quan điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Xác định được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong PHT số 2.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu thể thức nghị luận của bức thư

* **Giao nhiệm vụ HT**

– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu 1 (SGK/ tr. 43): Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Đối tượng mà bức thư hướng đến là ai? Việc tác giả chọn cách nghị luận dưới hình thức một bức thư có tác dụng như thế nào? (Câu hỏi gợi mở: Bài văn nghị luận thường có cách viết như thế nào? Bức thư thì thường có cách viết như thế nào? Việc viết bài văn nghị luận dưới hình thức một bức thư thì có tác dụng ra sao?).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận và trả lời các câu hỏi.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm nêu ý kiến và mời 1 – 2 nhóm khác bổ sung, góp ý.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

- Mục đích: Thuyết phục quân giặc đầu hàng.
- Đối tượng: Tổng binh Vương Thông, tướng giặc Minh.
- Việc tác giả chọn cách nghị luận dưới hình thức một bức thư làm cho lời lẽ trong bức thư vừa có tính chặt chẽ, đanh thép, vừa có sự mềm dẻo, tận tình, tha thiết. Điều đó tác động vào cả mặt tâm lí lẫn lí trí của đối phương, làm tăng hiệu quả cho bức thư dụ hàng tướng giặc.

Hoạt động 2: Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của từng luận điểm trong bức thư

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận theo nhóm đôi để thực hiện PHT số 1 (điều chỉnh câu số 2, 3 (SGK/ tr. 3):

PHT SỐ 1

LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG CỦA TỪNG LUẬN ĐIỂM

1. Vấn đề mà bức thư đặt ra để bàn luận (luận đề của bức thư) là gì?
2. Xác định hệ thống luận điểm của bức thư.
3. Xác định những lí lẽ, bằng chứng tác giả đã sử dụng để làm rõ từng luận điểm.
4. Nhận xét về cách tác giả sắp xếp các luận điểm.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT**

- HS đọc lại VB và thảo luận, xác định luận đề, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

* **Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm đôi trả lời và mời 1 – 2 nhóm khác bổ sung, góp ý.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

- Luận đề (phần 1): Việc biết thời và thế của người dùng binh giỏi.
- Hệ thống luận điểm:
 - + Hành động không hợp thời của quân Minh (phần 2).
 - + Sự thất thế của quân Minh (phần 3).
 - + Con đường hành động hợp thời thế của quân Minh để tránh được bại vong (phần 4).
 - + Mỗi luận điểm đều có lí lẽ, được phân tích rõ ràng và bằng chứng xác đáng đi kèm.

+ Cách lập luận (trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) chặt chẽ, thấu đáo của tác giả đã tạo nên tính thuyết phục cho bức thư.

Hoạt động 3: Tìm hiểu giọng điệu và tư tưởng của tác giả trong bức thư

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận theo nhóm 4 để thực hiện PHT số 2, câu 3, 4 (SGK/ tr. 43)

PHT SỐ 2

GIỌNG ĐIỆU VÀ TƯ TƯỞNG CỦA VĂN BẢN

1. Khái quát những nguyên nhân thất bại tất yếu của quân Minh mà tác giả đã chỉ ra trong phần 3. Giọng điệu của tác giả ở phần này rất đanh thép và quyết đoán. Theo em, những yếu tố nào trong phần 3 đã tạo nên giọng điệu ấy?

Câu hỏi chi tiết	Câu trả lời
– Khái quát những nguyên nhân gây ra thất bại tất yếu của quân Minh mà tác giả đã chỉ ra trong phần 3.	
– Giọng điệu của tác giả ở phần này rất đanh thép và quyết đoán. Theo em, những yếu tố nào trong phần 3 đã tạo nên giọng điệu ấy?	

2. Tác giả đã gọi ra cho tướng giặc Vương Thông những lựa chọn nào? Điều này giúp em hiểu thêm điều gì trong cách ứng xử của Nguyễn Trãi, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn? Em hãy nhận xét về giọng điệu của lời văn ở phần 4.

Câu hỏi chi tiết	Câu trả lời
– Tác giả đã đưa ra cho tướng giặc Vương Thông những lựa chọn nào?	
– Điều này giúp em hiểu thêm điều gì trong cách ứng xử của Nguyễn Trãi, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn?	
– Em hãy nhận xét về giọng điệu của lời văn ở phần 4.	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc lại VB, thảo luận và trả lời các câu hỏi.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS đại diện nhóm trả lời, 1 – 2 nhóm khác bổ sung, góp ý.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

– Giọng điệu nghị luận trong bức thư thay đổi linh hoạt, khi đanh thép, quyết đoán; khi từ tốn, sâu sắc. Sự đa dạng về giọng điệu cũng góp phần làm tăng tính thuyết phục của bức thư.

– Viết bức thư này, tác giả thể hiện rõ tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu chuộng hoà bình. Đây cũng là tư tưởng của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn.

3. 4. Khái quát đặc điểm văn nghị luận và rút ra kinh nghiệm đọc

a. Mục tiêu

– Khái quát được đặc điểm của văn nghị luận.

– Khái quát được cách đọc văn nghị luận.

b. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy (tiếp tục được hoàn thiện) về văn nghị luận; câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Khái quát đặc điểm văn nghị luận

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS: Thông qua việc đọc VB *Thư lại dụ Vương Thông*, hãy tiếp tục bổ sung, hoàn thiện sơ đồ tư duy về đặc điểm của văn nghị luận: bố cục, hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và nghị luận, từ ngữ, giọng điệu nghị luận.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS hoàn thành sơ đồ tư duy.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trình bày sơ đồ tư duy. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của văn nghị luận (xem lại nội dung của phần *Tri thức Ngữ văn SGK/ tr. 29*) để tiếp tục bổ sung và chỉnh sửa sơ đồ tư duy.

GV có thể hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo như sau:

– Về hình thức của sơ đồ tư duy: Sơ đồ tư duy có từ khoá, có các nhánh chính, nhánh phụ được phân biệt.

– Về nội dung: Sơ đồ tư duy cần trình bày được một số đặc điểm cơ bản về nghệ thuật viết văn nghị luận của Nguyễn Trãi:

+ Bố cục của bài văn nghị luận luôn chặt chẽ, mạch lạc; các luận điểm kết nối với nhau theo một trình tự hợp lí.

+ Các lí lẽ luôn đi kèm bằng chứng cụ thể, tạo nên sức thuyết phục cao, không thể bác bỏ.

- + Kết hợp yếu tố tự sự và nghị luận một cách hợp lí, nhuần nhuyễn.
- + Từ ngữ và các biện pháp tu từ được chọn lọc thích đáng với nội dung biểu đạt.
- + Giọng điệu nghị luận thay đổi linh hoạt, phù hợp với nội dung, mục đích, đối tượng nghị luận.

Hoạt động 2: Khái quát cách đọc văn nghị luận

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

Qua việc đọc hiểu hai VB nghị luận *Bình Ngô đại cáo* và *Thư lại dụ Vương Thông*, em hãy nêu những lưu ý mà em rút ra được về cách đọc hiểu VB nghị luận (SGK/ tr. 43).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ, sau đó thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS

GV có thể hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo như sau:

Khi đọc văn nghị luận, người đọc cần:

- Xác định rõ mục đích và đối tượng mà VB hướng đến.
- Đọc kĩ VB, quan sát để nhận ra được vấn đề bàn luận chính (luận đề), hệ thống luận điểm, các lí lẽ và bằng chứng của từng luận điểm.
- Xem xét cách dùng từ, viết câu của tác giả để nhận ra giọng điệu của VB và các thủ pháp nghệ thuật được sử dụng, biết được tác dụng của chúng.
- Phân tích, nhận xét về nghệ thuật lập luận (sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) của tác giả.
- Nhận xét về ý nghĩa của VB.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động hướng dẫn đọc kết nối chủ điểm văn bản *Bảo kính cảnh giới – Bài 43*

a. Mục tiêu: Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.

b. Sản phẩm: PHT đọc kết nối chủ điểm đã hoàn thành của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện PHT đọc kết nối theo chủ điểm câu 1, 2, 3 (SGK/ tr. 44).

PHT ĐỌC KẾT NỐI THEO CHỦ ĐIỂM

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI – BÀI 43

1. Nhận xét về cách quan sát và miêu tả bức tranh ngày hè của Nguyễn Trãi:

Câu hỏi gợi ý	Câu trả lời
– Em hình dung như thế nào về bức tranh cảnh ngày hè mà bài thơ gợi ra? (Gợi ý: vật thể, hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hương vị,...)	
– Tác giả đã cảm nhận mùa hè bằng những giác quan nào? Việc cảm nhận bằng các giác quan khác nhau mang lại điều gì cho bức tranh cảnh ngày hè?	
– Em hãy hình dung vị trí của tác giả khi quan sát và miêu tả những hình ảnh trong bài thơ, sau đó nhận xét về cách miêu tả đó.	

2. Em hãy nhận xét về diễn biến cảm xúc của tác giả trong bài thơ.

Câu hỏi	Câu trả lời
– Em hãy quan sát cách gieo vần ở cuối các câu thơ 1, 2, 4, 6, 8. Vần được gieo kết hợp với thanh điệu gợi cảm giác như thế nào về mùa hè?	
– Số tiếng trong câu đầu và câu cuối của bài thơ có gì đặc biệt so với những câu thơ còn lại?	
– Em hãy đọc lại bài thơ, ghi rõ cách ngắt nhịp của từng câu thơ.	
– Qua cách ngắt nhịp và sự thay đổi số tiếng trong câu thơ đầu, cuối, em có nhận xét như thế nào về nhịp điệu của bài thơ?	
– Nhịp điệu của bài thơ kết hợp với cách gieo vần và những hình ảnh về ngày hè gợi cho em những suy nghĩ gì về diễn biến cảm xúc của tác giả trong bài thơ?	

3. Qua bài thơ, em hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp trong tâm hồn Nguyễn Trãi?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc VB và trả lời các câu hỏi ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ báo cáo kết quả hoạt động đọc ở nhà với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV sẽ nhận xét, gợi ý câu trả lời trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

2. Hoạt động hướng dẫn văn bản đọc mở rộng

2.1. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại văn bản Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; Phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của VB.

– Xác định được ý nghĩa của VB. Dựa vào các quan điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

b. Sản phẩm: Phiếu bài tập đọc mở rộng (về thể loại nghị luận) đã hoàn thành của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập đọc mở rộng theo thể loại (làm ở nhà):

PHT ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NGUYỄN TRÃI – NHÀ NGOẠI GIAO, NHÀ HIỀN TRIẾT, NHÀ THƠ

Câu hỏi	Câu trả lời
1. Theo em, chủ đề của VB và quan điểm của tác giả thể hiện tập trung ở câu văn nào trong bài?	
2. Chỉ ra mạch lập luận (hệ thống luận điểm) của VB (có thể sử dụng sơ đồ).	
3. Em hãy chỉ ra những yếu tố biểu cảm của VB. Những yếu tố biểu cảm đó có ý nghĩa gì? (Những yếu tố biểu cảm đó giúp người đọc hiểu thêm được điều gì về Nguyễn Trãi và về tình cảm của người viết với Nguyễn Trãi?).	

4. VB này được người viết viết trong hoàn cảnh nào? Đặt trong hoàn cảnh đó, VB có ý nghĩa như thế nào?

5. Tác giả đã bày tỏ tình cảm gì đối với Nguyễn Trãi? Tình cảm ấy được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào? (Chú ý đoạn cuối).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc mở rộng vào tiết báo cáo sản phẩm đọc.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, gợi ý câu trả lời trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

2.2. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng văn bản *Dục Thúy Sơn*

a. Mục tiêu: Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.

b. Sản phẩm: PHT đọc mở rộng VB *Dục Thúy Sơn* đã hoàn thành của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập đọc mở rộng (làm ở nhà):

PHT ĐỌC MỞ RỘNG VỀ *DỤC THUY SƠN*

Câu hỏi	Câu trả lời
1. Núi Dục Thúy được miêu tả với vẻ đẹp như thế nào?	
2. Em hãy nhận xét về cách miêu tả độc đáo của tác giả trong hai câu thực.	
3. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong hai câu luận? Em hãy nhận xét về ý nghĩa biểu cảm của các hình ảnh “trâm thanh ngọc”, “kính thủy hoàn”.	
4. Vì sao ở hai câu kết, tác giả lại nhắc đến Trương Hán Siêu? Việc này giúp em hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi?	
5. Hình ảnh nào trong bài thơ để lại trong em nhiều ấn tượng nhất. Viết khoảng 4 – 5 câu trình bày suy nghĩ của em về hình ảnh đó.	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc mở rộng vào tiết báo cáo sản phẩm đọc.

* **Kết luận, nhận định:** GV sẽ nhận xét, gợi ý câu trả lời trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

3. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và tác giả, đọc kết nối chủ điểm

a. Mục tiêu: Trình bày được sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và tác giả, đọc kết nối chủ điểm đã thực hiện ở nhà.

b. Sản phẩm: Phần trình bày kết quả đọc ở nhà của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện theo nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm đôi, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung, nếu có.

*** Kết luận, nhận định**

– Với VB *Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ*, GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc văn nghị luận của HS, sau đó gợi ý câu trả lời:

+ VB bàn luận về vấn đề: Nguyễn Trãi vừa là nhà ngoại giao, vừa là nhà hiền triết, đồng thời lại là một nhà thơ. Những phẩm chất này hoà quyện chặt chẽ trong con người Nguyễn Trãi – một người cả đời mang tấm lòng ưu ái với đất nước, nhân dân.

+ Mạch lập luận của VB:

- Phân tích và chứng minh Nguyễn Trãi là nhà ngoại giao, nhà chiến lược minh triết qua tập *Quân trung từ mệnh tập*.

- Phân tích và chứng minh Nguyễn Trãi là nhà thơ yêu nước thương dân, vừa thể hiện trí tuệ sáng suốt khi nhìn thấy được sức mạnh của lòng dân qua một số bài thơ.

+ VB có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố nghị luận và yếu tố biểu cảm; giúp người đọc cảm nhận được tài năng, tấm lòng của Nguyễn Trãi cũng như sự ngưỡng mộ, đồng cảm mà người viết dành cho Nguyễn Trãi.

+ VB có ý nghĩa ca ngợi và tôn vinh Nguyễn Trãi với tư cách là một đại biểu ưu tú của dân tộc Việt Nam. Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi cho thấy ông vừa là nhà ngoại giao, nhà hiền triết, vừa là một nhà thơ luôn dành trọn tình yêu cho đất nước và nhân dân.

– Với VB *Dục Thuý Sơn*, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, sau đó gợi ý trả lời:

+ Cách quan sát, nhìn nhận cảnh vật độc đáo tạo nên những hình ảnh thơ mới lạ (*non tiên, cảnh tiên, trâm ngọc, gương sông, tóc huyền*).

+ Thủ pháp nghệ thuật nhân hoá, so sánh được sử dụng hiệu quả, làm cho cảnh vật mang dáng vẻ và tâm hồn của con người.

+ Hai câu cuối gợi nhiều suy nghĩ về cảm xúc của tác giả: Vừa buồn ngùi tiếc nuối khi nhìn dấu rêu phong mà nhớ đến cái tài hoa của người xưa, vừa sâu lắng tự hào về sông núi và anh tài nước Việt.

→ Bài thơ cho thấy ở Nguyễn Trãi hồn thơ phong phú, tinh tế; Nghệ thuật sử dụng từ ngữ độc đáo; Tình cảm yêu mến, tự hào về thiên nhiên, con người nước Việt.

– Với VB *Bảo kính cảnh giới – Bài 43*, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, sau đó gợi ý trả lời:

+ Cách Nguyễn Trãi quan sát và miêu tả bức tranh ngày hè trong bài thơ.

– Cảm nhận bằng nhiều giác quan (cảnh vật hiện ra qua vật thể, hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hương vị...).

– Miêu tả từ gần đến xa.

– Sử dụng những từ ngữ gợi tả mùa hè (*ngày trường, hòe lục, thạch lựu, hồng liên, lao xao chợ cá, dặng dỏi cầm ve, Ngu cầm*), những động từ mạnh (*đùn đùn, phun*).

→ Cách quan sát, miêu tả thiên nhiên đặc sắc và tinh tế của Nguyễn Trãi làm cho cảnh vật mùa hè hiện ra trong bài thơ hết sức sinh động, căng tràn sức sống.

+ Cảm xúc của Nguyễn Trãi trong bài thơ.

– Gieo vần với âm mở (*ương*), đa số là thanh ngang, tạo cảm giác kéo dài, mênh mang, phù hợp với thời gian và không gian ngày hè nơi thôn quê; ngắt nhịp linh hoạt; câu đầu và cuối có 6 tiếng, ngắt nhịp độc đáo.

→ Phong cách tự do, phóng khoáng của nhà thơ.

– Mạch cảm xúc của tác giả: đến với cảnh trong tâm thế ung dung, nhàn rỗi (câu 1) – quan sát cảnh vật ở ngay trước mắt và ngợi ca (câu 2, 3, 4) – lắng nghe âm thanh cuộc sống ở xa hơn và liên tưởng (câu 5, 6) – bộc lộ nỗi lòng thương cảm (câu 6, 7).

→ Tâm thế của nhà thơ: Vui hưởng cảnh nhàn nhưng vẫn không quên nghĩ về cuộc sống của người dân.

+ Vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi qua bài thơ.

Bài thơ cho thấy tình cảm yêu mến thiên nhiên, tấm lòng thiết tha, nồng hậu của nhà thơ đối với con người và cuộc sống.

DẠY TIẾNG VIỆT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT
LỖI DÙNG TỪ HÁN VIỆT VÀ CÁCH SỬA
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được nghĩa của một số từ Hán Việt thông dụng.
- Nhận biết được một số lỗi thường gặp khi dùng từ Hán Việt.
- Sử dụng từ Hán Việt phù hợp với ngữ cảnh và đúng nghĩa.

2. Năng lực chung

NL giao tiếp, hợp tác: Thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động Thực hành tiếng Việt.

II. KIẾN THỨC

Lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

- Xác định được những nội dung tìm hiểu lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa.
- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về những nội dung muốn tìm hiểu, nội dung bài học và nhiệm vụ cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

**** Giao nhiệm vụ HT***

(1) HS đọc tên bài học để nêu những nội dung muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa.

(2) HS đọc nhanh nội dung phần Tri thức tiếng Việt (SGK/ tr. 32) và Thực hành tiếng Việt (SGK/ tr. 44, 45) để xác định nội dung bài học và nhiệm vụ HT.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV ghi nhận những nội dung HS muốn tìm hiểu về lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa.

(2) GV nhận xét câu trả lời của HS. Giới thiệu bài học và nhiệm vụ HT.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI – TÌM HIỂU VỀ LỖI DÙNG TỪ HÁN VIỆT VÀ CÁCH SỬA

a. Mục tiêu: Nhận biết được các lỗi dùng từ Hán Việt.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về các lỗi dùng từ Hán Việt.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Đọc phần Tri thức tiếng Việt (SGK/ tr. 31, 32), gạch chân những từ khoá quan trọng, chú ý kỹ ví dụ minh hoạ để thực hiện nhiệm vụ sau: Trình bày các lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa từng kiểu lỗi.

(2) Đặt câu hỏi về những điều chưa hiểu rõ sau khi đọc (nếu có).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1, 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét câu trả lời của HS; phân tích, giải thích thêm về các ví dụ được giới thiệu (Lưu ý: HS khi dùng từ Hán Việt cần chú ý về hình thức ngữ âm, ý nghĩa, khả năng kết hợp, phong cách ngôn ngữ).

(2) GV trả lời các câu hỏi HS nêu ra (nếu có).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động Thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu: Chỉnh sửa được các lỗi về dùng từ Hán Việt.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập trong SGK của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV hướng dẫn HS làm các bài tập (SGK/ tr. 44, 45) như sau:

– Câu 1 và 2: HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi kết quả với một HS khác (theo nhóm đôi). Đối với câu 1, GV yêu cầu HS cho biết lỗi nằm ở từ ngữ nào, đó là loại lỗi gì và phải sửa thế nào cho đúng.

– Câu 3: Làm theo nhóm đôi, chú ý yêu cầu HS chỉ ra những từ ngữ nào không phù hợp hoặc thiếu trang nhã, tinh tế trong cách nói, trước khi tìm từ Hán Việt phù hợp để thay thế.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện các bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của GV.

* **Báo cáo, thảo luận:** Với mỗi bài tập, GV mời 1, 2 HS nêu câu trả lời, có thể viết trên bảng.

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, góp ý.

– HS chỉnh sửa, hoàn thành các bài tập.

Câu 1

Câu a là lỗi dùng từ không phù hợp với phong cách.

Sửa lại: *song thân* → *ba mẹ*

Câu b, d, đ, ê, g, h là lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Sửa lại: *b/ tài năng* → *tài hoa*; *d/ thị giác* → *thị lực*; *đ/ lợi dụng* → *tận dụng*; *ê/ bách niên giai lão* → *bách niên trường thọ*; *g/ tân trang* → *tô điểm*; *h/ kiều diễm* → *tươi đẹp*.

Câu c là lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm.

Sửa lại: *tập hợp* → *tập họp*.

Câu e là lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp.

Sửa lại: *nghề đánh cá* → *ngư nghiệp*.

Câu 2: 1ê, 2g, 3i, 4c, 5e, 6đ, 7a, 8b, 9d, 10h.

Câu 3

a. Âm thực Việt Nam rất phong phú.

b. Tổng thống Pháp và phu nhân sẽ đến thăm hữu nghị nước ta vào khoảng trung tuần tháng 11 năm nay.

c. Bẻ hoa, giẫm lên cỏ trong công viên, xả rác nơi công cộng là hành vi thiếu văn hoá, cần phải bài trừ.

d. Nguyên thủ các quốc gia đều bày tỏ sự quan ngại trước tình hình kinh tế đang biến động phức tạp hiện nay.

đ. Nhuận bút viết cho báo của ông ấy rất cao.

e. Anh ấy uỷ quyền cho tôi hoàn tất hồ sơ này.

ê. Nền kinh tế ấy đã phục hồi và đi từ lạc hậu đến tiên tiến.

g. Các nghệ sĩ Cần Giuộc đã dùng cảm đánh vào đồn giặc Pháp, không ngại hi sinh.

h. Ý kiến phát biểu của ông ấy trong cuộc họp đã bị nhiều người phản đối.

2. Hoạt động hướng dẫn làm bài tập Từ đọc đến viết

a. Mục tiêu

– Vận dụng được tri thức về tác giả Nguyễn Trãi để nhận xét về tài năng văn chương của ông.

– Phát triển kĩ năng viết đoạn văn.

b. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ viết	Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) nhận xét về tài năng văn chương của Nguyễn Trãi.
<i>Yêu cầu về quy trình thực hiện</i>	– Đọc nhanh đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. – Viết bản thảo (bản nháp) đoạn văn. – Đọc lại và chỉnh sửa.
<i>Yêu cầu về diễn đạt</i>	– Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề và nội dung trong câu chủ đề cần được triển khai đầy đủ trong đoạn văn. – Các câu trong đoạn cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. – Tránh mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1, 2 HS trình bày đoạn văn của mình. Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét các đoạn văn của HS và trả lời thắc mắc của HS.

3. Hoạt động khái quát kiến thức tiếng Việt

a. Mục tiêu

- Khái quát được nội dung chính của bài học.
- Rút ra được những lưu ý khi dùng từ Hán Việt.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo nhóm đôi để:

- Hệ thống lại các lỗi về dùng từ Hán Việt đã học.
- Rút ra những lưu ý khi dùng từ Hán Việt.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Các nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1, 2 nhóm đôi trình bày kết quả thảo luận.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, trên cơ sở đó rút ra một số lưu ý sau khi dùng từ Hán Việt:

– Cần tìm hiểu ý nghĩa của từ Hán Việt muốn dùng, có thể sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa và quan sát hình thức ngữ âm của từ Hán Việt.

– Cần xem xét ngữ cảnh của câu để tránh lỗi dùng từ Hán Việt không đúng, khả năng kết hợp và không đúng phong cách.

DẠY VIẾT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT
VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN
HAY MỘT QUAN NIỆM

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. Năng lực đặc thù

– Biết viết VB đúng quy trình: chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa.

– Viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

2. Năng lực chung

NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

II. KIẾN THỨC

– Các yêu cầu đối với kiểu bài Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

– Cách viết Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ HT của bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* (SGK/ tr. 50) và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ HT: Dựa vào phần tri thức về kiểu bài, em hãy cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ học viết kiểu bài nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ HT sẽ thực hiện.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ HT: Ở bài học này, HS cần viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết

a. Mục tiêu: Trình bày được tình huống giao tiếp cần viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp cần viết bài luận để thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm đôi để trả lời cho câu hỏi sau: Trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm trong những tình huống nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS thảo luận và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đánh câu trả lời lên bảng phụ.

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS và hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề theo một số định hướng tham khảo sau: Tình huống cần viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm: Người thân hoặc bạn bè/ một nhóm người trong xã hội có những thói quen không tốt hoặc quan niệm chưa đúng đắn về một vấn đề trong đời sống, việc thuyết phục bằng lời nói không phù hợp, chúng ta có thể chọn cách viết bài luận. Bài luận có thể được gửi trực tiếp cho người mà chúng ta muốn thuyết phục; hoặc đăng trên tạp chí/ báo;...

– GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài

1.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Trình bày được những hiểu biết về bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS trả lời câu hỏi:

– Em hiểu như thế nào là bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm?

– Nêu mục đích viết của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét ý kiến của HS.

1.2. Hoạt động tìm hiểu về tri thức bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

a. Mục tiêu: Trình bày được yêu cầu của một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc *Tri thức về kiểu bài* để trả lời câu hỏi sau đây:

1. Nêu những yêu cầu mà một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm cần đạt được (về luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; cách sắp xếp các luận điểm; diễn đạt; bố cục;...).

2. Nêu câu hỏi về những điều em chưa rõ (nếu có).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời/ câu hỏi (nếu có) trước lớp.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý hoặc trả lời câu hỏi của HS (nếu có).

2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu bài (thông qua ngữ liệu tham khảo)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

– HS đọc ngữ liệu tham khảo (SGK/ tr. 51, 52), chú ý chú thích bên cạnh các đoạn văn để hiểu mạch lập luận của VB.

– Thảo luận theo nhóm đôi để trả lời các câu hỏi sau đây (GV trình bày các câu hỏi trong phiếu giao nhiệm vụ, trình chiếu/ phát cho HS):

1. Người viết viết VB trên để làm gì?

2. Người viết đã sắp xếp các ý trong bài viết theo một trình tự (mạch lập luận) như thế nào? Nhận xét về tác dụng của mạch lập luận ấy đối với mục đích viết.

3. Nhận xét về lí lẽ, bằng chứng trong mỗi luận điểm.

4. Nhận xét về ngôn ngữ, giọng điệu được thể hiện trong bài viết.

5. Khi viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm thì chúng ta cần lưu ý những điều gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc ngữ liệu, sau đó, thảo luận theo nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý trong mục Tri thức về kiểu bài như sau:

– Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm thuộc kiểu bài nghị luận; do đó cần viết theo bố cục chung của một bài văn nghị luận.

– Một số nội dung cần thể hiện được trong bài luận: tác hại của thói quen/ quan niệm; lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; gợi ý về giải pháp thực hiện.

– Diễn đạt trong bài luận cần mạch lạc, gãy gọn, lời lẽ thân tình.

– Bố cục bài luận gồm 3 phần:

+ Mở bài: Nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận.

+ Thân bài: Lần lượt đưa ra ít nhất hai luận điểm (lí lẽ, bằng chứng) làm rõ mặt trái và tác hại của thói quen hay quan niệm; Nêu lợi ích/ giải pháp khắc phục, từ bỏ thói quen hay quan niệm.

+ Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm;
Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng và thành công của người thực hiện.

3. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết

a. Mục tiêu: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt quy trình viết của HS theo mẫu.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc phần *Thực hành viết theo quy trình* (SGK/ tr. 53, 55), sau đó, thảo luận nhóm 4, 6 HS và điền thông tin vào bảng theo mẫu sau:

QUY TRÌNH VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
<i>Bước 1: Chuẩn bị viết</i>	Xác định thói quen/ quan niệm của một đối tượng cụ thể	
	Xác định mục đích viết và người đọc	
	Thu thập tư liệu	
<i>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</i>	Tìm ý	
	Lập dàn ý	
<i>Bước 3: Viết bài</i>		
<i>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa</i>		

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc SGK, sau đó thảo luận trong nhóm để hoàn thành bảng.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1, 2 nhóm HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào bảng sau:

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
<i>Bước 1: Chuẩn bị viết</i>	Xác định thói quen/ quan niệm của một đối tượng cụ thể Lựa chọn một thói quen/ quan niệm tiêu cực theo gợi ý trong SGK hoặc một thói quen/ quan niệm mà người viết đã thấy/ biết trong cuộc sống.	Nên chọn thói quen/ quan niệm tiêu cực mà bản thân thực sự có hứng thú bàn luận; và có điều kiện thuận lợi trong việc thu thập tài liệu để chuẩn bị cho bài viết.
	Xác định mục đích viết và người đọc Xác định mục đích viết và người đọc theo gợi ý trong SGK.	Việc xác định mục đích và người đọc cụ thể sẽ giúp chọn được cách viết phù hợp, hiệu quả.
	Thu thập tư liệu – Tìm các nguồn tư liệu liên quan đến thói quen/ quan niệm muốn bàn luận theo gợi ý trong SGK. – Cần ghi chép trong quá trình đọc tài liệu để phục vụ cho việc dẫn chứng viết bài luận.	– Nên chọn đọc tài liệu từ các nguồn có uy tín như các bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, sách chuyên khảo của các tác giả và NXB có uy tín. – Cần lưu nguồn các bài báo, trang web đã tham khảo để dẫn nguồn trong bài luận, tránh mắc lỗi đạo văn hoặc vi phạm luật sở hữu trí tuệ.

<i>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</i>	Tìm ý Xác định hướng bàn luận: Tập trung vào nội dung khẳng định hay bác bỏ; hay kết hợp khẳng định và bác bỏ khi bàn luận để thuyết phục một người từ bỏ thói quen/ quan niệm tiêu cực.	Có thể tìm ý theo gợi ý trong SGK.
	Lập dàn ý Sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.	– Tham khảo những lưu ý khi lập dàn ý phần thân bài trong SGK. – Cần đảm bảo bố cục ba phần của bài viết.
<i>Bước 3: Viết bài</i>	Từ dàn ý đã lập, viết bài luận hoàn chỉnh.	– Cần làm sáng tỏ các luận điểm chính của bài viết. – Diễn đạt mạch lạc, lựa chọn văn phong phù hợp với mục đích viết và người đọc.
<i>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa</i>	– Đọc lại bài viết, chỉnh sửa. – Ghi ra những kinh nghiệm rút ra khi viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen/ quan niệm.	– Xem lại và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm trong SGK. – Có thể nhờ bạn bè đọc góp ý cho bài viết.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

1. Hoạt động chuẩn bị viết

a. Mục tiêu: Xác định được thói quen/ quan niệm tiêu cực cần bàn luận, mục đích viết, người đọc và cách thu thập tư liệu.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đề tài, mục đích viết, người đọc và cách thu thập tư liệu.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc đề bài (SGK/ tr. 53) mục *Thực hành viết theo quy trình*.

Sau đó, trả lời các câu hỏi:

1. Em sẽ bàn luận về thói quen/ quan niệm nào?
2. Em sẽ viết bài luận này để làm gì?
3. Người mà em muốn thuyết phục là ai? Ngoài người đó ra, ai còn có thể đọc bài luận của em?
4. Với đối tượng và mục đích viết đã xác định, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?
5. Em cần chuẩn bị những tư liệu nào để tăng tính thuyết phục cho bài luận? Tư liệu đó có thể tìm từ những nguồn nào?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ câu trả lời.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1, 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS.

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

b. Sản phẩm: Dàn ý và bài viết của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

– GV nhắc lại những nội dung cần thể hiện được trong bài luận (tác hại của thói quen/ quan niệm; lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; gợi ý về giải pháp thực hiện) để HS chú ý khi tìm ý và lập dàn ý.

– Về cách lập dàn ý, GV yêu cầu HS chú ý:

+ Viết dàn ý bằng các từ/ cụm từ

+ Phân biệt rõ luận điểm; lí lẽ, bằng chứng cho từng luận điểm

– HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo hướng dẫn (SGK/ tr. 54, 55).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS về nhà thực hiện việc tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

*** Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết *Xem lại* và chỉnh sửa được tổ chức trên lớp sau đó.

*** Kết luận, nhận định:** GV thông báo sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 55).

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa

a. Mục tiêu: Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn trong lớp.

b. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi, dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 55) để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.

(2) HS đọc bài viết của mình trên lớp, các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 55).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc theo nhóm đôi để đánh giá bài viết của nhau.

(2) Cá nhân HS chuẩn bị đọc bài viết để các HS khác nhận xét.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) Đại diện 2, 3 nhóm đôi HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau.

(2) 1, 2 HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác nhận xét.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét trên hai phương diện:

- Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.
- Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?).

3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

b. Sản phẩm: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu

– Vận dụng được quy trình viết bài văn bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm vào việc tạo lập VB.

– Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

b. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

– Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.

– Chọn một thói quen/ quan niệm khác để viết bài luận thuyết phục một người từ bỏ thói quen/ quan niệm đó.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS công bố bài viết đã sửa hoặc bài viết mới theo những hình thức GV gợi ý.

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ HT được giao.

– GV và HS lại tiếp tục sử dụng bảng kiểm (SGK/ tr. 55) để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố.

DẠY NÓI VÀ NGHE
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE
TRÌNH BÀY BÀI NÓI VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội (thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm).
- Nghe và nắm bắt được nội dung, hình thức thuyết trình.
- Chia sẻ, góp ý cho bài thuyết trình của bạn.

1.2. Năng lực chung

- NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

2. Phẩm chất

Rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

II. KIẾN THỨC

- Quy trình thực hiện bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.
- Kĩ năng dùng lời nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.
- Kĩ năng nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông.
- SGK, SGV.
- Đồ vật minh họa, đoạn video clip, tranh ảnh,... (nếu cần)

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu:

– Kích hoạt kiến thức nền về bố cục của bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm và yêu cầu của từng phần.

– Xác định được những tình huống giao tiếp cần thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm đã viết kết hợp với kiến thức nền của bản thân để trả lời câu hỏi:

– Theo em, bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm bao gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?

– Theo em, trong những tình huống nào chúng ta sẽ cần thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo nhóm đôi để suy nghĩ câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm đôi HS trả lời câu hỏi; Các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi (nếu có).

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét câu trả lời của HS và lưu ý HS bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm bao gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung chính và kết thúc. Yêu cầu cơ bản của từng phần như sau:

+ Mở đầu: Giới thiệu khái quát thói quen/ quan niệm sẽ bàn luận và nêu vấn đề nội dung bài nói.

+ Nội dung chính: Trình bày ý kiến đánh giá của người nói về tác hại của thói quen/ quan niệm; lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; gợi ý về giải pháp thực hiện.

+ Kết thúc: Tóm tắt nội dung đã trình bày.

– GV ghi nhận các câu trả lời của HS, hướng dẫn HS tổng hợp một số tình huống cần thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm: buổi trò chuyện; buổi tọa đàm; buổi sinh hoạt câu lạc bộ,...

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc (SGK/ tr. 56, 57) và thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động nói và nghe gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ HT.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và nhắc lại nhiệm vụ nói và nghe:

– Nói: Thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

– Nghe: Nghe và nhận xét, đánh giá về bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động chuẩn bị nói và nghe

1.1. Hoạt động xác định những việc cần làm khi chuẩn bị nói và nghe

a. Mục tiêu

– Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

– Xác định được những việc cần làm khi chuẩn bị nghe.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) Cá nhân HS đọc (SGK/ tr. 56, 57) và nêu câu hỏi về nội dung đã đọc (nếu có).

(2) Cá nhân HS trả lời câu hỏi:

+ Nếu được yêu cầu dùng lời nói để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm thì em cần chuẩn bị những gì?

+ Em cần chuẩn bị những gì để có thể lắng nghe và nhận xét, đánh giá về bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ; với nhiệm vụ (2) có thể trình bày câu trả lời bằng cách vẽ sơ đồ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS. Gợi ý trả lời câu (2) như sau:

Hoạt động chuẩn bị:

– Nói: Xác định thói quen/ quan niệm sẽ bàn luận; mục đích, người nghe, thời gian và không gian; các phương tiện phi ngôn ngữ; tìm ý và lập dàn ý; luyện tập nói.

– Nghe: Tìm hiểu vấn đề mà người nói bàn luận; chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.

1.2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý

a. Mục tiêu: Lập dàn ý cho bài nói thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm.

b. Sản phẩm: Dàn ý của bài nói thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS đọc hướng dẫn tìm ý và lập dàn cho bài nói (SGK/ tr. 55, 56) và nêu câu hỏi (nếu có).

(2) HS thực hiện tìm ý và lập dàn ý cho nhiệm vụ nói sau:

Tình huống: Em tham gia một cuộc thi hùng biện do trường tổ chức. Trong cuộc thi này, em được quan sát một tiểu phẩm, nhân vật trong tiểu phẩm đã thể hiện một thói quen/ quan niệm tiêu cực. Nhiệm vụ của em là thực hiện một bài hùng biện để thuyết phục nhân vật trong tiểu phẩm từ bỏ thói quen/ quan niệm đó.

Nhiệm vụ: Hãy lập dàn ý cho bài nói thuyết phục một người từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ HT.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 HS trình bày nhanh dàn ý bài nói.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và hướng dẫn HS sửa chữa (nếu cần).

2. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng nói và nghe

a. Mục tiêu

– Trình bày được cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm.

– Trình bày được cách thức thực hiện và đánh giá kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Nhóm đôi HS đọc nội dung hướng dẫn luyện tập kỹ năng nói (SGK/ tr. 57) và hướng dẫn kỹ năng nghe và ghi chép ở bài học trước (SGK/ tr. 25, 26) và trả lời câu hỏi:

+ Khi luyện tập kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen/ quan niệm, em cần lưu ý điều gì? Em cần làm gì để bài nói của mình hấp dẫn, thu hút người nghe?

+ Em cần lưu ý điều gì để việc lắng nghe và ghi chép đạt được hiệu quả cao?

(2) Nhóm đôi HS đọc các bảng kiểm đánh giá kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen/ quan niệm (SGK/ tr. 57, 58) và nêu câu hỏi (nếu có).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS suy nghĩ, trao đổi câu trả lời.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm đôi trả lời. Các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và lưu ý một số điểm về kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm:

– Khi trình bày cần mở đầu và kết thúc một cách hấp dẫn, ấn tượng.

– Cần lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp với văn nói, nhằm thể hiện rõ mạch nội dung trình bày như: *trước tiên, sau đó, kế tiếp, cuối cùng,...*; *có thể dùng các từ ngữ như chủ yếu là, quan trọng hơn, đặc biệt là,...* khi cần nhấn mạnh vấn đề; *có thể dùng một số mẫu câu như: một trong những tác hại của là...; nếu như nhận thức được đúng đắn về tác hại/ mặt tiêu cực của ... thì...*

– Khi trình bày cần tôn trọng và tương tác với người nghe (bằng mắt, bằng cách nêu câu hỏi cho người nghe trong quá trình trình bày,...); cần dự kiến câu hỏi người nghe có thể thắc mắc để chuẩn bị trả lời cho thuyết phục.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu

– Thực hiện được bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

– Nhận xét, đánh giá được nội dung và hình thức của bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

b. Sản phẩm: Bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm; Nội dung nhận xét, đánh giá nội dung và hình thức của bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Trước tiên, luyện tập theo nhóm đôi để trình bày bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. Từng HS trình bày bài nói của mình cho bạn nghe và góp ý dựa trên bảng kiểm đánh giá kỹ năng (SGK/ tr. 57, 58). Sau đó, cá nhân HS trình bày bài nói của mình trước lớp.

(2) Khi nghe bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm của bạn, ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) HS luyện tập trình bày theo nhóm đôi.

(2) Cá nhân HS thực hiện việc lắng nghe và ghi chép.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của HS.

2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu

– Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Sản phẩm: Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc cá nhân và dùng bảng kiểm để tự đánh giá kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm (đối với những HS trình bày bài nói).

(2) HS làm việc cá nhân, xem xét kết quả ghi chép và tự đánh giá hiệu quả của việc lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến nhận xét bài nói (đối với những HS là người nghe).

(3) Tất cả HS suy ngẫm và rút kinh nghiệm từ hoạt động nói và nghe vừa thực hiện.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện các nhiệm vụ HT.

*** Báo cáo, thảo luận**

(2) Đại diện 2, 3 HS trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nêu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn; Cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau.

(3) Đại diện 1, 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ HT (những ưu điểm và hạn chế khi thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm, những giải pháp khắc phục những điều chưa làm tốt, những giải pháp để nghe và nhận xét tốt hơn,...).

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS trên ba phương diện:

– Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về kỹ năng nói và nghe của HS.

– Cách HS lắng nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Thực hiện được các bài ôn tập (SGK/ tr. 58).

b. Sản phẩm: Kết quả thực hiện các bài ôn tập (SGK/ tr. 58).

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

– GV yêu cầu cá nhân HS làm các bài ôn tập (SGK/ tr. 58).

– GV thông báo thời gian báo cáo bài tập trong tiết ôn tập.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện bài ôn tập ở nhà.

*** Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** Thực hiện ở tiết ôn tập.

ÔN TẬP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bảng, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động ôn tập kỹ năng đọc

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đọc văn nghị luận để thực hiện các bài tập 1, 4 (SGK/ tr. 58).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS đã chuẩn bị ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS trao đổi với nhau về bài tập 1, 4 đã thực hiện, sau đó, đại diện nhóm trình bày trước lớp.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS kiểm tra lại bài tập 1, 4 đã thực hiện ở nhà, sau đó, trao đổi ý kiến với bạn.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 3 – 4 HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận theo định hướng sau:

Câu 1

a. Một số đặc điểm chính trong văn chính luận của Nguyễn Trãi qua *Bình Ngô đại cáo*, *Thư lại dụ Vương Thông*.

- Hệ thống luận điểm rõ ràng, kết nối chặt chẽ, lô-gíc.
- Lí lẽ đanh thép kèm theo dẫn chứng cụ thể, thuyết phục.
- Sử dụng thích đáng các biện pháp tu từ tạo sức biểu cảm cao và làm tăng hiệu quả biểu đạt.
- Giọng văn phù hợp với từng hoàn cảnh, mục đích viết, đối tượng hướng tới và thay đổi linh hoạt trong từng luận điểm khác nhau

b. Một số nét đặc sắc trong thơ Nguyễn Trãi qua bài thơ *Bảo kính cảnh giới – bài 43*, *Dục Thúy sơn*.

- Cách quan sát, miêu tả thiên nhiên tinh tế, độc đáo, mới lạ.

– Cảnh vật thường được nhân hoá, sinh động, hữu tình, mang hơi thở, tâm hồn, tình cảm con người.

– Trong cảnh luôn có tình, từ cảnh đi đến bộc lộ tình.

c. Những nét nổi bật về tư tưởng, con người Nguyễn Trãi qua văn thơ ông.

– Yêu nước thương dân là tư tưởng xuyên suốt thơ văn Nguyễn Trãi. Nó thể hiện ở tinh thần nhân nghĩa, trừ bạo để yên dân; ở tâm lòng ưu ái luôn mong dân được no ấm, yên vui; ở tình cảm gắn bó thiết tha với quê hương, xóm làng.

– Thơ văn Nguyễn Trãi cũng thể hiện một con người đầy tài năng, tâm huyết và nồng hậu yêu thương đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.

Câu 4

Với tư cách người anh hùng, suốt đời Nguyễn Trãi kiên trì với lí tưởng

“trừ bạo” để “yên dân”:

– Trong thời kì kháng chiến chống quân Minh, ngoài việc tham gia nghĩa quân Lam Sơn, soạn thảo sách lược chống giặc (*Bình Ngô sách*), Nguyễn Trãi còn “đánh giặc” bằng ngòi bút nghị luận sắc bén, góp phần đắc lực cho chiến thắng, đuổi sạch giặc Minh ra khỏi đất nước.

– Trong thời kì xây dựng đất nước sau chiến thắng, ngòi bút nghị luận của ông cũng giúp vua trong việc dạy bảo thái tử, răn cấm các quan không được tham ô, lười biếng.

– Với tư cách là người nghệ sĩ, Nguyễn Trãi đã để lại cho đời một hồn thơ đa cảm, tinh tế, rung động trước thiên nhiên, con người, cuộc sống qua những vần thơ trữ tình thấm đượm tình yêu đất nước, nhân dân.

→ Ở Nguyễn Trãi, có sự kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn cả hai phẩm chất này; từ đó, đã cống hiến cho văn học nước nhà một sự nghiệp văn chương đặc sắc và trở thành một nhân cách lớn được đời sau ngưỡng mộ.

2. Hoạt động ôn tập Tiếng Việt

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng sử dụng từ Hán Việt đã học trong bài để thực hiện câu 3 (SGK/ tr. 58).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm bài tập 3 ở nhà.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS nhớ lại và nêu một số kinh nghiệm trong việc nhận biết lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS.

3. Hoạt động ôn tập kĩ năng viết, nói và nghe

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng viết, nói và nghe đã học trong bài để thực hiện bài tập 2 (SGK/ tr. 58).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo nhóm đôi, trao đổi bài tập 2 đã thực hiện ở nhà.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thảo luận nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác nhận xét và nêu câu hỏi.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận theo các định hướng tham khảo sau:

Câu 2

2a. Khi viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm cần lưu ý:

– Mở bài: Nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận.

– Thân bài: Lần lượt đưa ra ít nhất hai luận điểm (lí lẽ, bằng chứng) làm rõ mặt trái và tác hại của thói quen hay quan niệm; Nêu lợi ích/ giải pháp khắc phục, từ bỏ thói quen hay quan niệm.

– Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng và thành công của người thực hiện.

2b. Khi thực hiện bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm cần lưu ý:

– Về giọng điệu: từ tốn, thể hiện sự tôn trọng với người nghe.

– Về trình tự nói:

+ Mở đầu: Giới thiệu khái quát thói quen/ quan niệm sẽ bàn luận và nêu vấn đề nội dung bài nói.

+ Nội dung chính: Trình bày ý kiến đánh giá của người nói về tác hại của thói quen/ quan niệm; Lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; gợi ý về giải pháp thực hiện.

+ Kết thúc: Tóm tắt nội dung đã trình bày.



ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI (11 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7.5 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

DAY ĐỌC

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN

ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

GIANG

XUÂN VỀ (Đọc kết nối chủ điểm)

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG (Đọc mở rộng theo thể loại)

Thời gian thực hiện: 6.5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

1.2. Năng lực chung

- NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
- NL giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

II. KIẾN THỨC

– Nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

– Thể hiện cảm xúc của bản thân.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.

– Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động *mở đầu*) hoặc nội dung các VB đọc.

– Các PHT; Bảng tóm tắt một số đặc điểm của thể loại truyện và lưu ý về cách đọc.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

– Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

– Xác định được nhiệm vụ HT của phần Đọc.

– Tạo hứng thú về chủ đề HT *Đất nước và con người*.

b. Sản phẩm

– Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

– Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần Đọc.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Kích hoạt kiến thức nền về chủ điểm bài học; xác định chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học

** Giao nhiệm vụ HT*

(1) HS xem hình ảnh hoặc video clip liên quan đến nội dung chủ điểm của bài học

(ví dụ: Các hình ảnh cuộc sống lao động, sinh hoạt của con người Việt Nam gắn liền với thiên nhiên đã đạt giải nhiếp ảnh quốc tế của Trần Tuấn Việt; Bức ảnh *Những đứa trẻ nhảy múa với công chiêng* của Khánh Phan giành giải Vàng ở cuộc thi ảnh quốc tế Tokyo International Foto Awards (TIFA) năm 2020. Bức ảnh *Đánh cá ở rừng ngập mặn* của nhiếp ảnh gia Phạm Huy Trung giành giải cao nhất của hạng mục “Con người” tại cuộc thi ảnh quốc tế Drone Photo Awards 2021; Bức ảnh *Chiều trên vịnh Cát Bà* của tác giả Vũ Mạnh Cường đã giành huy chương vàng **FIAP** tại cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế **RGB 2021**; ...) và trả lời câu hỏi: *Những hình ảnh/ Đoạn video trên gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Diễn tả điều em liên tưởng bằng một cụm từ. Vì sao em lại liên tưởng đến điều ấy?*

(2) HS nghe GV giới thiệu với HS về nội dung chủ điểm, thể loại chính, câu hỏi lớn của bài học và ghi tóm tắt vào vở.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS làm việc nhóm đôi.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

(1) 1, 2 nhóm HS chia sẻ kết quả, các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

Lưu ý: Với câu hỏi chia sẻ, GV lưu ý không áp đặt ý kiến của mình với HS, khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau, miễn là hợp lý và phải dựa trên hình ảnh/ đoạn video clip.

(2) GV hướng dẫn HS chốt lại tên chủ điểm (*Đất nước và con người*), thể loại chính (*truyện*), câu hỏi lớn của bài học (Tình yêu quê hương đất nước là gì? Quê hương đất nước có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?).

Hoạt động 2: Xác định nhiệm vụ học tập của phần Đọc

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (SGK/ tr. 59), quan sát nhanh nội dung phần Đọc trong SGK/ tr. 61 – 80 và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chính của các em về đọc ở bài học này là gì? Thể loại chính em sẽ học ở bài học này là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV hướng dẫn HS tóm tắt nhiệm vụ học tập của phần Đọc: đọc VB 1 (*Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi), VB 2 (*Giang* – Bảo Ninh), đọc VB

Đọc mở rộng theo thể loại (*Buổi học cuối cùng* – An-phông-xơ Đô-đê) để hình thành kỹ năng đọc *truyện*, đọc VB Đọc kết nối chủ điểm (*Xuân về* – Nguyễn Bính) để tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động giới thiệu *Tri thức Ngữ văn*

a. Mục tiêu

- Kích hoạt kiến thức nền về thể loại truyện.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc nhóm đôi, lần lượt thực hiện các nhiệm vụ:

(1) Hãy chia sẻ cảm xúc về một tác phẩm truyện mà em ấn tượng.

Gợi ý: Kể tên một tác phẩm truyện mà bạn ấn tượng (Thích/ sợ...)?; Sự kiện/ chi tiết/ nhân vật/ cách mở đầu/ cách kết thúc ... nào để lại ấn tượng? Vì sao?

(2) HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK/ tr. 59 và thực hiện yêu cầu sau:

Nội dung của cột A với nội dung của cột B sao cho phù hợp:

A
(1) Câu chuyện
(2) Thông điệp của tác phẩm văn học
(3) Đặc điểm tính cách nhân vật
(4) Người kể chuyện
(5) Điểm nhìn

B
(A) Đó là ý tưởng quan trọng nhất.
(B) Là những nét riêng về ngoại hình, hành động, tình cảm, tâm lí, ngôn ngữ,... của nhân vật, giúp phân biệt với nhân vật khác.
(C) Là sự việc, chuỗi sự kiện xảy ra trong đời sống, liên quan đến một hoặc một số người nào đó.
(D) Là vị trí của người kể chuyện trong tương quan với câu chuyện.
(E) Một vai được tác giả tạo ra, đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện trong VB truyện.
(G) Đó là bài học, cách ứng xử mà VB văn học muốn truyền đến người đọc.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm HS còn lại nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định**

(1) GV khuyến khích HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ; tôn trọng những chia sẻ của HS, không đánh giá đúng/ sai. Trên cơ sở đó, GV xác định những điều các em đã biết về thể loại truyện; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này.

(2) Dựa trên nội dung trả lời câu hỏi của HS, GV nhận xét, hướng dẫn HS xác định một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn,...

2. Hoạt động đọc văn bản Đất rừng phương Nam

2.1. Trước khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

– Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

– Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về nội dung dự đoán của VB, thể loại của VB và những yếu tố cần lưu ý khi đọc thể loại truyện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:

– Dựa vào nhan đề, nội dung của phần giới thiệu về *Đất rừng phương Nam* và hình ảnh minh họa của VB (SGK/ tr. 62) để trả lời câu 1, 2 (SGK/ tr. 63).

Gợi ý: GV có thể khuyến khích HS đưa ra những dự đoán về VB bằng một số mẫu câu sau: Em nghĩ nội dung truyện *Đất rừng phương Nam* có thể là Để đưa ra dự đoán ấy, em căn cứ vào; Truyện *Đất rừng phương Nam* mà chúng ta sẽ đọc sau đây có nội dung về vì

– Quan sát nhanh đoạn giới thiệu tác phẩm *Đất rừng phương Nam* (SGK/ tr. 62) và xác định thể loại của VB. Xác định nhanh những yếu tố cần lưu ý khi đọc VB này.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS suy nghĩ, trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày ý kiến của mình, các nhóm HS khác nhận xét, góp ý.

Lưu ý: Với câu hỏi dự đoán nội dung VB, GV khuyến khích HS đưa ra càng nhiều dự đoán càng tốt, không đánh giá tính chính xác của những dự đoán ở hoạt động này, miễn là HS lí giải được cơ sở để đưa ra được dự đoán.

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, tổng kết những dự đoán mà HS đưa ra về nội dung của VB. GV nhắc nhở HS ghi chép lại những kết quả dự đoán, đặc biệt là những dự đoán khác nhau và sau khi hoạt động kết thúc, HS tự đánh giá những dự đoán ấy và dẫn dắt vào bài học.

– GV hướng dẫn HS chốt một số lưu ý khi đọc VB truyện: cốt truyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật,...

2.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như *theo dõi, suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần Đọc VB.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Quan sát việc GV làm mẫu cách thức thực hiện kĩ năng suy luận (nếu trước đó HS chưa được hướng dẫn thực hiện kĩ năng này):

– GV nhắc lại định nghĩa của kĩ năng *suy luận* (SGK/ tập 1, tr. 152).

– GV giải thích ngắn gọn cho HS về tác dụng của kĩ năng suy luận: Giúp người đọc phát triển tư duy lô-gíc để hiểu VB tốt hơn, từ đó cũng hiểu hơn về chính mình và cuộc sống.

– GV chọn đọc đoạn sau trong VB và dùng kĩ thuật *nói to suy nghĩ* của mình để làm mẫu cho HS cách thực hiện kĩ năng *suy luận*: **“Ờ kẻo cũng là một nhánh tràm thôi... nó không bao giờ đóng tổ đâu”**. → Phần *nói to suy nghĩ* của GV: “Để xác định điểm nhìn, cô đọc phần đối thoại **“Kẻo là gì, hở má?”** kết hợp với nội dung trước đó của VB, đặc biệt là cụm từ **“dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể”**, thì cô biết đó là điểm nhìn của An – câu chuyện được kể theo điểm nhìn của nhân vật xưng “tôi” – đã thay đổi sang điểm nhìn của má nuôi. Như vậy, việc làm kẻo ong được kể lại qua điểm nhìn của má nuôi.

– GV yêu cầu HS ghi chép tóm tắt cách thức thực hiện kĩ năng *suy luận* và nêu thắc mắc (nếu có) về cách thức thực hiện kĩ năng này.

(2) Sau khi xong nhiệm vụ (1), đọc trực tiếp VB và phần thông tin về tác giả Đoàn Giỏi. Trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung và kí hiệu ❶, GV nhắc HS tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy hoặc ghi nhớ ở trong đầu. Đặc biệt chú ý thực hành câu hỏi suy luận. (Cơ sở nào để em rút ra kết luận?...)

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) HS quan sát GV làm mẫu và ghi chép tóm tắt cách thức thực hiện kĩ năng suy luận.

(2) Cá nhân HS đọc trực tiếp VB và trả lời những câu hỏi Đọc VB.

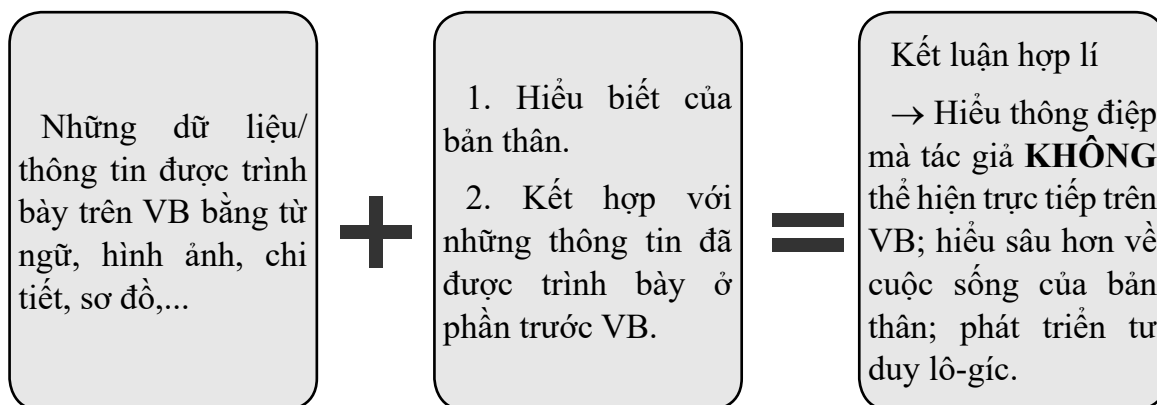
*** Báo cáo, thảo luận:** Đối với nhiệm vụ (2):

– HS trao đổi kết quả trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 62, 68) theo nhóm 4 HS.

– Với câu hỏi về kĩ năng suy luận (SGK/ tr. 66, 67, 68), GV có thể tổ chức đọc to đoạn văn gắn với câu hỏi và mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trả lời câu hỏi. Sau đó mời một số HS khác nhận xét, bổ sung. GV chú ý yêu cầu HS trình bày, nhận xét lẫn nhau về cách thực hiện kĩ năng suy luận hơn là nội dung câu trả lời của các em.

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV hướng dẫn HS kết luận lại những nội dung cốt lõi liên quan đến kĩ năng suy luận bằng sơ đồ sau:



(2) GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS đối với việc đọc, việc trả lời các câu hỏi đọc VB, thái độ trao đổi làm việc nhóm, cách thức HS thực hiện các kĩ năng đọc, đặc biệt là kĩ năng suy luận, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở từng kĩ năng. GV có thể tham khảo phần gợi ý trả lời các câu hỏi trong phần Đọc VB sau:

Câu 1 (SGK/ tr. 65): Theo dõi: Ăn ong là cách để lấy mật ong.

Câu 2 (SGK/ tr. 65): Theo dõi: Chú ý khai thác một số lời thoại để từ đó hiểu được tính cách của nhân vật. Ví dụ:

Nhân vật	Lời thoại	Tính cách
Cò	– Đố mày biết con ong mật là con nào? – Thứ chim cò này mà đẹp gì? – Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết...	Thích thể hiện sự hiểu biết.
An	– Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả. – Chim đẹp quá, Cò ơi!	Ham học hỏi

Câu 3 (SGK/ tr. 66): *Suy luận*: Việc làm kèo ong được kể lại theo điểm nhìn của má nuôi (đã làm mẫu cách thức thực hiện kỹ năng suy luận ở nhiệm vụ 1).

Câu 4 (SGK/ tr. 67): *Suy luận*: Gọi ý cơ sở suy luận:

Căn cứ vào các từ ngữ/ chi tiết: “để tía đuổi nó bằng cách khác; đốt a ngụy để đuổi ong”; “bầy ong bay mất không còn một con”.

Từ đó, HS hiểu được lí do tía nuôi khuyên An không nên giết ong: Tía nuôi là người “chuyên nghiệp” trong công việc, khoan dung và thân thiện với tự nhiên, luôn hoà hợp với tự nhiên để cùng dựa vào thiên nhiên để sinh sống, đồng thời cũng bảo vệ thiên nhiên.

Câu 5 (SGK/ tr. 67) *Suy luận*: Gọi ý cơ sở suy luận:

- Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ.
- Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả.

Đề cao vai trò của con người trong việc nắm bắt quy luật của tự nhiên để cùng chung sống hiền hoà, làm nổi bật cách nuôi ong lấy mật độc đáo của con người phương Nam.

2.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

– Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

– Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; Đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu về câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: *Em hiểu thế nào là câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn trong VB truyện?*

(2) HS làm việc nhóm đôi, thảo luận trả lời câu 1 (SGK/ tr. 68): *Hãy tóm tắt câu chuyện được kể trong VB trên* (Gợi ý: Để tóm tắt câu chuyện, em hãy xác định: *Câu chuyện kể sự việc gì? Ở đâu? Khi nào? Liên quan đến những nhân vật nào?*).

(3) HS làm việc nhóm đôi, thảo luận trả lời câu 2 (SGK/ tr. 68): *Quanh câu chuyện “đi lấy mật”, cuộc sống của thiên nhiên, con người phương Nam được cảm nhận, tái hiện qua điểm nhìn của những nhân vật nào? Các điểm nhìn này có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau như thế nào? Theo bạn, điểm nhìn của ai là quan trọng nhất? Vì sao?*

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhiệm vụ (1): Cá nhân HS tìm câu trả lời; nhiệm vụ (2), (3): HS làm việc nhóm đôi thảo luận tìm câu trả lời.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung (nếu có).

(2), (3) Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét và hướng dẫn HS một số vấn đề về khái niệm *câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn* (SGK/ tr. 60).

(2), (3): GV góp ý câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận và định hướng trả lời:

Câu 1 (SGK/ tr. 63):

Sáng sớm, An đi theo tia nuôi và thằng Cò đi vào rừng “ăn ong”.

An có nhiều trải nghiệm thú vị, mới mẻ trong chuyến đi: phát hiện đàn ong mật, bầy chim cả hàng nghìn đủ loại, đủ màu sắc đang bay lượn, kèo ong trên cây tràm do tia nuôi đóng, tổ ong hình nhánh kèo, cách đuổi ong, cách lấy mật ong.

Gần về chiều, họ gỡ hơn năm mươi kèo ong, lấy được hai gùi mật.

GV lưu ý, có thể tóm tắt câu chuyện theo sự việc hoặc nhân vật chính; khi tóm tắt chú ý tìm từ khoá và ý chính của từng phần, từng đoạn.

Câu 2 (SGK/ tr. 65)

– Điểm nhìn của các nhân vật: An, má nuôi An, tía nuôi An, Cò; Các điểm nhìn này làm cho sự việc được nhìn nhận từ nhiều góc nhìn khác nhau, góp phần diễn tả cụ thể, sinh động, mở ra thế giới độc đáo, phong phú, thú vị của đất rừng phương Nam: Sự việc “đi lấy mật” với An thì mới lạ, hấp dẫn, còn với má nuôi thì đó là sự từng trải, am hiểu về công việc và thiên nhiên,...

– Điểm nhìn của An là quan trọng. Vì câu chuyện đi lấy mật được cảm nhận, tái hiện từ điểm nhìn xuyên suốt của An – một đứa trẻ lần đầu đi lấy mật với một tâm trạng háo hức, tò mò – giúp cho câu chuyện đi lấy mật nói riêng và hình ảnh thiên nhiên đất rừng phương Nam hiện lên tươi mới, hấp dẫn,...

– GV lưu ý hướng dẫn HS đọc kĩ **chú giải** ở hình minh hoạ (SGK/ tr. 60), phần Tri thức Ngữ văn để phân biệt điểm nhìn ngôi thứ nhất và điểm nhìn ngôi thứ ba và sự thay đổi điểm nhìn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về lời người kể chuyện, lời nhân vật

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc nhóm nhỏ (4 – 6 HS) để hoàn thành PHT số 1:

PHT SỐ 1

Đọc đoạn trích dưới đây:

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và đường khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh.

Tía nuôi tôi đi trước, bên hông lưng lửng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi tre đan đã trát chai, tay cầm chà gạc. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lới phăng nhánh gai chắn đường vút ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói com nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.”

(SGK/ tr. 63) và thực hiện yêu cầu:

1. Người kể chuyện trong đoạn trích này là ai? Ở ngôi thứ mấy?
2. Liệt kê các chi tiết theo gợi ý trong bảng sau:

Yếu tố	Câu trả lời
<i>Sự việc</i>	Trên đường đi lấy mật + Tía nuôi: + Cò: + An: + Con Luốc:
<i>Miêu tả</i>	Thiên nhiên: Con người: + Tía nuôi: + Cò: + An:

3. Theo em, sự kết hợp của kể sự việc và miêu tả cảnh vật có vai trò như thế nào trong việc khắc họa cuộc sống thiên nhiên và con người phương Nam?

(2) HS làm việc nhóm đôi và thực hiện yêu cầu: Em hãy liệt kê ít nhất một lời đối thoại giữa An với các nhân vật (Cò, tía nuôi, má nuôi) theo gợi ý trong bảng sau:

Lời đối thoại	Thông tin trong VB		Tác dụng
<i>Giữa An với Cò</i>	An	Cò	
<i>Giữa An với tía nuôi</i>	An	Tía nuôi	
<i>Giữa An với má nuôi</i>	An	Má nuôi	

– GV nhắc HS khi tiến hành thảo luận cần xác định rõ nhiệm vụ của nhóm, sau đó, từng cá nhân chủ động tự nhận phần công việc phù hợp với bản thân trên cơ sở tự đánh giá khả năng để hỗ trợ nhóm hoàn thành nhiệm vụ HT được giao.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) Cá nhân HS làm việc trước, sau đó thảo luận kết quả với các thành viên trong nhóm.

(2) HS làm việc nhóm đôi, suy nghĩ, thảo luận để tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định**

(1) GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận về lời người kể chuyện của VB theo định hướng tham khảo sau:

PHT SỐ 1

Đọc đoạn trích “*Buổi sáng, đất rừng thật yên tĩnh... Con Luộc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây*” (SGK/ tr. 63) và thực hiện yêu cầu:

1. Người kể chuyện là An, ở ngôi thứ nhất, tạo sự chân thật, lôi cuốn,...
2. Liệt kê các chi tiết theo gợi ý trong bảng sau:

Yếu tố	Thông qua trường hợp ngữ liệu <i>Đất rừng phương Nam</i>
Sự việc	Trên đường đi lấy mật: + Tía nuôi đi trước mở đường. + Cò mang đồ đạc (thúng, vò nước, cơm nắm, nón lá) theo sau. + An quảy gùi bé chen vào giữa.
Miêu tả	Thiên nhiên: yên tĩnh, mát lạnh, ánh sáng trong vắt, óng ánh, hoa tràn rung rung,... Con người: + Tía nuôi: bên hông lưng lửng chiếc túi da beo, cầm con dao rất sắc,... + Cò: đội cái thúng to tướng, nón lá rách,... + An: quảy tòn ten cái gùi bé.

3. Sự kết hợp giữa kể sự việc và miêu tả trong lời người kể chuyện góp phần tạo sự cụ thể, sinh động, thể hiện được phong vị riêng trong cuộc sống của thiên nhiên và con người phương Nam.

Lưu ý: GV gợi ý HS tìm thêm ít nhất một đoạn văn là lời người kể chuyện có đan xen sự việc và miêu tả; thể hiện sự độc đáo của thiên nhiên và con người phương Nam.

(2) GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận về lời đối thoại của nhân vật của VB theo định hướng tham khảo sau: Lời đối thoại giữa An với các nhân vật (Cò, tía nuôi, má nuôi) giúp cho An khám phá nhiều điều thú vị, học được nhiều bài học từ thực tế mà sách vở không có. Đồng thời, các lời thoại này giúp người đọc hình dung tính cách nhân vật.

– GV chú ý quan sát cách thức làm việc nhóm của HS, nhận xét đánh giá việc HS có xác định được nhiệm vụ của nhóm hay không và có chủ động nhận công việc phù hợp với bản thân trước các bạn trong nhóm hay không.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về chủ đề

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm việc theo nhóm đôi, lần lượt thực hiện các nhiệm vụ

(1) Dựa trên kiến thức nền về chủ đề trả lời câu 5 (SGK/ tr. 68): Xác định chủ đề của VB và chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.

(2) Hoàn thành PHT sau:

PHT SỐ 2

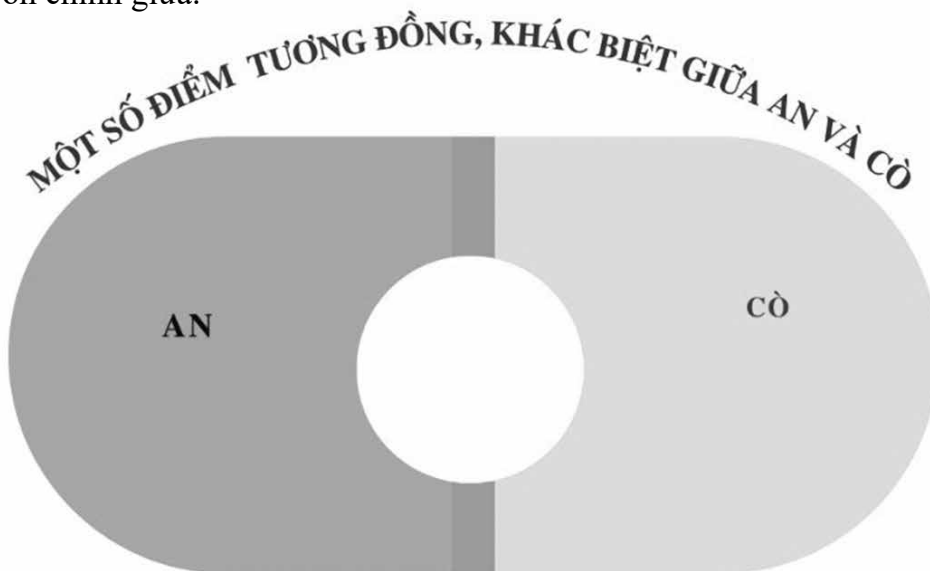
Câu 6 (SGK/ tr. 68): Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai nhân vật Cò và An. Theo bạn, việc làm nổi bật những nét tương đồng và khác biệt ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?

Gợi ý:

1. Tìm các chi tiết/ từ ngữ miêu tả ngoại hình, lời nói, thái độ của An, Cò và điền vào bảng sau:

Tiêu chí	An	Cò
Ngoại hình		
Lời nói		
Thái độ		

2. Hãy liệt kê đặc điểm tính cách của An vào hình bên trái, đặc điểm tính cách của Cò vào hình bên phải, những điểm tính cách giống nhau của hai nhân vật vào hình tròn chính giữa.



3. Theo bạn, việc làm nổi bật những nét tương đồng và khác biệt ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?

.....

.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận, chuẩn bị câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận về chủ đề của VB theo định hướng tham khảo sau:

Câu 5 (SGK/ tr. 68)

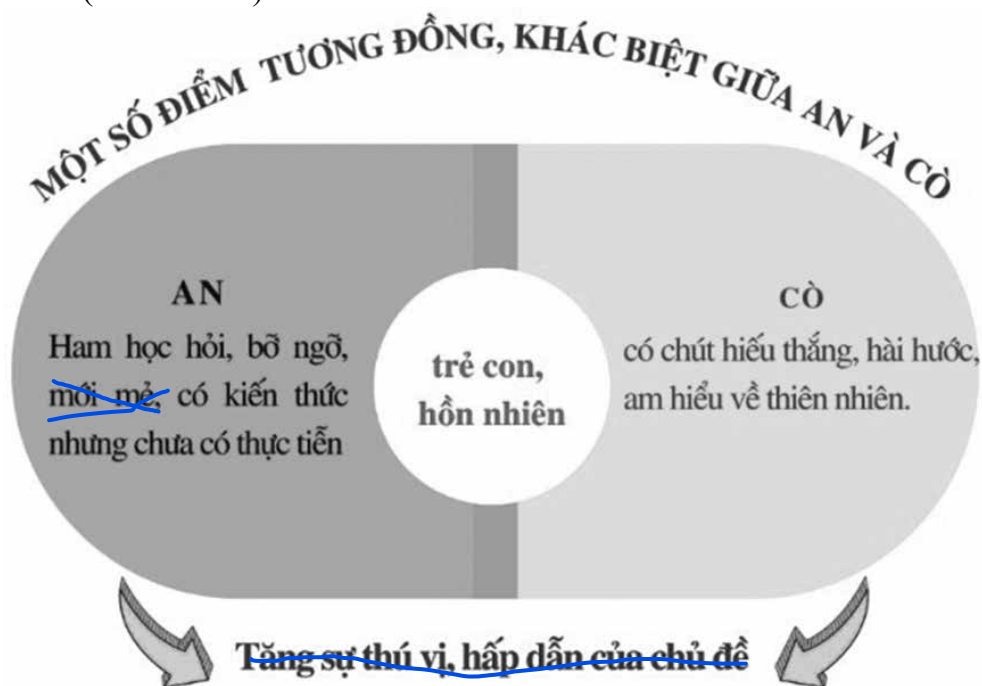
– GV có thể nhắc lại cho HS khái niệm chủ đề và một số căn cứ để xác định chủ đề: Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua câu chuyện được kể. Để xác định được chủ đề của truyện, cần căn cứ vào nhiều yếu tố:



– Chủ đề của đoạn trích *Đất rừng phương Nam* là: Ca ngợi vẻ đẹp trù phú của thiên nhiên, đồng thời trân trọng trí tuệ, lối sống hoà hợp tự nhiên của con người nơi đây.

– GV hướng dẫn HS cách xác định chủ đề: **Nhan đề** *Đất rừng phương Nam* gợi lên không gian sinh hoạt của con người vùng đất phương Nam (cụ thể là vùng U Minh). **Cốt truyện** xoay quanh chuyến đi lấy mật của An, Cò và tía nuôi. Trong chuyến đi này, An, **người kể chuyện ngôi thứ nhất**, có những khám phá mới mẻ về sự đa dạng, phong phú, sinh động, kì thú của thiên nhiên, có những trải nghiệm thú vị về cách lấy mật ong rừng đặc biệt của người dân nơi đây. Các **chi tiết** tái hiện hành trình đi lấy mật ong và vẻ đẹp của rừng U Minh: làm kèo ong để dụ ong làm tổ, cách đuổi ong để lấy mật, gỡ hơn 50 kèo ong/ mật đầy cả hai gùi; một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên, hoa trầm thơm ngậy ngát,... có mối quan hệ lô-gíc với nhau góp phần làm rõ chủ đề tác phẩm.

Câu 6 (SGK/ tr. 68)



Hoạt động 4: Chia sẻ bài học về cách nghĩ và ứng xử của cá nhân

*** Giao nhiệm vụ HT:**

(1) GV tổ chức trò chơi “*Thông tin thần tốc*” GV chia lớp thành các đội chơi và phát thẻ thông tin. Trong thời gian 60 giây, các đội tìm từ khoá điền thẻ thông tin. Đội liệt kê được nhiều và chính xác là đội chiến thắng.

THẺ THÔNG TIN	
Câu chuyện đi lấy mật giúp em hiểu thêm gì về thiên nhiên, cuộc sống, tính cách con người Nam Bộ? Hãy điền từ khoá thích hợp vào thẻ thông tin.	
<i>Thiên nhiên</i>	
<i>Cuộc sống</i>	
<i>Con người</i>	

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS tham gia trò chơi.

*** Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 nhóm HS dán câu trả lời lên bảng. GV và các đội trưởng thống kê để tìm đội chiến thắng.

*** Kết luận, nhận định**

– GV góp ý cho câu trả lời của HS, đánh giá về sự hợp lí. Lưu ý GV không áp đặt ý kiến cá nhân, không có kết luận duy nhất đúng với câu hỏi này.

– GV gợi mở, khuyến khích HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về thiên nhiên, cuộc sống, con người Nam Bộ trong hiện tại.

2. 4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản **Giang**

a. Mục tiêu

– Khái quát được những đặc điểm của thể loại truyện thông qua việc đọc VB *Đất rừng phương Nam*.

– Thực hiện được những nhiệm vụ đọc ở nhà liên quan đến VB *Giang*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS về đặc điểm thể loại truyện qua VB *Đất rừng phương Nam*; nội dung các nhiệm vụ trước khi đọc hiểu VB *Giang* ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Khái quát đặc điểm thể loại truyện

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, xem lại *Tri thức Ngữ văn* (SGK/ tr. 59, 60) và trả lời câu hỏi: Thông qua việc đọc VB *Đất rừng phương Nam*, em hãy tóm tắt một số đặc điểm của truyện dựa vào bảng gợi ý sau:

Đặc điểm của truyện	Nhận xét (Thông qua trường hợp ngữ liệu <i>Đất rừng phương Nam</i>)
<i>Câu chuyện</i>	
<i>Người kể chuyện</i>	
<i>Điểm nhìn</i>	
<i>Đặc điểm, tính cách nhân vật</i>	
<i>Chủ đề</i>	
<i>Thông điệp</i>	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS suy nghĩ và chuẩn bị câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, góp ý câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của truyện thông qua ngữ liệu *Đất rừng phương Nam* và ghi chép vào vở.

Đặc điểm của truyện	Nhận xét (Thông qua trường hợp ngữ liệu <i>Đất rừng phương Nam</i>)
<i>Câu chuyện</i>	Là một chuỗi sự việc liên quan đến hành trình đi lấy mật ong của tía nuôi, An và Cò, có khởi đầu (buổi sáng, tía nuôi, Cò và An đi vào rừng lấy mật), diễn biến (An quan sát, phát hiện đàn ong; đàn chim nhiều loại rất đẹp và đa dạng,...; gác kè ong; cách lấy mật của tía nuôi,...), kết thúc (Ba cha con ra về sau khi đã lấy đầy hai gùi mật ong).
<i>Người kể chuyện</i>	Một vai được tác giả tạo ra, đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện trong VB truyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất là nhân vật An xưng tôi).
<i>Điểm nhìn</i>	Là vị trí của người kể chuyện trong tương quan với câu chuyện (Câu chuyện đi lấy mật ong được kể qua nhiều điểm nhìn, như của An, của Cò, của tía nuôi An ,... Trong đó, điểm nhìn của nhân vật An hay người kể chuyện là điểm nhìn xuyên suốt).
<i>Đặc điểm, tính cách nhân vật</i>	Đặc điểm tính cách nhân vật có thể nhận biết qua hành động, lời nói, ý nghĩ,... của nhân vật: – An: hồn nhiên, ham học hỏi,... – Cò: hồn nhiên, hiếu thắng, có sự am hiểu về cảnh vật và cuộc sống ở rừng U Minh,... – Tía nuôi: khoan dung và ôn hoà,... – Má nuôi: ôn tồn, trù mến,...
<i>Chủ đề</i>	Những trải nghiệm thú vị của nhân vật An trong một chuyến theo tía nuôi đi lấy mật ong rừng.
<i>Thông điệp</i>	Có nhiều thông điệp. Có thể là: Bài học về việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đi đôi với việc bảo vệ tự nhiên qua chuyến đi lấy mật của ba cha con.

Hoạt động 2: Hướng dẫn trước khi đọc hiểu văn bản *Giang*

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện những nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo về VB *Giang*:

(1) Trước khi đọc VB, hoàn thành nhiệm vụ tìm kiếm và chia sẻ cảm nghĩ của HS

về một tác phẩm văn học (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) viết về đề tài chiến tranh trong thế kỉ XX ở mục *Trước khi đọc* (SGK/ tr. 69).

Ngoài ra, GV có thể gợi ý HS tìm đọc các truyện ngắn khác trong tập *Bảo Ninh – Những truyện ngắn* để HS thấy rõ hơn nét đặc sắc của truyện Bảo Ninh mà tác giả SGK đã giới thiệu trong phần đầu bài học: “Những câu chuyện được kể bằng giọng văn nhẹ nhàng, điềm đạm về kỉ niệm trong quá khứ, kí ức trong chiến tranh. Đó là những câu chuyện cảm động về tình người, tình yêu, đau khổ, hạnh phúc”.

(2) Đọc toàn bộ VB, trong khi đọc, ghi câu trả lời cho câu hỏi *Theo dõi* và *Suy luận* (SGK/ tr. 69, 74) theo hướng dẫn sau:

PHT SỐ 4

THEO DÕI VÀ SUY LUẬN

Đọc VB *Giang*, trong quá trình đọc, chú ý đến các câu hỏi trong các khung và kí hiệu ❶ trên trang SGK, hoàn thành các cột (2), (3) trong bảng sau (cột 4: trao đổi với bạn trên lớp):

Câu hỏi Đọc VB (1)	Tên kĩ năng đọc (2)	Nội dung trả lời của tôi (3)	Kết quả trao đổi với bạn (4)
1 (SGK/ tr. 70)			
2 (SGK/ tr. 72)			
3 (SGK/ tr. 73)			
4 (SGK/ tr. 74)			
5 (SGK/ tr. 74)			

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

3. Hoạt động đọc văn bản *Giang*

3.1. Chuẩn bị đọc văn bản

a. Mục tiêu: Báo cáo được kết quả chuẩn bị cho việc đọc VB *Giang* đã thực hiện ở nhà.

b. Sản phẩm

– Câu trả lời của HS.

– PHT số 4.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Bài tập HS đã chuẩn bị ở nhà.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, đề nghị mỗi HS ghi lại ngắn gọn thông tin về tác phẩm văn học mình muốn chia sẻ với các bạn vào tờ giấy ghi chú: Tên tác phẩm, tác giả, năm sáng tác, nội dung sơ lược.

Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, lần lượt HS chia sẻ trong nhóm và đính kèm tờ giấy ghi chú lên phiếu chia sẻ chung của cả nhóm.

(2) Tổ chức cho HS báo cáo khi thực hiện mục 3.2. Đọc VB.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) GV mời đại diện nhóm giới thiệu sơ lược cho cả lớp tên tác phẩm hoặc tác giả được các bạn trong nhóm chia sẻ nhiều nhất.

(2) HS báo cáo khi thực hiện mục 3.2. *Trải nghiệm cùng VB.*

*** Kết luận, nhận định:** Đối với nhiệm vụ (1): GV lưu ý HS chỉ chia sẻ ngắn gọn, không kể quá chi tiết về nội dung các tác phẩm nhưng cũng cần giới thiệu khéo léo để các bạn có cảm hứng tìm kiếm tác phẩm để đọc.

3.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc diễn cảm VB bằng việc tổ chức hoạt động đọc phân vai.
- Vận dụng các kĩ năng đọc theo dõi, suy luận đã học ở những bài trước trong quá trình đọc diễn cảm VB.
- Chia sẻ kết quả thực hiện ở nhà của nội dung đọc VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong PHT số 4.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV hướng dẫn HS đọc phần tóm tắt VB và lưu ý các em về tầm quan trọng của việc nắm các sự kiện, diễn biến cốt truyện của toàn bộ tác phẩm trước khi đi vào tìm hiểu một đoạn trích. GV mời 4 HS đọc phân vai (vai người dẫn chuyện, vai “tôi”, vai Giang, vai bố Giang). GV nhắc HS chú ý cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên các nhân vật, cách đọc các đoạn đối thoại giữa các nhân vật, ví dụ: đoạn đối thoại giữa nhân vật

“tôi” và Giang ở giếng nước đọc với giọng điệu hóm hỉnh, tinh nghịch trong lời thoại của “tôi” và giọng điệu ngạc nhiên, ân cần, quan tâm trong lời thoại của Giang. Đoạn đối thoại giữa “tôi” và bố Giang ở chiến trường Tây Nguyên cần thể hiện được sự vui mừng và ấm áp, thân thiện trong lời thoại của bố Giang (SGK/ tr. 69, 74).

(2) Trong khi 4 HS đọc phân vai VB thì các HS khác kiểm tra chéo việc hoàn thiện PHT số ~~4~~ của bạn ngồi bên cạnh mình (đã làm ở nhà trước đó).

(3) Nhóm 2 HS lần lượt trao đổi về câu trả lời cho các cột (2), (3) trong PHT, sau đó, thảo luận, ghi tóm tắt ý kiến mà cả 2 đã thống nhất vào cột 4.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

– Trước tiên, cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1) và (2).

– Sau khi hoàn thành nhiệm vụ (1) và (2), nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ (3).

* **Báo cáo, thảo luận:** Đối với nhiệm vụ (3): Một vài HS trình bày kết quả đã thảo luận với bạn (thông tin trong cột 4 của PHT số 4): những điểm thống nhất và chưa thống nhất. GV nêu câu hỏi yêu cầu HS lí giải: Em đã có hoạt động gì khi theo dõi các sự kiện, chi tiết của truyện? Ở câu hỏi suy luận, dựa trên cơ sở nào các em đưa ra suy luận như vậy? Suy luận của em có gì khác với suy luận của bạn không?

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét về kết quả đọc phân vai của HS về: tốc độ đọc; mức độ to, rõ, trôi chảy, lưu loát, ngừng nghỉ hợp lí, biểu cảm; việc nhấn giọng, tái hiện tính cách nhân vật, sự thay đổi trong mối quan hệ giữa các nhân vật qua các đoạn đối thoại.

(2) và (3): GV nhận xét về thái độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ học tập ở nhà của HS: GV góp ý cho câu trả lời của HS, nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện để thực hiện thành thạo kĩ năng *theo dõi, suy luận* trong quá trình đọc; GV giải đáp thắc mắc của HS về cách thực hiện kĩ năng (nếu có).

3.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm cơ bản của truyện thể hiện qua nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.

– Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp thông qua hình thức nghệ thuật của VB.

– Nêu được tình huống và cách ứng xử cá nhân do VB gợi ra từ bài tập sáng tạo.

– Biết yêu đất nước, con người Việt Nam.

b. Sản phẩm

– Các câu trả lời.

– PHT về các yếu tố của truyện trong VB.

– Sản phẩm sáng tạo (tranh vẽ, thơ, đoạn văn tự sự) viết tiếp câu chuyện về cuộc gặp lại sau 30 năm giữa hai nhân vật tôi và Giang.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Câu chuyện và lời kể

* ***Giao nhiệm vụ HT:*** Yêu cầu HS nhớ lại các khái niệm: câu chuyện, sự việc, lời nhân vật, lời người kể chuyện (đã học ở *Tri thức ngữ văn* và VB 1), trả lời câu hỏi 1, 2 (SGK/ tr. 75) bằng cách hoàn thành nhiệm vụ HT sau đây:

(1) Hoàn thành PHT số 1: “*Hỏi nhanh – đáp gọn*” (trả lời câu 1).

Câu hỏi	Câu trả lời
– Ai là người kể chuyện?	
– Truyện Giang có bao nhiêu nhân vật?	
– Nhân vật “tôi” đóng mấy vai trò trong truyện này?	
– Nêu câu văn/ đoạn văn đan xen lời người kể chuyện và lời nhân vật.	

(2) Thảo luận và hoàn thành PHT số 2: *Chiến tranh: gặp gỡ và tình người* (trả lời câu 2).

STT	Những cuộc gặp gỡ	Tình cảm giữa các nhân vật trong chiến tranh
1		
2		
3		
4		

* ***Thực hiện nhiệm vụ HT:*** Đối với nhiệm vụ (1): HS bắt cặp, thảo luận, thống nhất ý kiến; nhiệm vụ (2): HS thực hiện theo nhóm 4 – 6.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) Các cặp thực hiện thảo luận trong thời gian tối đa 3 phút để hoàn thành phiếu *Hỏi nhanh, đáp gọn*. GV lưu ý: Dù câu hỏi số 1 chỉ yêu cầu HS nêu câu/ đoạn văn có sự đan xen giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, nhưng những câu hỏi trước đó về ngôi kể, vai trò của nhân vật “tôi”, liệt kê tên nhân vật sẽ có tác dụng trong việc giúp HS xác định, phân biệt lời nhân vật và lời người kể chuyện.

(2) Các nhóm thảo luận trong thời gian 7 phút để hoàn thành PHT số 2 *Chiến tranh: gặp gỡ và tình người*. Sau đó, GV tổ chức cho các nhóm trao đổi tờ phiếu ghi kết quả, cho các nhóm 3 phút để góp ý, chỉnh sửa cho nhóm bạn (bằng bút mực đỏ). GV chốt ý, để các nhóm tự chấm kết quả của mình đồng thời ghi nhận các nội dung bổ sung của nhóm bạn.

*** Kết luận, nhận định:** GV công bố nội dung PHT, có thể mời đại diện các nhóm bổ sung và giải thích thêm cơ sở để nhóm phân biệt lời nhân vật và lời người kể chuyện (Ví dụ: Các câu trong ngoặc kép và lời nhân vật, còn lại có thể là lời người kể chuyện).

PHT SỐ 1

Câu hỏi	Câu trả lời
Ai là người kể chuyện?	Nhân vật “tôi”, anh lính binh nhì, mười bảy tuổi, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh.
Truyện <i>Giang</i> có bao nhiêu nhân vật?	Tôi, Giang, bố Giang.
Nhân vật “tôi” đóng mấy vai trò trong truyện này?	Hai vai trò: vừa là nhân vật, vừa là người kể lại câu chuyện.
Nêu câu văn/ đoạn văn đan xen lời người kể chuyện và lời nhân vật.	– Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn bình tuần tới thứ sáu. “<i>Đã được lã một tối càng phải liệu mà về cho khuya giờ điểm danh đấy nhá</i>”. Anh dặn tôi thế, ra ý đe. – Tôi toan linh, song ông trông thấy tôi tức thì. “<i>Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!</i>”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “<i>Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường</i>”. Ông bảo: “<i>Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình</i>”. Lưu ý: Lời nhân vật được in nghiêng để phân biệt với lời người kể chuyện trong 2 ví dụ trên.

PHT SỐ 2

STT	Những cuộc gặp gỡ	Cách đối xử của các nhân vật với nhau
1	Giang và tôi (ở giếng nước)	– Giang: ân cần, thân thiện, chu đáo, cảm thông (thể hiện qua hành động múc nước, kì cọ đôi chân lấm bùn, đôi dép đúc cho tôi). – Tôi: cảm mến, gần gũi, hóm hỉnh, có chút láu lỉnh của thanh niên mới lớn (lừa tên Giang ghi trên vành nón, chủ động bắt chuyện, trêu chọc, tỏ vẻ cho Giang biết là mình quen hoặc biết cô từ trước nên mới gọi đúng tên và tên đệm của cô).
2	Tôi và bố Giang (ở nhà bố Giang)	– Bố Giang: nghiêm túc, tác phong quân đội, có phần hơi cảnh giác, giữ khoảng cách. – Tôi: hoảng sợ, sau đó là sự nghiêm túc, thái độ e dè dành cho cấp trên.
3	Giang, tôi và bố Giang (ở nhà bố Giang)	– Giang: nũng nịu với bố, quan tâm, tin cậy, ầm áp với tôi. – Bố Giang: thương yêu, chiều chuộng con gái, cảm thông cho việc bạn con đến chơi, tạo điều kiện để Giang lấy xe chở tôi về đơn vị. – Tôi: rung động trước tình cảm của Giang, cảm nhận được niềm vui, ầm áp (chiếc xe nặng chịch nhưng chẳng thấy nặng chút nào).
4	Nêu câu văn/ đoạn văn đan xen lời người kể chuyện và lời nhân vật.	– Tôi: toan trốn khỏi bố Giang vì không biết giải thích sao với ông về câu chuyện hôm đó, về cái tên “Hùng” mà Giang bịa ra. – Bố Giang: chân tình, cởi mở, vừa có sự ầm áp của người chỉ huy, vừa có sự chân thành của một ông bố dành cho người con trai mà con gái mình đặc biệt quý mến.

Hoạt động 2: Phân tích về nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS thực hiện câu 3 (SGK/ tr. 75) phân tích tính cách của nhân vật Giang bằng việc hoàn thành những gợi ý trong PHT số 3 sau đây:

PHT SỐ 3: Tính cách nhân vật Giang

Hình ảnh Giang	Qua điểm nhìn	Chi tiết miêu tả	Tính cách nổi bật
Tại giếng nước công cộng (khi tình cờ gặp nhân vật “tôi”)			
Tại nhà mình (cùng với nhân vật “tôi” và bố)			
Trên đường đưa nhân vật “tôi” trở lại đơn vị bằng xe đạp			
Tại chiến trường Tây Nguyên (qua lời kể của bố với nhân vật “tôi”)			
Nhận xét chung			

(2) HS rút ra nhận xét về cách lựa chọn và sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm, trả lời câu 4 (SGK/ tr. 75).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** nhiệm vụ (1): HS thảo luận trong nhóm từ 4 – 6 thành viên; nhiệm vụ (2): HS thực hiện cá nhân.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) Các nhóm thảo luận trong thời gian 7 phút để hoàn thành PHT số 3. Sau đó, GV tổ chức cho các nhóm trao đổi tờ phiếu ghi kết quả, các nhóm có 3 phút để góp ý, chỉnh sửa cho nhóm bạn (sửa bằng mực đỏ).

(2) HS viết nhận xét của mình về cách nhà văn Bảo Ninh lựa chọn, sử dụng ngôi kể, điểm nhìn và tờ giấy ghi chú. Sau đó, bắt cặp và chia sẻ thông tin với bạn bên cạnh.

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV công bố nội dung PHT cho HS, có thể mời đại diện các nhóm bổ sung và giải thích thêm cơ sở để nhóm đưa ra nhận định về tính cách nhân vật Giang (qua các chi tiết, điểm nhìn được liệt kê trong bảng biểu).

(2) Từ những nội dung đã được thống nhất trong PHT số 3, GV hướng dẫn HS chốt lại nhận xét về:

- Việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn của nhà văn.
- Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể, điểm nhìn ấy.

PHT SỐ 3

Hình ảnh Giang	Qua điểm nhìn	Chi tiết miêu tả	Tính cách nổi bật
<i>Tại giếng nước công cộng (khi tình cờ gặp nhân vật “tôi”).</i>	Tôi	– Ngập ngừng khi bị gọi tên. – Múc nước xối cho tôi rửa 2 bàn tay lấm bẩn. – Cọ bùn đất ở chân và đôi dép của tôi. – Mời tôi về nhà chơi.	Cô gái tốt bụng, tin người, chu đáo, sẵn lòng giúp đỡ người khác.
<i>Tại nhà mình (cùng với nhân vật “tôi” và bố)</i>	Tôi Bố Giang	– Xuống bếp hâm lại cơm canh cho nóng để mời tôi ăn. – Nhanh trí “bịa” ra tên “Hùng” cho tôi khi bố về nhà, hỏi chuyện. – Nũng nịu, muốn bố xin cho tôi về đơn vị trẻ. – Xin bố để xe đạp lại để đưa tôi về đơn vị điểm danh.	– Cô gái nhanh nhẹn, đảm đang, biết chăm sóc cho người khác. – Vẫn còn tính cách trẻ con, thích nũng nịu với bố vì biết được bố chiều.
<i>Trên đường đưa nhân vật “tôi” trở lại đơn vị bằng xe đạp</i>	Tôi	– Ngồi sau xe, áp mình tin cậy vào tôi. – Chuyện trò, chia sẻ, kể về cuộc sống của mình khi ngồi sau xe tôi. – Dẫn tôi tết về chơi với 2 bố con. – Đưa ra đề nghị tết trốn vào doanh trại với tôi. – Thở dài trong giây phút hai người chia tay.	– Người con gái cởi mở, thích chia sẻ, tâm tình và tin cậy. – Người con gái giấu kín tâm sự và nỗi niềm cô đơn (mẹ mất, anh trai đi bộ đội xa, bố cũng là lính).

<i>Tại chiến trường Tây Nguyên (qua lời kể của bố với nhân vật “tôi”)</i>	Bố Giang	– Nhắc đến tôi mãi. – Buồn vì không gặp lại trước khi tôi lên đường. – Ở một mình ngoài kia (Hà Nội). – Gửi cho tôi một tấm ảnh cá nhân, nhờ bố cầm theo ra chiến trường.	Luôn nhớ đến và có cảm tình với tôi, xem tôi là một người “đặc biệt”.
<i>Nhận xét chung</i>	Qua các chi tiết miêu tả, qua nhiều điểm nhìn từ các nhân vật trong truyện, có thể thấy Giang là: – Một cô gái có đời sống nội tâm phong phú, giàu rung động, giàu yêu thương, nhân hậu. – Một cô gái chu đáo, đảm đang, sớm lo toan cuộc sống gia đình của 2 bố con trong hoàn cảnh mẹ mất sớm. – Một cô gái khát khao yêu thương, thích được chia sẻ nhưng sống cô đơn, chịu nhiều mất mát do chiến tranh.		

Câu 4 (SGK/ tr. 75): Về ngôi kể và điểm nhìn:

– Truyện có nhiều ngôi kể và điểm nhìn: ngôi kể (anh tân binh xưng “tôi”, tác giả); điểm nhìn: tôi, bố Giang, Giang, người kể chuyện.

– Điểm nhìn quan trọng nhất: điểm nhìn của nhân vật tôi (anh lính tân binh). Việc lựa chọn điểm nhìn này đã giúp người đọc theo dõi câu chuyện với góc nhìn của người trong cuộc. Chính vì vậy, chúng ta có cơ hội cảm nhận rõ nét, chân thực, toàn vẹn những cuộc gặp gỡ trong chiến tranh để lại nhiều dư vị, cảm xúc sâu sắc trong lòng người.

– Cách kể như vậy có tác dụng gợi lên trong độc giả những suy nghĩ về tình người hồn hậu, ấm áp, yêu thương trong hoàn cảnh chiến tranh; những mất mát, đau thương mà cuộc chiến để lại cho con người; ~~cả~~ những rung động đầu chỉ thoáng qua nhưng lãng mạn, khó quên của hai nhân vật Giang và tôi.

Hoạt động 3: Phân tích chủ đề và tư tưởng

* **Giao nhiệm vụ HT:** Yêu cầu HS nhớ lại hoạt động xác định chủ đề và cơ sở để xác định chủ đề ở VB 1; điền vào PHT số 4 để trả lời câu 5, 6 (SGK/ tr. 75):

PHT SỐ 4: Chủ đề và tư tưởng của VB *Giang*

CHỦ ĐỀ		TU TƯỞNG	
Xác định chủ đề	Căn cứ xác định	Tư tưởng	Vai trò 2 đoạn kết

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thảo luận trong nhóm 2 HS.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS chốt ý thông qua gợi ý sau:

CHỦ ĐỀ		TU TƯỞNG	
Xác định chủ đề	Căn cứ xác định	Tư tưởng	Vai trò 2 đoạn kết
Vẻ đẹp của tình người ấm áp, nhân hậu, nghĩa tình; giá trị của những khoảnh khắc rung động đầu đời sau một cuộc gặp gỡ.	– Nhan đề VB: <i>Giang</i> là tên nhân vật chính, cũng là người con gái mang vẻ đẹp tình người và đánh dấu khoảnh khắc rung động đầu đời. – Cốt truyện: cuộc gặp gỡ tình cờ trong chiến tranh. – Sự kiện: xoay quanh cuộc gặp gỡ và quá trình nảy sinh sự rung động giữa <i>Giang</i> và tôi. – Người kể chuyện và điểm nhìn: chủ yếu từ nhân vật tôi, một người trong cuộc để thể hiện quá trình cảm nhận vẻ đẹp con người và những rung động đầu đời trong chiến tranh.	Trân trọng tình người, trân quý kỉ niệm và kỉ ức rung động “văn vợ, lưu luyến” trong hoàn cảnh chiến tranh mất mát, nhiều nỗi đau.	Hai đoạn văn cuối góp phần thể hiện tư tưởng của tác phẩm thông qua: – Nội dung của 2 đoạn văn: đoạn 1 thừa nhận mất mát, đau thương của chiến tranh; đoạn 2 nhấn mạnh cảm xúc lưu luyến, không bao giờ quên cuộc gặp gỡ với <i>Giang</i> dù 30 năm trôi qua và thời gian muốn xóa nhòa mọi thứ. – Hình thức của 2 đoạn văn: ngôn ngữ trữ tình ngoại đề, vừa là lời tôi nói với tôi, vừa là lời tôi và tác giả nói với độc giả để chuyển tải tư tưởng một cách trực tiếp.

Hoạt động 4: Tình huống ứng xử và bài tập sáng tạo

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Tình huống ứng xử: Câu 7 (SGK/ tr. 79): GV yêu cầu HS lựa chọn một trong hai lá phiếu đồng tình/ phản đối cách ứng xử của nhân vật Giang trong bài tập tình huống, tìm lí lẽ để giải thích lựa chọn của mình. Sau đó, chia sẻ với các bạn trong nhóm và thư kí ghi lại vắn tắt nội dung thảo luận của nhóm mình. GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thông qua mẫu phiếu thảo luận gợi ý như sau:



The image shows a worksheet titled "Phiếu thảo luận ứng xử của nhân vật 'Giang'". It contains instructions for students to choose between two options (support or oppose) and provide reasons. The worksheet is divided into three main sections: "Phiếu ủng hộ Giang" (Support for Giang), "Phiếu phản đối Giang" (Oppose Giang), and "Tổng hợp ý kiến của nhóm" (Group opinion summary). There are decorative floral elements on the left and right sides.

Phiếu thảo luận
ứng xử của nhân vật "Giang"

HS chọn 1 trong 2 lá phiếu (ủng hộ hoặc phản đối để nêu ý kiến).
Sau đó, chia sẻ trong nhóm, thư kí nhóm tổng hợp kết quả chung.

Phiếu ủng hộ Giang

Phiếu phản đối Giang

Tổng hợp ý kiến của nhóm

(2) Bài tập sáng tạo: Tưởng tượng cuộc gặp gỡ sau 30 năm của tôi và Giang (SGK/ tr. 79). Bài tập này cần nhiều thời gian nên GV có thể giao về nhà cho HS.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

(1) HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ, trao đổi với các bạn trong nhóm, thư kí ghi lại kết quả thảo luận.

(2) HS thực hiện ở nhà sau tiết đọc hiểu.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) GV mời thư kí các nhóm đọc to phần nội dung đã thống nhất sau thảo luận. Phần tóm tắt này của thư kí cần nêu rõ: bao nhiêu thành viên ủng hộ, bao nhiêu thành viên phản đối cách ứng xử của nhân vật Giang; các lí lẽ chính của việc ủng hộ/ phản đối; thống nhất chung của cả nhóm về tình huống ứng xử của nhân vật Giang.

(2) HS sau khi hoàn thành bài tập có thể chia sẻ trong nhóm Zalo chung của lớp hay trong thư mục tài liệu online, hoặc chia sẻ trong giờ ôn tập bài 8.

*** Kết luận, nhận định:** Hướng dẫn HS kết luận về tình huống ứng xử và hướng dẫn chung về bài tập sáng tạo (làm ở nhà).

(1) Ở bài tập này, HS chỉ cần đưa ra được các lí lẽ hợp lí để bảo vệ cho việc ủng hộ/ phản đối ứng xử của nhân vật Giang.

– Nếu ủng hộ việc Giang bịa ra tên Hùng để giới thiệu nhân vật tôi với bố và mượn xe đạp của bố để chở tôi về đơn vị, HS có thể nêu các lí lẽ sau:

- + Nói dối bố, bịa ra một cái tên để bố không làm khó nhân vật tôi.
- + Nói dối bố vì khi đó tôi rất run, không biết phản ứng thế nào.
- + Mượn xe bố để đưa tôi về đơn vị vừa tránh việc trễ giờ điểm danh, vừa để có thêm thời gian trò chuyện với tôi.
- + Nếu không có chặng đường đưa tôi về đơn vị, sẽ không có kỉ niệm đẹp và những rung động đầu đời lưu lại trong kí ức Giang và tôi.

– Nếu phản đối việc Giang bịa ra tên Hùng để giới thiệu nhân vật tôi với bố và mượn xe đạp của bố để chở tôi về đơn vị, HS có thể nêu các lí lẽ sau:

- + Nếu tôi là người xấu, thậm chí là lính trốn trại, Giang có thể gặp rắc rối từ việc quá tin người.
- + Nói dối bố mình, nhận một người mới quen làm bạn là thiếu trung thực.
- + Không nên vì một người bạn mới quen mà bắt bố đi bộ đến cuộc họp, mình lại lấy xe chở bạn về.

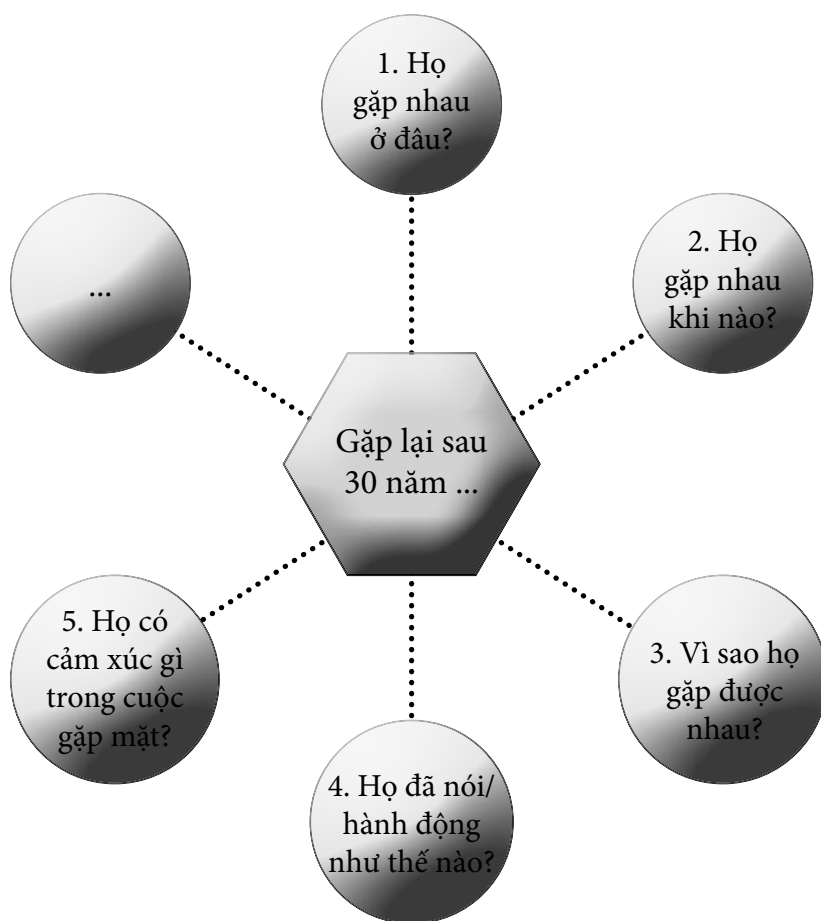
Lưu ý: HS lựa chọn phiếu ủng hộ/ phản đối đều được, miễn là HS có lí lẽ thuyết phục để bảo vệ ý kiến của mình.

(2) GV gợi ý HS thực hiện các bước sau khi hoàn thành bài tập sáng tạo ở nhà:

Bước 1: Đặt mình vào tâm trạng của tôi và Giang để hình dung về cuộc gặp lần 2 sau 30 năm.

Bước 2: Tưởng tượng và hình dung về: bối cảnh (không gian, thời gian), các sự việc, chi tiết trong cuộc gặp gỡ của tôi và Giang sau 30 năm.

Có thể đặt một số câu hỏi như sau:



Bước 3: Viết ra một cái kết mong muốn cho mối quan hệ của hai nhân vật và chọn một thông điệp để kết lại phần sáng tạo của mình (ví dụ: Nếu 2 nhân vật đến với nhau thì thông điệp có thể là “Những rung động đầu đời sâu sắc thôi thúc con người đi kiếm tìm tình yêu đã mất sau chiến tranh”).

Bước 4: Chọn 1 hình thức để sáng tạo (viết, vẽ tranh, vẽ truyện tranh, làm clip, thu âm đoạn audio kể chuyện,...).

Bước 5: Công bố, chia sẻ sản phẩm của mình trước lớp hoặc trong nhóm Zalo của lớp và ghi nhận phản hồi từ GV và các bạn. Sắp xếp phản hồi và chỉnh sửa theo 3 cột nội dung sau:

Phần tôi đã làm tốt	Phần tôi cần chỉnh sửa	Phương án chỉnh sửa

3. 4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc

a. Mục tiêu

- Tóm tắt được các đặc điểm của truyện bằng các từ/ cụm từ khoá.
- Từ các từ khoá tóm tắt đó, bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc truyện theo đặc trưng thể loại.

b. Sản phẩm

- PHT tóm tắt các yếu tố của truyện và kinh nghiệm đọc hiểu các yếu tố này.
- Câu trả lời cá nhân về kinh nghiệm đọc truyện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) Nhóm 2 HS tóm lược các đặc điểm của truyện trong mục *Tri thức Ngữ văn* vào cột số 2, sau đó, thảo luận và điền vào cột 3 trong bảng biểu sau:

Yếu tố	Truyện	Kinh nghiệm đọc
<i>Câu chuyện</i>		
<i>Thông điệp</i>		
<i>Tư tưởng</i>		
<i>Đặc điểm, tính cách nhân vật</i>		
<i>Người kể chuyện</i>		
<i>Điểm nhìn</i>		

(2) Các cặp chia sẻ lại trong nhóm 4 – 6 HS, nhóm thống nhất nội dung chính và ghi lại bài học kinh nghiệm trong việc đọc truyện.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ (1), nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ (2).

* **Báo cáo, thảo luận**

(1) Đại diện nhóm 2 HS báo cáo kết quả trong nhóm, các cặp khác bổ sung.

(2) Nhóm HS sau khi rút ra bài học kinh nghiệm, GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp theo quy tắc: Mỗi nhóm chia sẻ lại 1 ý/ 1 kinh nghiệm sau khi tổng hợp ý kiến của các thành viên theo vòng tròn hoặc theo số thứ tự nhóm, không chia sẻ lặp nội dung với các nhóm trước đó. Hết một lượt chia sẻ, các nhóm có thể nêu thêm bài học nếu vẫn còn các ý không trùng lặp.

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và hướng dẫn HS khắc sâu các bài học kinh nghiệm khi đọc thể loại truyện:

Yếu tố	Truyện	Kinh nghiệm đọc
<i>Câu chuyện</i>	Chuỗi sự việc, liên quan đến một/ một số người, có mở đầu – diễn biến – kết thúc.	– Xác định sự việc mở đầu – diễn biến – kết thúc. – Liệt kê các sự việc, con người liên quan và chọn ra sự việc/ chi tiết quan trọng.
<i>Thông điệp</i>	Điều mà tác giả gửi đến người đọc qua hình tượng nghệ thuật.	– Chú ý những đoạn văn tác giả trình bày trực tiếp điều nhắn gửi của mình (trữ tình ngoại đề). – Dựa vào chủ đề để xác định bài học mà tác giả muốn nhắn nhủ bạn đọc.
<i>Tư tưởng</i>	Nhận thức, quan điểm, thái độ, cách lí giải, khát vọng của tác giả.	Dựa vào các yếu tố: đề tài, chủ đề, nhân vật, điểm nhìn để xác định tư tưởng của tác giả.
<i>Đặc điểm, tính cách nhân vật</i>	Nét riêng giúp phân biệt với nhân vật khác.	– Liệt kê những nét riêng về ngoại hình, lời nói, hành động, tính cách, tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. – Chú ý đến thái độ, đánh giá của các nhân vật khác về nhân vật. – Chú ý sự thay đổi của nhân vật theo diễn biến câu chuyện.
<i>Người kể chuyện</i>	Vai được tác giả tạo ra, đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện.	– Xác định người kể chuyện trong tác phẩm là ai? – Giải thích được vì sao tác giả lại chọn một nhân vật làm người kể chuyện.
<i>Điểm nhìn</i>	Vị trí của người kể chuyện trong tương quan câu chuyện.	– Dựa vào người kể chuyện để xác định điểm nhìn. – Xác định được sự dịch chuyển, thay đổi, đa dạng của các điểm nhìn đối với một sự kiện/ nhân vật trong truyện.

– GV dẫn dò HS giữ bảng tóm tắt này cẩn thận trong hồ sơ HT cá nhân để phục vụ cho việc ôn tập giữa kì và cuối kì.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG: VĂN BẢN **XUÂN VỀ VÀ **BUỔI HỌC CUỐI CÙNG****

1. Hoạt động đọc kết nối chủ điểm văn bản **Xuân về**

a. Mục tiêu

- Nhận biết được một số thông tin chính của VB.
- Liên hệ, kết nối với VB *Đất rừng phương Nam*, *Giang* để hiểu hơn về chủ điểm *Đất nước và con người*.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước và con người Việt Nam.

b. Sản phẩm: Nội dung dự đoán về nội dung của VB; câu trả lời cho các câu 1, 2, 3 (SGK/ tr. 76).

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Trước khi đọc văn bản

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV cho HS nghe một đoạn của bài hát về mùa xuân (GV chọn bài hát tiếng Việt, ca từ có nhiều hình ảnh, chi tiết diễn tả không khí xuân về), yêu cầu HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi:

- Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình về ca từ và làn điệu của đoạn bài hát đó.
- Đọc tên VB và đọc lướt toàn bộ VB, hãy đoán xem VB này viết về nội dung gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS suy nghĩ, chia sẻ, thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

– GV khuyến khích HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ; tôn trọng những chia sẻ của HS, không đánh giá đúng/ sai.

– GV hướng dẫn các nhóm HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung. Lưu ý: Với câu hỏi dự đoán nội dung VB, GV khuyến khích HS đưa ra càng nhiều dự đoán càng tốt, không đánh giá tính chính xác của những dự đoán ở hoạt động này, miễn là HS lí giải được cơ sở để đưa ra được dự đoán.

Hoạt động 2: Đọc văn bản và suy ngẫm, phản hồi sau khi đọc

* **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 – 6 HS đọc VB, sau khi đọc trả lời các câu 1, 2, 3 (SGK/ tr. 77).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 4 – 6 HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trả lời lần lượt từng câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung, trao đổi (nếu có) theo từng câu hỏi.

* **Kết luận, nhận định:** GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo sau:

Câu 1: Mỗi một đoạn thơ là một bức hoạ mùa xuân ở làng quê Bắc Bộ Việt Nam, hình ảnh thơ đẹp, tuôn trào sức sống. Thực ra, đó là những cảnh bình thường của làng quê xưa vào mỗi dịp xuân về, nhưng dường như cảnh sắc quê hương thấm vào hồn thi sĩ nên nhà thơ cảm nhận được chất thơ, cái đẹp trong cuộc sống bình dị hằng ngày. GV hướng dẫn HS liệt kê một số hình ảnh gợi tả không khí “xuân về”: gió đông, màu má gái chưa chồng, con trẻ chạy xun xoe, giò quang, nắng mới hoe, lá nõn, ngành non, lúa thì con gái mượt như nhung, ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng, yếm đỏ, khăn thơm, trảy hội chùa,...

Câu 2: HS tự chọn một hình ảnh để phát biểu cảm nhận của mình. Lưu ý, GV không đánh giá đúng/ sai mà có thể gợi mở để HS liên tưởng, so sánh với hình ảnh mùa xuân ở quê hương mà HS đã trải nghiệm.

Gợi ý: Nhà thơ đã nắm bắt được khoảnh khắc bừng sáng của thiên nhiên, tạo vật khi xuân về. Hình ảnh “nắng mới hoe” gợi sắc nắng ánh hồng lấp lánh đánh thức những chồi non, khoác lên mình chúng một lớp “bạc”. Dường như, sự sống như đang cựa quậy, vươn mình thức dậy để rồi tác giả phải bàng khuâng “Lá nõn, ngành non ai trắng bạc?”. Vẫn là cây, lá, nhánh non nhưng qua đôi mắt tinh tú của thi nhân, thiên nhiên trở nên lung linh, kì thú, mới mẻ,...

Câu 3

Nhan đề: *Xuân về* gợi tả tiếng reo vui chào đón mùa xuân, xuân của đất trời, xuân của lòng người, xuân đậm dấu ấn văn hoá trên quê hương Bắc Bộ.

Hình ảnh gợi tả không khí “xuân về” mang đặc trưng của làng quê Bắc Bộ Việt Nam, xem câu 1 (SGK/ tr. 77)

Chủ đề: Những rung động và cảm xúc tinh tế của nhà thơ trước hình ảnh thiên nhiên, con người, đất trời đậm hồn quê của mùa xuân Bắc Bộ, cùng tình yêu quê hương đậm đà, da diết của nhà thơ.

Cảm hứng chủ đạo: niềm vui, say mê, gắn bó tha thiết với quê hương.

Câu hỏi 2, 3 là câu hỏi mở. GV lưu ý không áp đặt ý kiến của mình với HS, khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau, miễn là hợp lí và phải dựa trên VB.

2. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại văn bản *Buổi học cuối cùng*

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

b. Sản phẩm: Bảng đặc điểm của truyện qua VB *Buổi học cuối cùng*.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện ở nhà các nhiệm vụ HT sau:

(1) Đọc kĩ VB *Buổi học cuối cùng* trong SGK và trả lời câu 1 (SGK/ tr. 80).

(2) HS hoàn thành bảng tìm hiểu các yếu tố của truyện ở câu 2, 3 (SGK/ tr. 80).

Các yếu tố của truyện	Thể hiện của các yếu tố ấy qua văn bản <i>Buổi học cuối cùng</i>
<i>Câu chuyện</i>	
<i>Đề tài</i>	
<i>Chủ đề</i>	
<i>Thông điệp</i>	
<i>Người kể chuyện</i>	
<i>Điểm nhìn và vai trò</i>	

(3) HS hoàn thành bảng sau để tìm hiểu nhân vật Ha-men được thể hiện qua VB, câu 4 (SGK/ tr. 80):

Nhân vật Ha-men		Biểu hiện trong VB <i>Buổi học cuối cùng</i>
<i>Bối cảnh</i>		
<i>Thái độ</i>	<i>Đối với HS</i>	
	<i>Đối với cha mẹ HS</i>	
	<i>Đối với chính mình</i>	
	<i>Đối với việc học tiếng Pháp</i>	
<i>Hành động, cử chỉ</i>		

(4) **Câu 5** (SGK/ tr. 80)

* **Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT tại lớp (có thể thực hiện ở tiết ôn tập hoặc ở tiết học sau buổi giao nhiệm vụ cho HS về nhà, lưu ý cần cân nhắc đủ thời gian để HS thực hiện nhiệm vụ đọc mở rộng theo thể loại trước buổi báo cáo kết quả đọc).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

3. Hoạt động đọc mở rộng theo thể loại

a. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

b. Sản phẩm: Bài trình bày dưới dạng VB (có thể kèm hình ảnh minh họa) về một VB truyện trên bản tin HT của lớp.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm HS về nhà thực hiện nhiệm vụ sau:

– Tìm một VB truyện để giới thiệu với các bạn trong lớp theo gợi ý sau:

Họ tên:	Lớp:
PHIẾU NHẬT KÍ ĐỌC SÁCH	
NHAN ĐỀ	
Tác giả:	
CÂU CHUYỆN	NHÂN VẬT
Mở đầu	Hãy tự hỏi:
Diễn biến	+ Truyện có bao nhiêu nhân vật?
Kết thúc	+ Mối quan hệ của các nhân vật.
	+ Đặc điểm tính cách của nhân vật chính?
NGƯỜI KỂ CHUYỆN	Ý KIẾN CỦA TÔI
Hãy tự hỏi:	Hãy tự hỏi:
+ Người kể chuyện là ai?	+ Bạn thích nhân vật nào, không thích nhân vật nào? Tại sao?
+ Kể ở ngôi thứ mấy?	+ Phần nào của câu chuyện là hay nhất?
+ Câu chuyện được kể qua điểm nhìn của ai?	+ Mọi người có nên đọc truyện này không? Vì sao?

– Trình bày VB ấy trên góc bản tin học tập của lớp hoặc gửi trên Padlet của lớp.

Gợi ý:

– HS có thể sáng tạo trong cách trình bày phiếu nhật kí đọc sách (dưới dạng VB viết tay trên giấy A4 hoặc dạng Infographic trên máy tính), có thể kèm hình ảnh minh hoạ, trang trí (nếu có) để tạo sự chú ý của người đọc.

– GV có thể hướng dẫn HS tìm trong thư viện trường hoặc tủ sách của lớp (nếu có).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm HS thực hiện các nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm trưng bày VB truyện của nhóm lên bản tin học tập của lớp kèm theo nội dung trả lời ngắn. Các nhóm đọc chéo sản phẩm của nhau và bình chọn truyện hay nhất.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ HT của HS, ghi nhận điểm thưởng cho nhóm HS có sản phẩm được bình chọn hay nhất.

4. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại

a. Mục tiêu: Báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại tại lớp.

b. Sản phẩm: Phần trình bày kết quả đọc của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm đôi, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung, nếu có.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc VB truyện của HS, sau đó gợi ý câu trả lời:

Câu 1: Có thể tóm tắt theo nhiều cách. Sau đây là gợi ý tóm tắt truyện theo nhân vật.

Chuyện kể về buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở vùng An-dát qua lời kể của cậu học trò Phrăng. Cậu bé Phrăng đến lớp hơi muộn và ngạc nhiên, choáng váng khi nghe thầy Ha-men nói đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng. Cậu thấy tiếc nuối và ân hận

vì bấy lâu nay đã bỏ phí thời gian, đã trốn học đi chơi. Trong buổi học cuối cùng, thầy Ha-men đã nói những điều sâu sắc về tiếng Pháp, đã giảng bài say sưa cho đến khi đồng hồ điểm 12 giờ. Kết thúc buổi học, thầy nghẹn ngào không nói nên lời, thầy cố viết thật to lên bảng: “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”.

Câu 2, 3: Tìm hiểu các yếu tố của truyện.

Các yếu tố của truyện	Biểu hiện trong văn bản <i>Buổi học cuối cùng</i>
<i>Nhan đề và ý nghĩa nhan đề</i>	– Buổi học cuối cùng. – Thể hiện nội dung chính của tác phẩm: Đây là buổi dạy và học cuối được học tiếng mẹ đẻ của những người thầy yêu nước và những học sinh Pháp ở A-dát.
<i>Đề tài</i>	Buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở vùng An-dát bị quân Phổ chiếm đóng.
<i>Chủ đề</i>	Khắc hoạ tình yêu quê hương đất nước của người dân An-dát, ca ngợi tâm huyết của người thầy đã truyền tình yêu đất nước, lòng tự hào dân tộc cho các em HS.
<i>Thông điệp</i>	Phải biết giữ gìn và yêu quý tiếng mẹ đẻ, đó là một phương diện quan trọng của lòng yêu nước. Khi đất nước rơi vào vòng nô lệ, tiếng nói của dân tộc là phương tiện quan trọng để đấu tranh giành độc lập, tự do.
<i>Người kể chuyện</i>	Nhân vật Phrăng, thuộc ngôi thứ nhất.
<i>Điểm nhìn và vai trò</i>	– Nhân vật Phrăng. – Nhân vật chú bé Phrăng vừa làm người kể chuyện lại vừa là một nhân vật tham gia vào câu chuyện. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi để nhân vật biểu hiện tâm trạng, ý nghĩ một cách chân thành và sâu sắc nhất, vừa góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Câu 4:

Nhân vật Ha-men		
Thái độ	Đối với HS	+ Giọng dịu dàng và trang trọng. + Các con ơi, đây là buổi học cuối cùng thầy dạy các con. + Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu,... đáng tự chê trách + Kiên nhẫn giảng giải. → Dịu dàng, trang trọng, ấm áp, đầy xúc động ngay cả khi trách nhẹ thái độ thờ ơ với việc học tiếng mẹ đẻ của HS.
	Đối với cha mẹ HS	+ Cha mẹ các con không thiết tha lắm với việc các con có học thức... → Trách móc.
	Đối với chính mình	+ Thầy đã chẳng sai các con tưới vườn thay vì học hành đó sao? + Khi thầy muốn đi câu cá hương, thầy có ngại ngừng cho các con nghỉ học đâu. → Tự trách mình.
	Đối với việc học tiếng Pháp	+ Ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất. + Giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù... → Tình yêu tiếng Pháp, khẳng định tiếng nói của một dân tộc có sức mạnh tinh thần to lớn, góp phần quyết định số phận, vận mệnh của dân tộc.
Hành động, cử chỉ		+ Cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài đọc cho chúng tôi. + Chuẩn bị những tờ mẫu mới tinh, viết bảng “chữ rông” thật đẹp: Pháp, An-dát. + Đứng lặng im, đắm đắm nhìn. + Cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, viết thật to: “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”. + Đứng, đầu dựa vào tường, giơ tay ra hiệu. → Tình yêu ngôn ngữ dân tộc mãnh liệt, tình yêu tổ quốc sâu nặng.

Câu 5: Đây là câu hỏi mở, GV không áp đặt câu trả lời.

DẠY TIẾNG VIỆT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT
BIỆN PHÁP TU TỪ CHÊM XEN, BIỆN PHÁP TU TỪ LIỆT KÊ
Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

– Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê để đọc hiểu và viết VB.

2. Năng lực chung

NL giao tiếp, hợp tác: thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm đôi ở hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn* và nhóm ở hoạt động *Luyện tập*.

II. KIẾN THỨC

Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV.

– Thẻ thông tin.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

– Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV yêu cầu làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi vào thẻ thông tin:

THẺ THÔNG TIN

Kể tên các biện pháp tu từ em đã học?

.....
.....

(2) Đọc lướt phần **Tri thức Ngữ văn** (SGK/ tr. 60, 61) và **Thực hành tiếng Việt** (SGK/ tr. 77) để xác định nhiệm vụ HT.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

- Trước tiên, cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1).
- Sau khi báo cáo, nghe kết luận về nhiệm vụ (1), cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

- (1) 1 – 2 HS trình bày thông tin trong thẻ. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).
- (2) 1 – 2 HS trình bày nhiệm vụ học tập cần thực hiện của bài học.

*** Kết luận, nhận định**

- (1) GV ghi nhận những nội dung HS đã biết về biện pháp tu từ.
- (2) GV nhận xét câu trả lời của HS; Giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI VÀ LUYỆN TẬP

1. Hoạt động hình thành kiến thức biện pháp tu từ chêm xen và luyện tập

1.1. Hoạt động tìm hiểu nội dung Tri thức Ngữ văn về biện pháp tu từ chêm xen

a. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen.
- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen để đọc hiểu và viết VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ học tập.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi quan sát ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).

(Giang Nam)

- Xác định vị trí và vai trò ngữ pháp của cụm in đậm trong ngữ liệu trên?
- Tìm dấu câu tách biệt bộ phận đó.
- Nêu tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu thị tình cảm, cảm xúc?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày. Các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

GV nhận xét câu trả lời của HS; trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra kết luận về khái niệm, dấu hiệu nhận biết của phép tu từ chêm xen, xem *Tri thức Ngữ văn* (SGK/ tr. 60).

1.2 Hoạt động luyện tập về biện pháp tu từ chêm xen

a. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen.
- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen để đọc hiểu và viết VB.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời câu 1 (SGK/ tr. 77).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Làm việc theo nhóm 4 – 6 HS để trả lời câu 1 (SGK/ tr. 77).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS làm việc nhóm, trả lời câu 1 trên giấy A1.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét nội dung trả lời câu 1 của HS theo các định hướng tham khảo như sau:

a. (*Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao*): bộc lộ cảm xúc hồn nhiên, trong sáng trước trò đùa tuổi học trò; lời thơ trở nên giàu ý nghĩa và có tính thẩm mỹ.

b. *Cái thứ thuốc dẻo quánh... đã thấy dạo trước*: bổ sung thông tin về màu sắc, tính chất của cục a nguyền.

c. *Một gập gờ vắn vơ,... xoá nhoà*; bổ sung thông tin, bộc lộ cảm xúc thâm lặng, rung động thoáng qua của nhân vật tôi.

GV lưu ý HS dấu hiệu nhận biết biện pháp tu từ chêm xen: tùy theo từng câu mà thành phần chêm xen được phân biệt bằng dấu phẩy, dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức biện pháp tu từ liệt kê và luyện tập

2.1. Hoạt động tìm hiểu nội dung *Tri thức Ngữ văn* về biện pháp tu từ liệt kê

a. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.
- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ liệt kê để đọc hiểu và viết VB.

b. Sản phẩm: Câu hỏi của HS về nội dung tri thức Ngữ văn liên quan đến biện pháp tu từ liệt kê.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS Đọc nội dung *Tri thức Ngữ văn* (SGK/ tr. 61) và chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

– Liệt kê là biện pháp sắp xếp các từ, cụm từ...(1)... để diễn tả những...(2)... đồng thời tạo ấn tượng mạnh về ...(3)... cho người đọc.

Xét về cấu tạo, có kiểu liệt kê ...(4)... và kiểu liệt kê ...(5)...

Xét về ý nghĩa, có thể phân biệt ...(6)... và ...(7)...

– Nêu ít nhất một câu hỏi cần được giải đáp về dấu hiệu nhận biết, tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Một số HS trình bày câu hỏi. Lưu ý: GV cố gắng mời nhiều HS để có thể phát hiện thêm câu hỏi khác nhau từ HS.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, giải đáp những câu hỏi của HS. Trên cơ sở đó, hướng dẫn HS kết luận một số vấn đề về khái niệm, dấu hiệu nhận biết, tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê, xem *Tri thức Ngữ văn* (SGK/ tr. 61).

2.2 Hoạt động luyện tập về biện pháp tu từ liệt kê

a. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.
- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ liệt kê để đọc hiểu và viết VB.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời các câu 2, 3 (SGK/ tr. 77).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu cá nhân HS làm câu 2, 3 (SGK/ tr. 77).

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 HS trình bày lần lượt kết quả làm câu 2, 3 (SGK/ tr. 77).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét nội dung trả lời các câu của HS theo định hướng tham khảo sau:

Câu 2 (SGK/ tr. 77): Làm rõ tác dụng của biện pháp liệt kê trong việc cung cấp thông tin; thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết khi cung cấp thông tin đó.

Câu 3 (SGK/ tr. 77): Xét về ý nghĩa: khi thay đổi trật tự → phá vỡ mạch lô-gíc và dụng ý của người viết.

GV lưu ý HS khi sử dụng biện pháp tu từ liệt kê cần phân biệt các kiểu liệt kê để diễn đạt một cách lô-gíc, có hệ thống.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Hoạt động Viết ngắn

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê để viết đoạn văn trong một tình huống giao tiếp thực tế.

b. Sản phẩm: Đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

– GV giao nhiệm vụ thực hiện ở nhà cho cá nhân HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) kể ấn tượng của bạn về một vùng đất/ nhân vật trong tác phẩm văn học. Trong đoạn văn đó có sử dụng biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

– GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo các bước sau:

- + Đọc kĩ nhiệm vụ HT, xác định yêu cầu về nội dung và hình thức của bài viết.
- + Xác định đề tài cho đoạn văn dựa trên một số câu hỏi gợi ý sau: Xác định tên vùng đất/ nhân vật? Ấn tượng về vẻ đẹp thiên nhiên, con người, cuộc sống sinh hoạt,.../ vẻ đẹp của nhân vật (hành động, lời nói, cách ứng xử,...).

+ Viết đoạn văn → Đọc lại → Chỉnh sửa.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:** HS trình bày sản phẩm viết ngắn và GV nhận xét, đánh giá vào tiết ôn tập.

2. Hoạt động khái quát nội dung bài học

a. Mục tiêu

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê và đoạn văn vào thực tế giao tiếp (đọc hiểu và viết VB).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu nhóm đôi HS trả lời câu hỏi: Em rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng hiểu biết về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê trong khi đọc và viết VB?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm HS khác nghe, nhận xét.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét sản phẩm học tập của HS; trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý tham khảo sau:

– Khi đọc, HS chú ý dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê:

Biện pháp tu từ	Dấu hiệu nhận biết
<i>Chêm xen</i>	Đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.
<i>Liệt kê</i>	Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu.

Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê hỗ trợ tốt cho quá trình đọc suy luận, nắm bắt được thông tin một cách chính xác, hiểu được cảm xúc được thể hiện trong VB.

– Khi viết:

+ Muốn bổ sung thông tin cần thiết hoặc bộc lộ cảm xúc của cá nhân → dùng biện pháp tu từ chêm xen.

+ Muốn diễn tả những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng, tình cảm; tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và cảm xúc cho người đọc → dùng biện pháp tu từ liệt kê.

DẠY VIẾT

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT

*VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG
VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH*

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

1.2. Năng lực chung

- Giao tiếp, hợp tác: Biết phản hồi thích hợp đối với bài viết của bạn.
- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng những giá trị nhân văn chứa đựng trong các tác phẩm tự sự/ kịch.

II. KIẾN THỨC

- Kiểu bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: định nghĩa và yêu cầu đối với kiểu bài, đặc điểm của kiểu bài.
- Cách xác định, phân tích, đánh giá giá trị nội dung và hình thức của một tác phẩm tự sự/ kịch.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy chiếu (nếu có), giấy A0, bút lông, SGK, SGV, PHT, bảng kiểm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* trong SGK, tên đề mục, phần kiểu bài và yêu cầu đối với kiểu bài. GV đặt cho HS câu hỏi: Dựa vào tri thức về kiểu bài và tên đề mục phân kỹ năng viết, các em hãy cho biết: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời về nhiệm vụ học tập đã thực hiện.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Ở bài học này, HS cần học cách viết VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết

a. Mục tiêu: Nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm đôi về câu hỏi: Trong cuộc sống, khi bạn đọc một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch gây ấn tượng mạnh mẽ đối với bạn, bạn có thể làm gì để lưu lại những suy nghĩ, bài học, ấn tượng về tác phẩm ấy?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV bổ sung câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chốt ý: có nhiều cách để lưu lại một tác phẩm tự sự/ kịch gây ấn tượng mạnh mẽ với bản thân như:

– Lập hồ sơ, nhật kí đọc cho tác phẩm.

– Quay video giới thiệu về tác phẩm.

– Chia sẻ lên một nhóm học tập để các thành viên cùng thảo luận về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

– Viết một VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

– ...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài

1.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tích hợp đọc với viết, kích hoạt kiến thức nền của HS về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật trong các tác phẩm truyện (thông qua các VB đã học ở phần đọc).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức phần đọc cho HS: Nếu được chọn một tác phẩm tự sự/ kịch/ tuồng/ chèo đã học ở các bài số 1, 2, 5, 8 bạn sẽ chọn tác phẩm nào? Liệt kê những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật khiến bạn ấn tượng về tác phẩm ấy?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thảo luận theo cặp.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1, 2 nhóm trả lời, các nhóm khác bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

1.2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

a. Mục tiêu: Nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về kiểu bài, yêu cầu đối với VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc Tri thức về kiểu bài trong SGK và trả lời câu hỏi:

(1) Bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch là kiểu bài thể nào?

(2) Khi viết bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự/ kịch cần chú ý đến những yêu cầu gì về việc phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại, về bố cục bài văn?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc SGK, nhận biết thông tin và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận**

Hai HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

GV bổ sung ý kiến của HS, nhấn mạnh hướng dẫn HS chốt ý:

(1) Bài văn phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự/ kịch thuộc thể văn nghị luận: Nghị luận về một truyện/ kịch. Kiểu bài này yêu cầu người viết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng rõ giá trị nội dung, đặc sắc hình thức nghệ thuật của tác phẩm tự sự/ kịch; Đồng thời, nêu được ý kiến, đánh giá cá nhân về giá trị tác phẩm.

(2) Yêu cầu đối với kiểu bài: Tóm lược các ý đã nêu (SGK/ tr. 81).

2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc VB mẫu và hoàn thành PHT theo nhóm như sau:

Yếu tố của VB	Câu hỏi thảo luận	Câu trả lời
<i>Bố cục</i>	VB trên là bài viết hoàn chỉnh hay trích đoạn? Dựa vào đâu để đưa ra nhận định?	
<i>Luận điểm</i>	Luận điểm nào được tập trung phân tích, đánh giá?	
<i>Lí lẽ và bằng chứng</i>	Nêu một vài ví dụ về sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng.	
<i>Đánh giá của người viết</i>	Người viết có những nhận xét gì về tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm?	

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm 4, 5 HS.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, bổ sung ý kiến của HS, sau đó hướng dẫn HS các ý sau:

Yếu tố của VB	Câu hỏi thảo luận	Câu trả lời
<i>Bố cục</i>	VB trên là bài viết hoàn chỉnh hay trích đoạn? Dựa vào đâu để đưa ra nhận định?	– VB trên là đoạn trích từ một bài nghị luận về một tác phẩm truyện. – Cơ sở để nhận biết đoạn trích: + Nhan đề VB do nhóm biên soạn đặt dựa trên luận điểm chính mà tác giả triển khai trong đoạn trích. + Phần đầu và cuối VB được lược bớt, thể hiện qua kí hiệu [...].
<i>Luận điểm</i>	Luận điểm nào được tập trung phân tích, đánh giá?	Lời kể xen kẽ thực tế và mộng tưởng trong truyện <i>Cô bé bán diêm</i> của Andersen.
<i>Lí lẽ và bằng chứng</i>	Nêu một vài ví dụ về sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng.	– Người viết kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng theo một mạch lập luận lô-gíc: nhận định khái quát về lời kể đan xen thực tế và mộng tưởng [1], đưa ra số liệu khảo sát các lần tác giả sử dụng lời kể đan xen [2a], phân tích sự lẩn át của mộng tưởng so với thực tế trong lời kể [2b]. – Phần có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng là phần [2b].
<i>Đánh giá của người viết</i>	Người viết có những nhận xét gì về tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm?	– Tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm: đưa người đọc xâm nhập vào thế giới mộng tưởng của nhân vật.

Lưu ý: GV có thể chiếu VB mẫu lên màn hình để cả lớp cùng quan sát và nhận diện trên màn hình.

3. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết

3.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền cho HS về quy trình viết.

b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS trả lời hai câu hỏi: Kể tên bốn bước trong quy trình viết một VB; Ở từng bước, chúng ta cần thực hiện những thao tác nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt ý.

3.2. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

a. Mục tiêu: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm.

b. Sản phẩm: Sơ đồ quy trình tạo lập VB.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc lướt 4 bước tạo lập VB (SGK/ tr. 90, 91) và điền vào bảng biểu sau:

Các bước trong quy trình viết	Tác dụng

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thảo luận nhóm 4, 5 HS (có thể trình bày trên giấy A0).

* **Báo cáo, thảo luận:** 1, 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** Bổ sung ý kiến của HS và chốt các ý về ác dụng của từng bước:

Bước 1: xác định đề tài và thu thập tư liệu để viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch; Bước 2: giúp người viết tìm ý và lập dàn ý để hình thành nội dung chính của VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch; Bước 3: triển khai các ý được đầy đủ dựa trên dàn ý; Bước 4: kiểm soát lại bài văn đã viết, chỉnh sửa diễn đạt và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH

1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết

1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài

a. Mục tiêu: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Yêu cầu đọc đề 1 và đề 2 trong SGK, sau đó, thực hiện các nhiệm vụ:

- Bạn sẽ chọn viết đề nào? Yêu cầu của mỗi đề bài là gì?
- Với đề bài bạn chọn, bạn sẽ viết bài văn cho ai đọc, nhằm mục đích gì?
- Với đối tượng và mục đích ấy, bạn dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS tìm câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét.

1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết

a. Mục tiêu: Biết các thao tác tìm ý, lập dàn ý cho bài viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các thao tác tìm ý, lập dàn ý mà GV làm mẫu.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Quan sát cách GV tìm ý, lập dàn ý hoàn thành PHT sau đây:

Quá trình làm mẫu tìm ý	Quá trình làm mẫu lập dàn ý	Bài học em rút ra
.....		
.....		

Tiến trình làm mẫu của GV như sau: chọn một truyện hoặc một trích đoạn kịch mà mình đã đọc và làm mẫu bước tìm ý, lập dàn ý cho bài viết bằng cách *nói to những suy nghĩ* của mình, đồng thời đồng thời viết những suy nghĩ đó lên bảng đen, bảng phụ hoặc gõ trực tiếp lên file word (trong trường hợp phòng học có máy chiếu) giúp HS có thể “quan sát” được những câu hỏi, quá trình tư duy lô-gíc để xác định – lựa chọn luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,... mà một người viết thường thực hiện trong quá trình tạo lập VB. Trong quá trình làm mẫu, GV có thể nói những câu như:

Trước khi các bạn học cách viết bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm tự sự hoặc kịch, thầy/ cô sẽ làm mẫu cách tìm ý, lập dàn ý, các em hãy quan sát cách thầy/ cô làm để rút ra cách tìm ý, lập dàn ý cho kiểu bài này.

– Trước hết, chúng ta phải lựa chọn truyện/ kịch mà chúng ta muốn viết bài phân tích, đánh giá. Theo thầy/ cô, đó nên là tác phẩm mà chúng ta yêu thích, ấn tượng cũng là tác phẩm có chiều sâu về nội dung tư tưởng và có nhiều sáng tạo độc đáo trong hình thức nghệ thuật, thì chúng ta mới có cơ hội để đào sâu phân tích... Trong vốn liếng tác phẩm yêu thích của mình, thầy/ cô nhớ ngay đến một số truyện/ kịch sau đây (viết tên một số tác phẩm truyện/ kịch lên bảng. GV nên chọn những tác phẩm mà HS đã học trước đó để HS dễ dàng nắm bắt quá trình tìm ý, lập dàn ý của GV).

– Trong những tác phẩm vừa liệt kê, thầy/ cô thấy mình nên chọn truyện ngắn... vì nội dung truyện nhân văn, tư tưởng có chiều sâu, tác giả có một số thành công nhất định trong việc lựa chọn điểm nhìn, lựa chọn ngôi kể và xây dựng nhân vật ấn tượng.

– Trước hết, thầy cô liệt kê những luận điểm liên quan đến nội dung truyện:

+ Chủ đề của truyện là...

+ Các khía cạnh biểu hiện chủ đề của truyện là...

(Gạch đầu dòng các luận điểm/ lí lẽ lên bảng, diễn đạt dưới dạng cụm từ).

– Sau đó, thầy cô liệt kê hình thức nghệ thuật của truyện. Thầy/ cô nghĩ là mình chỉ nên tập trung vào những điểm đặc sắc nhất. Với truyện này, theo thầy/ cô, có 3 điểm nổi bật nhất trong sáng tạo nghệ thuật:

+ Một là về xây dựng nhân vật...

+ Hai là về việc chọn ngôi kể, điểm nhìn...

+ Ba là về giọng kể, lời kể...

+ Bốn là về ngôn ngữ kể chuyện...

– Giờ thì thầy/ cô sắp xếp các luận điểm/ lí lẽ trên thành một dàn ý (ghi dàn ý lên bảng):

+ Thân bài: Đề nêu ý kiến, đánh giá về truyện này, cô sẽ viết...

+ Thân bài gồm các ý...

+ Kết bài: Thông điệp cô nhận được từ tác phẩm này là...

– Dàn ý này đã hợp lí chưa nhỉ, có nên bỏ bớt lí lẽ này không? Chọn 4 lí lẽ cho phần đặc sắc nghệ thuật có quá nhiều không nhỉ, có thể điều chỉnh mạch ghép các lí lẽ này không? Cô thấy ý 3 và 4 trong phần đặc sắc nghệ thuật có thể nhập thành ý ngôn ngữ và lời kể (đánh số các lí lẽ điều chỉnh hoặc được lược bỏ).

– Giờ thì thầy/ cô có thể viết bài dựa trên dàn ý này...

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Quan sát và ghi lại các bước mà GV thực hiện, sau đó thảo luận trong nhóm.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm HS trả lời, các nhóm khác bổ sung.

* **Đánh giá, nhận xét:** GV chốt lại cách tìm ý, lập dàn ý: (1) ghi nhớ lại chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện/ kịch; (2) liệt kê những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm truyện/ kịch; (3) sắp xếp, lựa chọn, đánh số thứ tự các ý; (4) đọc lại dàn ý, đối chiếu với yêu cầu của đề bài và điều chỉnh trình tự các ý (nếu cần).

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết tìm ý, lập dàn ý và viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

b. Sản phẩm: Phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:**

– HS về nhà điền vào phiếu tìm ý:

Phiếu ghi chép: Truyện/ kịch tôi chọn để phân tích

Tôi lựa chọn truyện/ kịch nào? Vì sao tôi lại lựa chọn tác phẩm đó?

.....

Chủ đề của truyện/ kịch? Các khía cạnh biểu hiện chủ đề?

.....

Những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện/ kịch?

.....

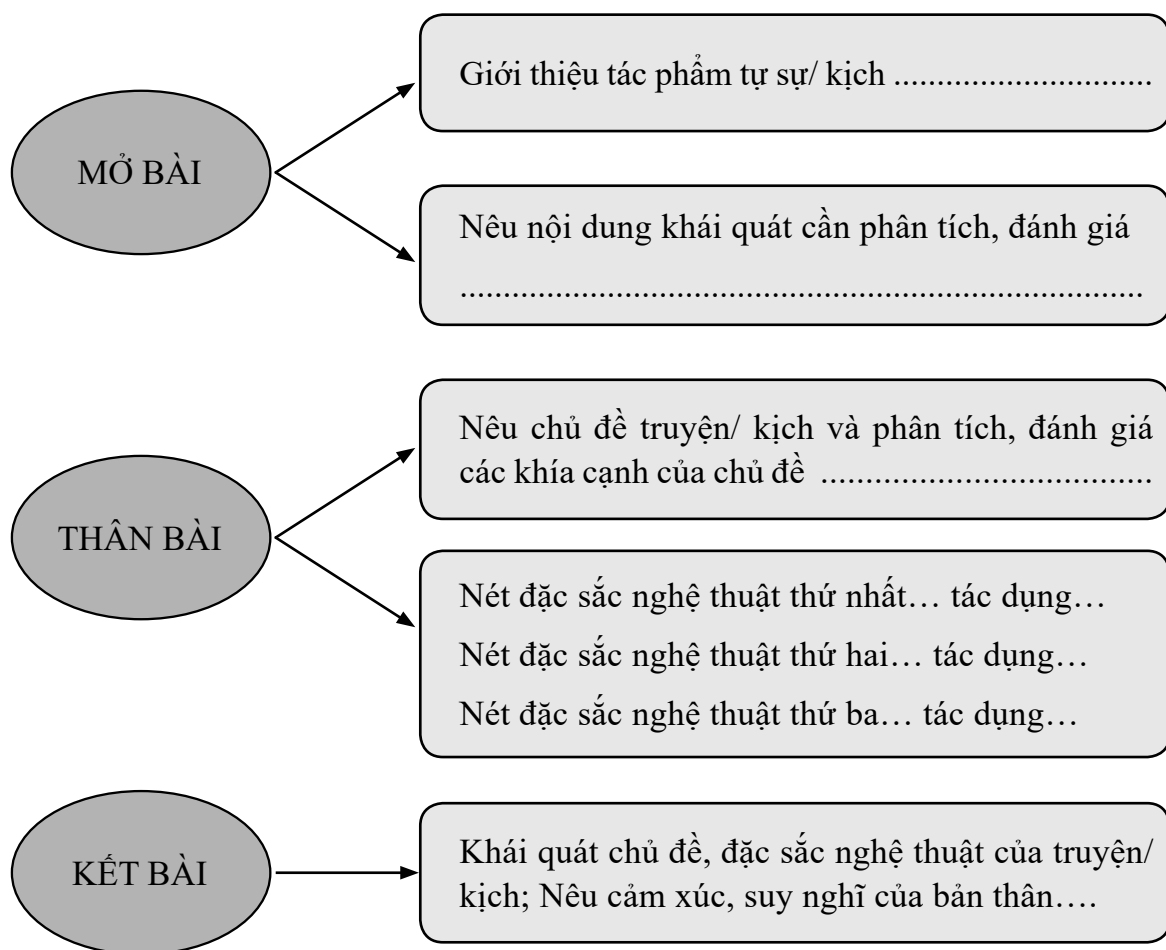
Đánh giá của tôi về tác dụng của những nét đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề truyện/ kịch?

.....

Tôi có những suy nghĩ, cảm nhận gì về tác phẩm truyện/ kịch này?

.....

– Dựa vào phiếu trên, HS lập dàn ý theo sơ đồ sau:



– Dựa trên dàn ý, viết bài.

– Trong quá trình viết, dùng Bảng kiểm kĩ năng viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch để tự điều chỉnh bài viết.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

* **Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 85, 86).

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa

a. Mục tiêu: Biết cách xem lại và chỉnh sửa VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật một tác phẩm tự sự/ kịch của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

b. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Nhóm 2 HS trao đổi VB nghị luận cho nhau để đọc bài của bạn.

(2) Mời 1 HS đọc VB nghị luận của mình trên lớp, các HS khác góp ý, trao đổi dựa vào bảng kiểm.

Hướng dẫn HS cách góp ý cho bạn bằng mẫu phiếu góp ý kiến sau:

Nội dung trao đổi về văn bản nghị luận	Tác dụng
<i>Điều bạn làm tốt</i>	
<i>Kinh nghiệm học hỏi từ bạn</i>	
<i>Điều còn băn khoăn</i>	
<i>Phần đề xuất bạn chỉnh sửa</i>	

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

– Trước tiên, cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau đó, HS thực hiện nhiệm vụ (2) với hình thức dạy học toàn lớp.

*** Báo cáo, thảo luận:** Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn (dựa vào bảng kiểm SGK).

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

(1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các VB nghị luận.

Lưu ý: Nhắc HS tránh các lỗi hay gặp dưới đây:

– Bố cục bài viết thiếu cân đối (mở bài sơ sài/ quá dài, kết luận sơ sài/ quá dài).

– Các lí lẽ trong VB không được ngắt đoạn, nội dung thiếu mạch lạc, giữa các đoạn văn không có từ/ cụm từ để kết nối.

– Sa vào kể lể, tóm tắt lại nội dung tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

– Không phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm tự sự/ kịch dựa trên đặc điểm thể loại (ví dụ: phân tích, đánh giá tác phẩm kịch nhưng không tập trung vào mâu thuẫn, xung đột, lời thoại, nhân vật, hành động,... vốn là những yếu tố đặc trưng của thể loại kịch).

– Độ dài VB không được đảm bảo: quá dài hoặc quá ngắn.

(2) Hướng dẫn HS sử dụng các nội dung trong bảng kiểm để hoàn thành phiếu góp ý cho VB nghị luận của bạn.

3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật một tác phẩm tự sự/ kịch.

b. Sản phẩm: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật một tác phẩm tự sự/ kịch.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** yêu cầu HS sử dụng kỹ thuật 3 – 2 – 1 để:

– Ghi lại 3 điều học được từ quá trình HS viết VB nghị luận.

– Ghi lại 2 điều HS học hỏi được từ VB nghị luận của các bạn.

– Ghi lại 1 hoạt động HS dự định sẽ thực hiện sau tiết học để nâng cao kỹ năng viết VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật một tác phẩm tự sự/ kịch.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi lại bài học kinh nghiệm.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết vận dụng quy trình viết VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật một tác phẩm tự sự/ kịch.

b. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của HS; phiếu bầu chọn tác phẩm tự sự/ kịch ấn tượng.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà thực hiện hai nhiệm vụ:

(1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.

(2) Chọn một tác phẩm tự sự/ kịch khác và viết một bản tóm tắt sơ lược về tác phẩm để giới thiệu với các bạn trong lớp và làm phong phú thêm “kho tài nguyên” của lớp học.

HS thực hiện nhiệm vụ (2) theo mẫu phiếu giới thiệu sau đây:

PHIẾU BẦU CHỌN

Tác phẩm truyện/kịch ấn tượng

TÊN TÁC PHẨM: _____

TÁC GIẢ: _____

TÊN HỌC SINH: _____

LỚP: _____

VÌ SAO BẠN LỰA CHỌN TÁC PHẨM NÀY?	NHÂN VẬT NÀO BẠN THẤY CÓ NHIỀU MỐI LIÊN QUAN ĐẾN BẠN? VÌ SAO?	BẠN THÍCH NHẤT PHẦN NÀO TRONG TÁC PHẨM? VÌ SAO?
PHƯƠNG PHÁP KỂ CHUYỆN NÀO ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG?	THÔNG ĐIỆP/BÀI HỌC CỦA TÁC PHẨM LÀ GÌ?	BẠN CÓ MUỐN GIỚI THIỆU TÁC PHẨM ĐẾN NGƯỜI KHÁC KHÔNG? VÌ SAO?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết và thực hiện “Phiếu bầu chọn tác phẩm tự sự/ kịch ấn tượng”. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp. HS gửi nội dung phiếu bầu chọn cho GV trên trang padlet, trong nhóm học tập của lớp hoặc email. GV tập hợp các phiếu bầu chọn và mời một số HS chia sẻ nội dung trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV, HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (bài viết trên blog cá nhân, trên trang web, trang Padlet ~~thì~~ có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách ~~comment~~, hoặc các nút cảm xúc...).

DAY NÓI VÀ NGHE

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

1.2. Năng lực chung

- NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực.
- NL tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Lắng nghe, tôn trọng nội dung chia sẻ của các bạn.

II. KIẾN THỨC

Cách giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu (nếu có), bảng phụ, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến kỹ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Xác định được (những) tình huống trong thực tế sử dụng kỹ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tác phẩm lựa chọn và những tình huống cần giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Các em đã hoàn thành xong bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự/ kịch, vậy nếu bài viết đó được giới thiệu lại bằng hình thức nói thì sẽ có gì khác với hình thức viết?

(2) Bài giới thiệu, đánh giá đó có thể được chia sẻ trong những tình huống nào?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Thực hiện nhiệm vụ theo cặp.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nghe, góp ý, bổ sung (nếu cần).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV nhận xét, tổng hợp các câu trả lời của HS về cách giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự/ kịch bằng hình thức nói.

(2) GV bổ sung câu trả lời của các nhóm về một số tình huống giới thiệu, đánh giá truyện/ kịch: trong sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách, trong chuyên đề học tập chia sẻ, mở rộng tri thức về truyện/ kịch, trong các dự án đọc sách, trong các diễn đàn trực tuyến có liên quan đến việc đọc – chia sẻ sách.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (SGK/ tr. 59), đọc lướt phần *giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* (SGK/ tr. 86 – 89) và trả lời câu hỏi:

– Phần *Nói và nghe* này có liên hệ gì với phần *Viết* em đã thực hiện trước đó?

– Ở phần *Nói và nghe* có nội dung *Giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch*, nhiệm vụ học tập cần thực hiện là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** Báo cáo, thảo luận:** 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận: (1) nhiệm vụ là thực hiện bài giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch; (2) nội dung bài nói sẽ được chuẩn bị dựa trên bài viết đã thực hiện.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

a. Mục tiêu: Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS chọn một tình huống thực hiện bài nói (như đã xác định ở hoạt động trên) hoặc dựa trên tình huống giả định do GV đặt ra ở hoạt động khởi động để xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói tương ứng với tình huống, dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau:

- Tình huống thực hiện bài nói mà em lựa chọn là gì?
- Mục đích bài nói của em là gì? Người nghe có thể là ai?
- Đề tài bài nói của em là gì?
- Em dự định nói ở đâu? Trong thời gian bao lâu?
- Với tình huống, mục đích, đối tượng nghe và đề tài như trên, nội dung bài nói của em là gì và cách trình bày như thế nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận về cách HS xác định mục đích, người nghe, thời gian và không gian nói trong bài viết.

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý

a. Mục tiêu: HS tìm ý và lập được dàn ý cho bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.

b. Sản phẩm: Dàn ý của bài nói (dưới dạng danh mục các nội dung hoặc sơ đồ); danh mục những phương tiện hỗ trợ cho bài nói.

c. Tổ chức hoạt động

*** *Giao nhiệm vụ HT***

(1) GV yêu cầu HS đọc phần hướng dẫn Bước 1: Chuẩn bị nói, phần Tìm ý, lập dàn ý (SGK/ tr. 87) và xác định những điểm cần lưu ý khi tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.

(2) GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết ở phần Viết đề:

- Chọn lọc những ý sẽ nói.
- Liệt kê các ý sẽ trình bày bằng cách gạch đầu dòng, diễn đạt bằng những từ/ cụm từ ngắn gọn trên những mảnh giấy ghi chép nhỏ (dạng giấy ghi chú).
- Trao đổi dàn ý với bạn trong nhóm để hoàn thiện.
- Dự kiến những phương tiện hỗ trợ (hình ảnh, vật dụng, tranh vẽ,...) liên quan đến nội dung bài nói.

*** *Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS đọc lại bài viết của mình và thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** *Báo cáo, thảo luận***

(1) HS ghi lại những lưu ý quan trọng về *Bước 1 (chuẩn bị nói): Tìm ý, lập dàn ý* của quy trình nói và nghe, nêu thắc mắc với GV (nếu có).

(2) Cá nhân HS trao đổi với nhau theo hình thức cặp đôi. GV hỗ trợ các nhóm HS thực hiện việc trao đổi, thảo luận.

*** *Kết luận, nhận định***

(1) GV trả lời thắc mắc của HS (nếu có).

(2) GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS qua quá trình quan sát HS làm việc; Tổng kết những điều HS đã làm được và những nội dung chưa thực hiện được ở hoạt động này.

3. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

a. Mục tiêu: Trình bày được cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

c. Tổ chức hoạt động

*** *Giao nhiệm vụ HT***

(1) Tổ chức trò chơi: Chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm lần lượt trong thời gian 30 giây nêu ít nhất một cách thức để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị; nhóm nào đến giây cuối cùng vẫn nêu được ý tưởng không trùng lặp với ý trước đó thì là nhóm thắng cuộc.

(2) Yêu cầu HS đọc phần hướng dẫn trong SGK: *Bước 2: Trình bày bài nói, Bước 3: Trao đổi và đánh giá* (SGK/ tr. 87 – 89) và trả lời các câu hỏi:

– Khi luyện tập và trình bày bài giới thiệu, đánh giá tác phẩm tự sự/ kịch của bản thân, em cần lưu ý điều gì?

– Khi trao đổi với người nghe, em cần lưu ý điều gì?

– Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá tác phẩm tự sự/ kịch (SGK/ tr. 88) và bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu, đánh giá tác phẩm tự sự/ kịch (SGK/ tr. 88 – 89) có thể được sử dụng như thế nào, nhằm mục đích gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm lớn.

* **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm lần lượt trình bày, GV ghi ý kiến của HS lên bảng.

* **Kết luận, nhận định:** GV liệt kê nhanh các ý tưởng của HS lên bảng phụ, chốt các ý dựa trên SGK.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu

– Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

– Đánh giá được bài nói, cách giới thiệu tác phẩm tự sự/ kịch của bạn.

– NL giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

– NL sáng tạo: So sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.

b. Sản phẩm: Bài giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

b. Sản phẩm: Bài nói của HS, câu hỏi trao đổi với bài nói của người khác, phản trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV tổ chức cuộc thi “*Người thuyết trình truyện/ kịch hay nhất*” và giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà:

– Trong vai trò người kể: HS tập luyện giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch sao cho hay nhất (thiết kế bài trình chiếu, sử dụng sơ đồ tư duy, tranh, ảnh minh họa, phần nhạc nền cho bài nói nếu thấy cần thiết).

– Trong vai trò người nghe: HS lắng nghe bài giới thiệu của bạn, chuẩn bị câu hỏi về nội dung, chủ đề tác phẩm truyện/ kịch được lựa chọn, về cách giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện/ kịch (dựa trên những gợi ý từ bảng kiểm).

(2) GV công bố tiêu chí đánh giá của cuộc thi (dựa vào bảng kiểm SGK) và giải thưởng. Để cuộc thi được hấp dẫn, có thể có nhiều hạng mục giải thưởng: Bài giới thiệu hay nhất, bài giới thiệu sáng tạo nhất, bài giới thiệu được khán giả bình chọn, câu hỏi hay nhất,...

***Thực hiện nhiệm vụ HT:** Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ (1), tự tập luyện và thiết kế bài giới thiệu, chuẩn bị đạo cụ, hình ảnh, nhạc nền ở nhà theo hướng dẫn.

***Báo cáo, thảo luận:** Tiến trình tổ chức như sau:

– Mời một HS làm MC dẫn chương trình.

– Trong vai trò người giới thiệu: Một số HS xung phong trình bày bài giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện/ kịch của mình.

– Trong vai trò người nghe: HS lắng nghe bài giới thiệu của bạn, chuẩn bị câu hỏi về nội dung tác phẩm truyện/ kịch, về cách giới thiệu, đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm đó.

– Tặng thưởng cho HS nào có cách kể được nhiều HS bình chọn.

***Kết luận, nhận định:** GV khen ngợi HS về khả năng giới thiệu, đánh giá sâu sắc, sáng tạo của HS về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện/ kịch; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình.

2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu

– Tự đánh giá phần giới thiệu, trình bày tác phẩm truyện/ kịch của mình trong nhóm.

– Nhận xét phần giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện/ kịch của các bạn trong đội, nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân

b. Sản phẩm: Phiếu tự đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

KINH NGHIỆM SAU KHI THẢO LUẬN NHÓM		
Nhận xét về bản thân	Điều học hỏi từ các bạn	Kinh nghiệm sâu sắc nhất

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** Để rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị cho bản thân khi thực hiện bài giới thiệu, trình bày tác phẩm truyện/ kịch, HS tự phản hồi việc tham gia của mình dựa trên hướng dẫn sau đây:

Ở cột thứ nhất, HS ghi lại những nhận xét về quá trình tham gia cùng các bạn bằng cách trả lời các câu hỏi như:

- Bạn có tích cực tham gia góp ý kiến xây dựng bài giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện/ kịch không?
- Bạn có lắng nghe các bạn với thái độ tôn trọng, tập trung không?
- Bạn có cùng các bạn tích cực đặt câu hỏi và tìm câu trả lời để làm rõ vấn đề cần giới thiệu, đánh giá về tác phẩm truyện/ kịch không?

Ở cột thứ hai, HS ghi lại tất cả những quan sát và nhận xét của HS liên quan đến thái độ, ý kiến, hoạt động của các bạn trong nhóm bằng cách trả lời một số câu hỏi như:

- Bạn tâm đắc với bài giới thiệu của bạn nào?
- Bài giới thiệu, đánh giá của bạn ấy có nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục không?

– Bạn học được những gì qua thái độ, hoạt động của các bạn trong nhóm?

Ở cột thứ ba, HS ghi lại những kinh nghiệm, bài học sâu sắc nhất HS tự rút ra cho bản thân mình thông qua quá trình tương tác với các bạn trong nhóm.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo, thảo luận:** GV tổ chức cho HS chia sẻ theo cặp với bạn bên cạnh, sau đó, GV mời 1, 2 HS đại diện chia sẻ trước lớp.

*** Kết luận, nhận định:** Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm về giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch: (1) bày tỏ được cảm xúc, suy nghĩ cá nhân về tác phẩm; (2) bám sát nội dung chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm truyện/ kịch; (3) giọng nói, tư thế, biểu cảm nét mặt quyết định tính hấp dẫn của phần giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch.

D. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực sáng tạo, sử dụng công nghệ thông tin để làm video clip giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch.

b. Sản phẩm: Đoạn video clip giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch dưới các hình thức:

– Cá nhân HS tự quay video clip để giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch.

– 2 HS quay clip cùng trao đổi về giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện/ kịch, mỗi bạn sẽ đưa ra ý kiến trên một góc nhìn bổ sung hoặc đối lập về tác phẩm biến đoạn clip thành một talk-show trao đổi về tác phẩm truyện/ kịch đó.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Làm một video clip trình bày nội dung, nghệ thuật một tác phẩm truyện/ kịch.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Dùng điện thoại di động quay video bản thân tự chia sẻ hoặc trao đổi, đối thoại với một bạn trong lớp.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS tải các clip lên nhóm Zalo hay Facebook của lớp để tất cả HS và GV đều có thể xem và bình luận.

ÔN TẬP
KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP
Thời gian thực hiện: 0.5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bảng, phấn/ viết lông.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

a. Mục tiêu

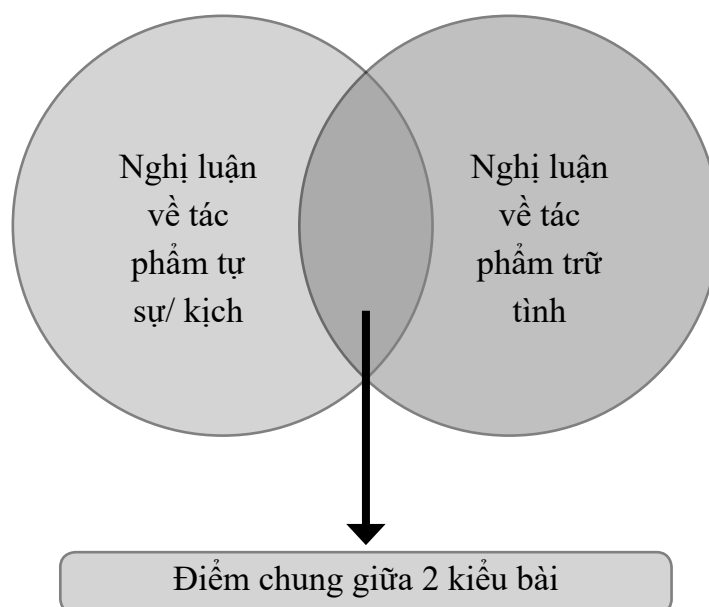
Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học trong bài để trả lời các câu hỏi ôn tập trong phần đọc, viết, nói và nghe (SGK/ tr. 89).

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Thực hiện 6 bài tập (SGK/ tr. 89) ở nhà.

Lưu ý: ở câu 4, GV thay hình thức câu trong SGK bằng sơ đồ Venn để HS so sánh 2 kiểu bài.



* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** Luân phiên báo cáo thảo luận theo nhóm, theo cặp và cá nhân HS.

* **Kết luận, nhận định:** GV tổ chức hoạt động và hướng dẫn HS kết luận theo các định hướng tham khảo như sau:

Câu 1, 2: GV có thể tổ chức cho HS bắt cặp để kiểm tra việc nắm lập bảng đối chiếu chủ đề, thông điệp, tư tưởng, điểm nhìn trần thuật trong các VB truyện của bài 8 và nêu nhận xét về một nhân vật trong các VB *Đất rừng phương Nam*, *Giang* mà HS chuẩn bị nội dung chính ở nhà.

Câu 3, 4, 5: GV tổ chức cho nhóm trưởng kiểm đếm bài làm của các thành viên về:

– Tác dụng của thành phần chêm xen và thành phần liệt kê trong đoạn văn mà HS đã viết ở mục *Từ đọc đến viết*.

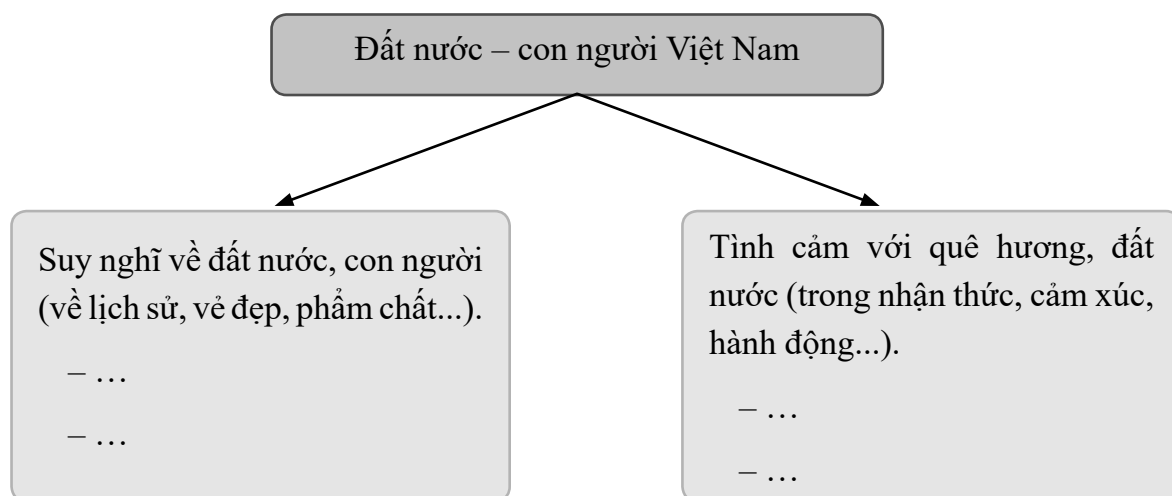
– Sơ đồ Venn so sánh kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự/kịch với nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình.

– Bài học kinh nghiệm trong việc trình bày bài giới thiệu, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.

Câu 6: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và chia sẻ trong nhóm suy nghĩ về đất nước, con người Việt Nam và tình cảm đối với quê hương, đất nước.

Gợi ý tổ chức hoạt động như sau:

– Bước 1: HS tự hoàn thành phiếu học tập theo mẫu gợi ý sau:



– Bước 2: Sau khi chia sẻ trong nhóm, cả nhóm cùng nhau chốt nội dung thảo luận.

– Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm trình bày, mỗi nhóm có thể trình bày một ý, không lặp lại ý mà nhóm trước đó đã nói.



KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 4 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

DẠY ĐỌC

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KỸ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

HỊCH TƯỚNG SĨ, *NAM QUỐC SƠN HÀ* – BÀI THƠ THẦN KHẮNG ĐỊNH

CHÂN LÍ ĐỘC LẬP CỦA ĐẤT NƯỚC

ĐẤT NƯỚC (Đọc kết nối chủ điểm)

TÔI CÓ MỘT GIÁC MƠ (Đọc mở rộng theo thể loại)

Thời gian thực hiện: 5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB; Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; Vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua VB và từ VB); Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

1.2. Năng lực chung

NL giao tiếp và hợp tác.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

II. KIẾN THỨC

– Mục đích và quan điểm của người viết trong VB nghị luận.

– Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

– Kỹ năng đọc VB nghị luận (nhận biết mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; Vai trò của các yếu tố biểu cảm; Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử văn hoá xã hội liên quan đến VB).

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và các mẫu PHT.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động giới thiệu chủ điểm

a. Mục tiêu: Nhận ra chủ điểm bài học và bước đầu nêu suy nghĩ về chủ điểm bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

c. Tổ chức hoạt động

* *Giao nhiệm vụ HT*

(1) HS xem clip phim tài liệu *Từ khát vọng “Độc lập – Tự do” đến “Xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*¹, ghi lại những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân khi xem video clip.

(2) Nhóm đôi trả lời câu hỏi: Độc lập – tự do có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi đất nước, mỗi dân tộc và mỗi cá nhân?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình sau khi xem video clip, sau đó, đại diện nhóm đôi trình bày suy nghĩ của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về nội dung chủ điểm, dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập

a. Mục tiêu: HS nhận biết nhiệm vụ HT.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT.

¹ Phim do đài Phát thanh và Truyền hình Thái Nguyên thực hiện, xem tại link: https://www.youtube.com/watch?v=Diox_RVJNFE

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV cho HS đọc tên chủ điểm, khung *Yêu cầu cần đạt*, quan sát các VB trong chủ điểm và trả lời câu hỏi:

- Chúng ta sẽ học điều gì khi đọc VB 1, VB 2 và VB đọc mở rộng theo thể loại?
- VB đọc kết nối chủ điểm có mối quan hệ như thế nào với 3 VB còn lại? Chúng ta đọc VB đọc kết nối chủ điểm để làm gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận:

– Thông qua việc đọc VB 1 (*Hịch tướng sĩ*), VB 2 (*Nam quốc sơn hà – Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước*), VB đọc mở rộng theo thể loại (*Tôi có một giấc mơ*), chúng ta sẽ học kĩ năng đọc VB nghị luận.

– Thông qua việc đọc VB đọc kết nối chủ điểm (*Đất nước*), trong mối liên hệ với VB 1 và VB 2 – VB đọc mở rộng theo thể loại, chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm *Khát vọng độc lập và tự do*.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động giới thiệu Tri thức Ngữ văn

1.1. Khởi động

a. Mục tiêu

– Kích hoạt kiến thức nền về văn nghị luận: Khái niệm, các yếu tố cơ bản của văn nghị luận.

– Kích hoạt kiến thức nền về bối cảnh lịch sử văn hoá xã hội và ý nghĩa của việc phân tích bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội khi đọc hiểu VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS đối với hoạt động bài tập nối cột.

c. Tổ chức hoạt động

**** Giao nhiệm vụ HT***

GV giao cho HS thực hiện:

(1) Theo hình thức nhóm đôi thực hiện bài tập nối cột sau:

Nối các từ ngữ ở cột A với nội dung tương ứng ở cột B:

Từ ngữ (A)	Định nghĩa (B)
1. Văn nghị luận	a. điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hoá xã hội liên quan đến VB, giúp cho việc hiểu VB sâu sắc hơn.
2. Luận điểm	b. những lí giải, lập luận của người viết về vấn đề cần bàn luận.
3. Lí lẽ	c. ý kiến, quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận.
4. Bằng chứng	d. những ví dụ từ thực tế như nhân vật, sự kiện, số liệu để làm sáng tỏ cho các lập luận.
5. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội	e. loại VB chủ yếu sử dụng lí lẽ và bằng chứng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một quan điểm, tư tưởng.

(2) Trả lời câu hỏi: Từ các khái niệm rút ra được qua nhiệm vụ (1), hãy trình bày các lưu ý khi đọc VB nghị luận.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) HS trao đổi câu trả lời với bạn cùng nhóm đôi, sau đó, chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

(2) Cá nhân HS trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định những kiến thức nền về VB nghị luận; Bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội trong VB nghị luận và kĩ năng đọc liên quan đến hai khái niệm này.

1.2. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết về mục đích và quan điểm của người viết trong VB nghị luận; Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các tri thức đọc hiểu.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** GV giao cho HS thực hiện nhiệm vụ HT:

(1) Mỗi HS đọc *Tri thức Ngữ văn* phần “Mục đích và quan điểm của người viết trong VB nghị luận”; “Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận” (SGK/ tr. 90), ghi lại những từ khoá, ý chính, câu hỏi về các tri thức này.

(2) Nhóm nhỏ (4 – 6 thành viên), dựa vào tri thức đọc hiểu, điền vào bảng sau:

Tiêu chí	Là gì?	Ý nghĩa đối với việc đọc VB nghị luận	Có thể xác định dựa vào
<i>Mục đích của VB nghị luận</i>			
<i>Quan điểm của người viết</i>			
<i>Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận</i>			

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) HS chia sẻ sản phẩm và nêu các câu hỏi (nếu có). Các thành viên khác trong lớp hỗ trợ nhận xét, bổ sung, giải đáp các câu hỏi.

(2) Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV hỗ trợ giải đáp các câu hỏi của HS (nếu có).

(2) GV kết luận, nhận định dựa vào bảng sau:

Tiêu chí	Là gì?	Ý nghĩa đối với việc đọc VB nghị luận	Có thể xác định dựa vào
<i>Mục đích của VB nghị luận</i>	Thuyết phục người đọc về ý kiến, tư tưởng của người viết trước một vấn đề, hiện tượng đời sống.	Giúp hiểu sâu hơn các nội dung trong VB nghị luận; cách tác giả sắp xếp và trình bày các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB.	– Nhan đề VB. – Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB.
<i>Quan điểm của người viết</i>	Cách người viết nhìn nhận, đánh giá vấn đề, hiện tượng cần bàn luận.		– Thái độ của tác giả trước vấn đề cần bàn luận.

<i>Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận</i>	Các yếu tố bộc lộ cảm xúc của người viết trong VB nghị luận.	Hiểu và lí giải sức thuyết phục của VB, không chỉ trên phương diện tư tưởng, lí trí mà còn ở cả phương diện tình cảm, cảm xúc.	Các yếu tố ngôn từ thể hiện tình cảm, cảm xúc như từ ngữ, hình ảnh, các kiểu câu (như câu cảm thán, câu hỏi tu từ,...), các biện pháp tu từ,...
--	--	--	---

GV giảng giải thêm về vấn đề yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận: Mục đích chính của VB nghị luận vẫn là lập luận, đưa ra lí lẽ, bằng chứng để **làm sáng tỏ luận điểm**, từ đó **thuyết phục người đọc** về quan điểm của người viết → Các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận cũng phải đảm bảo mục đích này, tránh lan man, phá vỡ sự mạch lạc, chặt chẽ trong VB.

2. Hoạt động đọc văn bản *Hịch tướng sĩ*

2.1. Trước khi đọc văn bản

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về bối cảnh ra đời và chủ đề VB; Tạo tâm thế tích cực để HS đọc VB.

b. Sản phẩm: Các tư liệu HS sưu tầm được.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Nhóm (4 – 6 HS) chuẩn bị trước tư liệu ở nhà:

– Các nhóm chẵn: Tìm tư liệu về chủ đề hào khí Đông A của quân dân nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên (câu 1, SGK/ tr. 92).

– Các nhóm lẻ: Tìm tư liệu về vấn đề *Tài và đức của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn* (câu 2, SGK/ tr. 92).

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Các nhóm sưu tầm tư liệu tại nhà để báo cáo tại lớp.

*** Báo cáo, thảo luận:** Đại diện một số nhóm chia sẻ sản phẩm của nhóm trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về hai vấn đề, có thể chia sẻ thêm cho HS tư liệu mình sưu tầm được (nếu cần).

2.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

b. Sản phẩm: Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc box chú thích (SGK/ tr. 92), vừa đọc vừa thực hiện PHT sau:

PHT SỐ 1

Phần 1: Đọc box thông tin đầu tr. 92 và điền vào chỗ trống:

- Hịch:
- Hoàn cảnh sáng tác Hịch tướng sĩ:

Phần 2: Đọc VB Hịch tướng sĩ và trả lời các câu hỏi trong khi đọc:

Câu 1 (Suy luận): Những nhân vật lịch sử được nêu ở phần 1 có điểm gì chung?

Gợi ý: Đọc lại phần 1 và chú ý vào các nhân vật theo từng sự việc: Kỷ Tín – Cao Đế; Do Vu – Chiêu Vương; Dục Nhượng – chủ; Thân Khoái (với Tề Trang Công); Kính Đức – Thái Tông; Cảo Khanh (với vua Đường Huyền Tông); Vương Công Kiên – Nguyễn Văn Lập; Cốt Đãi Ngột Lang – Xích Tu Tư.

→ Điểm chung của các nhân vật lịch sử này là:

- + Ở từng sự việc, các nhân vật có mối quan hệ:
- + Ở từng sự việc, các nhân vật có cách ứng xử:
- + Các nhân vật đều khẳng định đạo lí:

Câu 2 (Theo dõi): Trong phần 2, tác giả đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, câu văn nào để bày tỏ tình cảm của bản thân?

- + Một số từ ngữ dùng để bày tỏ tình cảm:
- + Một số câu văn dùng để bày tỏ tình cảm:
- + Một số hình ảnh dùng để bày tỏ tình cảm:

Câu 3 (Suy luận): Giọng điệu ở phần 3 là người trên nói với kẻ dưới hay là lời người đồng cảnh ngộ?

Gợi ý:

1. Đọc kĩ đoạn “các người ở cùng ta... cũng chẳng kém gì”. Trong đoạn này, mối quan hệ giữa Trần Quốc Tuấn và binh sĩ được khắc hoạ như thế nào?

2. Chú ý vào các cụm từ “ta cùng các người”, “thái ấp của ta... bổng lộc của các người...”, “gia quyến của ta... vợ con các người...”, “xã tắc tổ tông ta... phần mộ cha mẹ các người...”, “thân ta... gia thanh các người...”.

→ Giọng điệu ở phần 3 là:

Lí giải:

.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc VB và điền vào PHT.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày PHT trước lớp. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về câu trả lời các câu hỏi trong khi đọc:

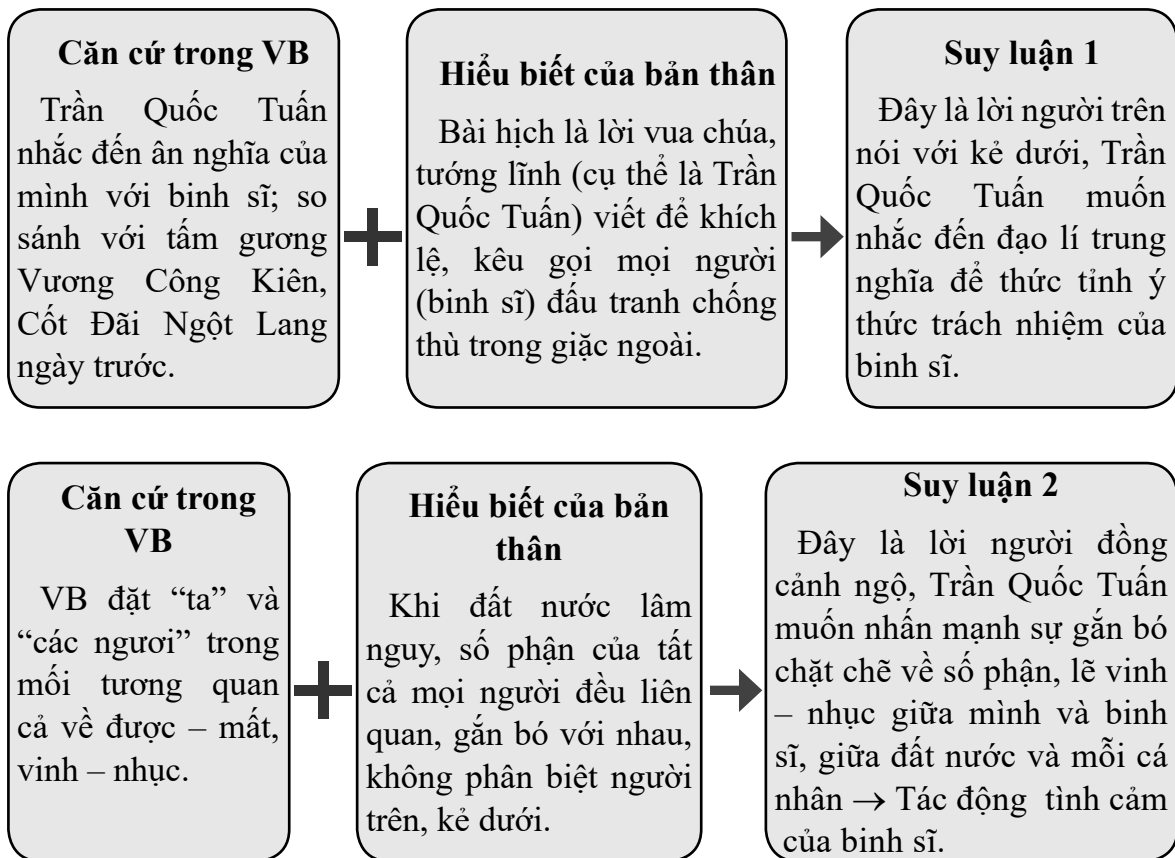
Câu 1: Các nhân vật lịch sử trong phần 1 đều là các cặp tôi trung – vua, tướng, những người bề tôi trung thành có hành động hi sinh, xả thân vì chủ, vì nghĩa lớn; Từ đó đề cao đạo lí về lòng trung nghĩa của bề tôi đối với chủ.

Câu 2: Một số từ ngữ, hình ảnh, câu văn tác giả sử dụng để bày tỏ tình cảm của bản thân:

<i>Mục đích của VB nghị luận</i>	“thời loạn lạc”, “buổi gian nan”, “nghênh ngang”, “uốn lưỡi cú diều”, “đem thịt nuôi hổ đói”,...
<i>Quan điểm của người viết</i>	Hình ảnh quân thù ngang ngược, độc ác; Hình ảnh bản thân với nỗi “căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”,...
<i>Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận</i>	“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù.” “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”.

Câu 3: Giọng điệu ở phần 3 vừa là lời người trên nói với kẻ dưới, vừa là lời của người đồng cảnh ngộ. Cụ thể: Trong đoạn “các người ở cùng ta... cũng chẳng kém gì”, đó là giọng điệu của tướng lĩnh với binh sĩ của mình, Trần Quốc Tuấn nhắc đến ân tình của mình với binh sĩ một cách vừa nghiêm khắc vừa tha thiết, để nhắc họ về đạo lí trung nghĩa, noi gương các tấm gương tiền nhân. Trong đoạn “nay các người... phỏng có được không”, Trần Quốc Tuấn lại nói với giọng của những người đồng cảnh ngộ (thông qua việc đối sánh, gắn liền về số phận, vinh nhục giữa “ta” và “các người”) để khẳng định sợi dây liên kết không thể tách rời giữa tướng và binh, giữa số phận cá nhân và số phận dân tộc, giữa vinh nhục của mỗi người với vinh nhục của đất nước → Cách sử dụng hai giọng điệu như vậy vừa có lí vừa có tình, vừa thể hiện cái uy của người chỉ huy nhưng vừa nhấn mạnh sự gắn bó bền chặt tình binh và tướng.

GV kết luận, nhận định về cách thức thực hiện kĩ năng suy luận. Nếu cần, GV sử dụng kĩ thuật *nói to suy nghĩ* (think – aloud) để làm mẫu kĩ năng đọc. Chẳng hạn, để trả lời câu hỏi 3, ta cần thực hiện hai suy luận như sau:



2.3. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.
- Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử văn hoá xã hội trong VB.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phần nội dung thảo luận nhóm và PHT của HS.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB, mục đích, quan điểm của người viết

* Giao nhiệm vụ HT

(1) Nhóm đôi xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng (câu 1 SGK/ tr. 95).

Gợi ý: Bạn có thể trả lời căn cứ vào các phần được chia và đánh số trong VB; Luận điểm thể hiện qua ý chính của từng phần; Lí lẽ là những lí giải, phân tích, lập luận của tác giả; Bằng chứng là những căn cứ, ví dụ từ thực tế mà tác giả đưa ra.

STT	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1		
2		
3		
4		

(2) Nhóm nhỏ (4 – 6 thành viên), thảo luận và thực hiện PHT theo các vấn đề sau (mỗi nhóm tìm hiểu một vấn đề):

Vấn đề 1: Mục đích, quan điểm của người viết thông qua luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

PHT SỐ 2

MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI VIẾT

THÔNG QUA LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG

?

Câu 3 (SGK/ tr. 98) Hãy chỉ ra mục đích viết của từng phần và mục đích viết của VB theo sơ đồ sau:

Gợi ý: Bạn hãy xem lại phần *Tri thức Ngữ văn* để ôn lại mục đích viết của VB nghị luận. Sau đó, căn cứ vào bảng tóm tắt đã thực hiện ở câu 1 để hoàn tất sơ đồ.

Mục đích viết phần 1

Mục đích viết phần 2

Mục đích viết phần 3

Mục đích viết phần 4

Mục đích viết của VB

...

177

Câu 5 (SGK/ tr. 96): Qua VB, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện quan điểm gì về trách nhiệm của các tướng sĩ với đất nước trong việc chống quân Mông Nguyên xâm lược?

Gợi ý: Bạn hãy xem lại phần *Tri thức Ngữ văn* để ôn lại quan điểm của người viết trong văn nghị luận, sau đó, dựa vào bảng tóm tắt đã thực hiện ở câu 1 để trả lời.

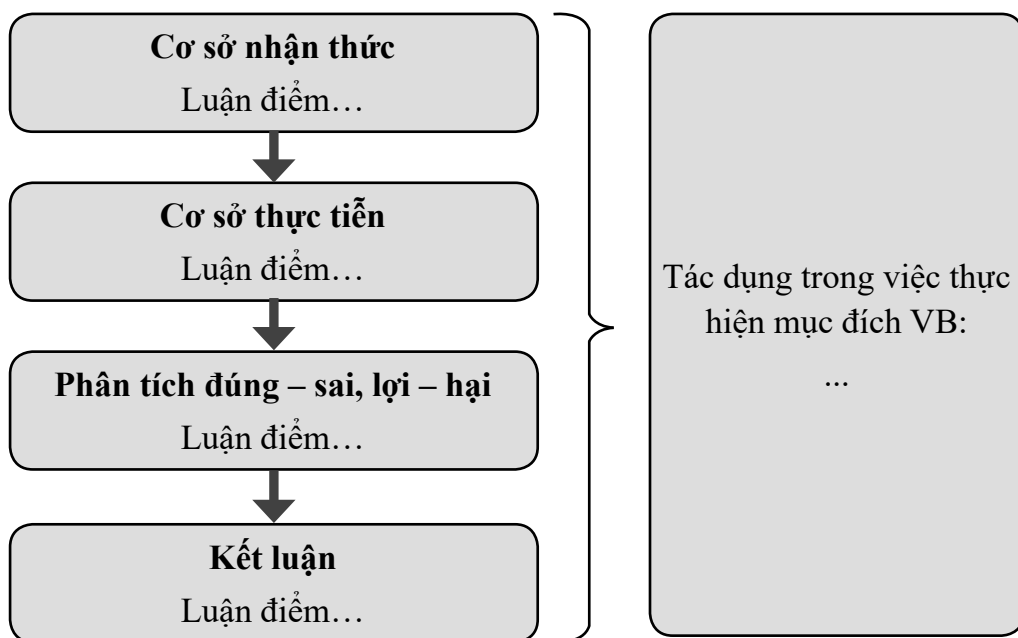
→ Quan điểm của Trần Quốc Tuấn về trách nhiệm của các tướng sĩ với đất nước trong việc chống quân Mông Nguyên xâm lược:

Vấn đề 2: Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của các yếu tố biểu cảm.

PHT SỐ 3 – Văn bản Hịch tướng sĩ **CÁCH SẮP XẾP LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG** **VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC YẾU TỐ BIỂU CẢM**

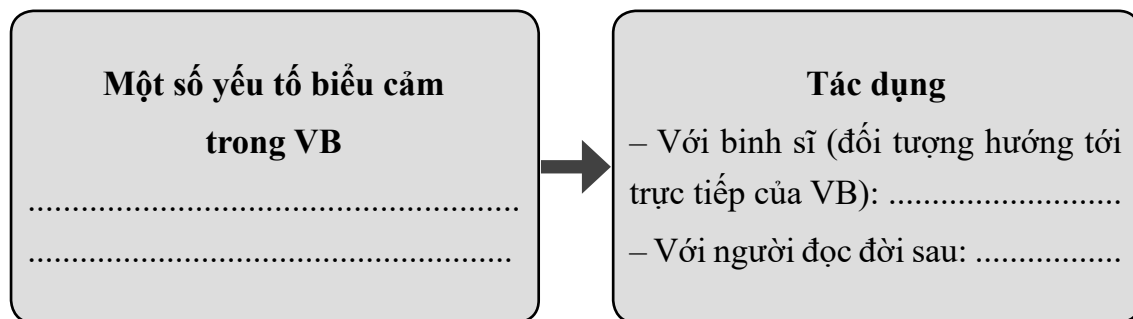
Câu 4 (SGK/ tr. 96): Cách sắp xếp các luận điểm có tác dụng như thế nào trong việc thực hiện mục đích của VB *Hịch tướng sĩ*?

Gợi ý: Có thể thay đổi trật tự các luận điểm được hay không? Vì sao? Từ đó, hãy nhận xét về tác dụng của cách sắp xếp luận điểm trong việc thực hiện mục đích VB dựa vào sơ đồ sau:



Câu 2 (SGK/ tr. 95): Chỉ ra một số yếu tố biểu cảm được sử dụng trong VB. Những yếu tố biểu cảm này có tác dụng gì?

Gợi ý: Xem lại các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận (phần *Tri thức Ngữ văn*); xem lại phần trả lời câu 2, 3 mục đọc VB và trả lời theo sơ đồ sau:



* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2)

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm đôi trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định**

(1) GV kết luận về đáp án câu 1 (SGK/ tr. 95) như sau:

STT	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	Luận điểm 1: Bài học từ những tấm gương trung nghĩa đời trước.	Lí lẽ: Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào cũng có, được lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ → Bằng chứng: Kỷ Tín, Do Vu, Dị Nhượng, Kính Đức, Cáo Khanh, Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư.
2	Luận điểm 2: Nỗi căm thù của Trần Quốc Tuấn trước những tội ác và hành động ngang ngược của quân Mông Nguyên trên đất nước ta.	– Lí lẽ 2.1: Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào cũng có, được lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ → Bằng chứng: Kỷ Tín, Do Vu, Dị Nhượng, Kính Đức, Cáo Khanh, Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư. – Lí lẽ 2.2: Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

3	Luận điểm 3: Phê phán những biểu hiện sai của binh sĩ đồng thời khẳng định thái độ đúng đắn trước tình cảnh hiện tại của đất nước.	– Lí lẽ 3. 1: Nhắc lại ân tình giữa Trần Quốc Tuấn và binh sĩ, so sánh ân tình đó với các tấm gương nhân nghĩa thuở trước. – Lí lẽ 3. 2: Phê phán thái độ thờ ơ, chỉ lo hưởng thụ của binh sĩ và tác hại của thái độ ấy → Bằng chứng: <i>Phải nhìn chủ nhục mà không biết lo, làm tướng triều đình hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến nguy sứ mà không biết căm...; nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mọo cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, ...</i> – Lí lẽ 3. 3: Khẳng định thái độ đúng đắn là phải luôn cảnh giác trước giặc ngoại xâm và cần rèn luyện binh sĩ để sẵn sàng đánh giặc, có như vậy mới bảo vệ được đất nước, mang lại vinh quang cho bản thân và gia tộc → Bằng chứng: <i>Thái ấp ta vững bền, ... bổng lộc các người cũng đòi đòi hưởng thụ, gia quyến ta được êm ấm gối chăn, ... vợ con các người cũng được bách niên giai lão, ...</i>
4	Luận điểm 4: Khích lệ binh sĩ chuyên tâm học theo <i>Binh thư yếu lược</i> để đánh giặc cứu nước.	– Lí lẽ 4. 1: Học theo sách <i>Binh thư yếu lược</i> là theo đạo thần chủ. – Lí lẽ 4. 2: Mỗi thù không đội trời chung với giặc không cho phép binh tướng lơ là, cần học <i>Binh thư yếu lược</i> để tiêu diệt kẻ thù, bảo vệ bờ cõi, đó cũng là chân lí, lẽ phải để “rửa nhục”, “đứng trong trời đất”.

(2) GV kết luận về đáp án câu 3 và câu 5 (SGK/ tr. 95) như sau:

Vấn đề 1: Mục đích, quan điểm của người viết thông qua luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

Câu 3

1) Mục đích viết của phần 1: Thông qua tấm gương trung nghĩa thuở trước, nhắc nhở binh sĩ về chân lí: Những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó, gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.

2) Mục đích viết của phần 2: Khơi dậy lòng căm thù giặc của binh sĩ, giúp binh sĩ hiểu được tâm tư của Trần Quốc Tuấn.

3) Mục đích viết của phần 3: Nhắc lại ân tình của Trần Quốc Tuấn với binh sĩ để

nhắc nhở về lòng trung thành và cách sống hợp đạo lí, qua đó phân tích cho binh sĩ hiểu những sai lầm của bản thân và lẽ phải cần theo đuổi.

4) Mục đích viết của phần 4: Kêu gọi binh sĩ chuyên tâm tập *Binh thư yếu lược* để đánh giặc cứu nước.

→ Mục đích viết của VB: Khơi gợi lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chống giặc cứu nước của binh sĩ, thuyết phục binh sĩ chuyên tâm tập luyện binh thư yếu lược.

Câu 5: Theo Trần Quốc Tuấn, các tướng sĩ có trách nhiệm bảo vệ đất nước, chuyên tâm học theo *Binh thư yếu lược* để chống lại giặc Mông Nguyên xâm lược. Đó là việc làm theo lẽ phải, theo chính nghĩa, xuất phát từ cơ sở trách nhiệm của đấng nam nhi với Tổ quốc; từ cơ sở tuân theo đạo thần – chủ; từ lợi ích của cá nhân và dòng tộc của từng binh sĩ → GV có thể nhận xét thêm: Quan điểm này được Trần Quốc Tuấn soi chiếu qua nhiều phương diện, hài hoà giữa cái chung và cái riêng, giữa lợi ích và bổn phận, giữa lí và tình.

Vấn đề 2: Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của các yếu tố biểu cảm.

Câu 4: Các luận điểm trong *Hịch tướng sĩ* được sắp xếp theo một trật tự rất chặt chẽ, phần trước là tiền đề, cơ sở để triển khai ý ở phần sau, tất cả đều hướng đến thực hiện mục đích viết của VB. Cụ thể như sau:

1) Luận điểm 1: Nêu cơ sở nhận thức, thể hiện chân lí lịch sử: Những tấm gương trung nghĩa sẽ được lưu danh muôn thuở. GV nhấn mạnh thêm: Với tính chất “sùng cổ” của văn hoá trung đại, việc đưa bằng chứng là những tấm gương người xưa đã tạo lập được một cơ sở lập luận vững chắc cho VB.

2) Luận điểm 2: Nêu cơ sở thực tiễn, khẳng định tình cảnh hiện tại của nước nhà, thể hiện sự căm ghét với tội ác của giặc.

3) Luận điểm 3: Dựa trên cơ sở nhận thức và cơ sở thực tiễn đã nêu, phân tích những sai lầm của binh sĩ và hậu quả, phân tích lẽ phải và ích lợi cần theo.

4) Luận điểm 4: Kết luận, khẳng định rằng binh sĩ cần chuyên tâm học theo *Binh thư yếu lược*.

→ Tất cả đều hướng tới thực hiện mục đích của VB, thuyết phục binh sĩ và người đọc sau này về quan điểm của tác giả.

Câu 2: GV nhận xét phân xác định các yếu tố biểu cảm của HS, sau đó, gợi ý về tác dụng của các yếu tố biểu cảm này:

1) Tác động đến tướng sĩ (đối tượng VB trực tiếp hướng đến): Khiến họ cảm phục trước những tấm gương trung nghĩa trong lịch sử; Khơi gợi sự cảm kích trước ân tình giữa họ và Trần Quốc Tuấn, thấu hiểu và kính trọng tấm lòng của Trần Quốc Tuấn với đất nước; Nhận ra những sai lầm của bản thân và sẵn sàng thay đổi; Khơi gợi lòng căm thù giặc và ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi với non sông, khơi dậy ý chí quyết tâm rèn luyện theo *Binh thư yếu lược*.

2) Tác động đến người đọc sau này (HS có thể đưa ra nhiều phương án thể hiện quan điểm cá nhân, sau đây là một vài gợi ý): Trân trọng, biết ơn lòng yêu nước và sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của Trần Quốc Tuấn nói riêng, quân dân thời nhà Trần nói chung; Trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; Khơi gợi trách nhiệm của bản thân với đất nước;...

Hoạt động 2: Chia sẻ bài học về cách nghĩ và ứng xử của cá nhân

*** Giao nhiệm vụ HT**

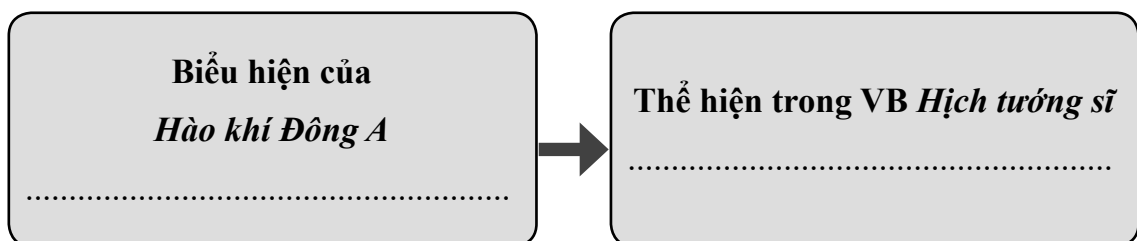
(1) Nhóm đôi điền vào PHT (câu 6, SGK/ tr. 96).

PHT SỐ 4

BỐI CẢNH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI TRONG VĂN BẢN VÀ Ý NGHĨA VỚI BẢN THÂN

❓ Câu 6 (SGK tr. 96): *Hào khí Đông A* được thể hiện như thế nào trong VB *Hịch tướng sĩ*?

Gợi ý: Xem lại phần tìm hiểu về hào khí Đông A ở câu hỏi 1, mục *Trước khi đọc*, box thông tin đầu VB, đối chiếu các đặc điểm của hào khí Đông A vào VB để trả lời câu hỏi dựa vào sơ đồ sau:



(2) Cá nhân HS về nhà thực hiện sản phẩm sáng tạo (câu 7, SGK/ tr. 96) và đăng trên web HT của lớp.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT**

- (1) HS thực hiện thảo luận và điền vào PHT.
- (2) HS phác thảo ý tưởng thực hiện sản phẩm sáng tạo.

*** Báo cáo, thảo luận**

- (1) Đại diện nhóm trình bày PHT. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- (2) HS trình bày ý tưởng thực hiện sản phẩm sáng tạo. Các HS khác nhận xét, góp ý.

*** Kết luận, nhận định**

Câu 6: Hào khí Đông A thể hiện ở tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm chiến thắng kẻ thù bảo vệ bờ cõi đất nước. Điểm đặc biệt của hào khí Đông A đó là sự đoàn kết, tinh thần trên dưới một lòng của vua, tướng, binh sĩ, quân dân nhà Trần. Trong *Hịch tướng sĩ*, tinh thần đồng lòng đó thể hiện qua việc: Tác giả lập luận vừa trên lập trường người bề trên nói với kẻ dưới, vừa trên lập trường những người đồng cảnh ngộ; Sự gắn bó về vận mệnh của bản thân với vận mệnh của binh sĩ và vận mệnh quốc gia, dân tộc; Dem sự vinh – nhục của bản thân gắn với sự vinh – nhục của binh sĩ của của quốc gia, dân tộc.

Câu 7

- GV tổng kết các ý kiến của HS, có thể chia sẻ thêm cảm nghĩ của bản thân về vai trò của tình yêu nước đối với mỗi người.
- GV hướng dẫn HS cách thực hiện và nêu các tiêu chí đánh giá đối với sản phẩm sáng tạo.

2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản *Nam quốc sơn hà* – *Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước*

a. Mục tiêu: Củng cố lại các đặc điểm thể loại văn nghị luận đã học qua việc đọc VB Hịch tướng sĩ; Biết cách đọc trước VB “*Nam quốc sơn hà*” – *Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước*” ở nhà.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phân ghi chép của HS về nhiệm vụ HT thực hiện ở nhà.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

- (1) HS điền thông tin vào bảng sau:

Yếu tố trong VB nghị luận	Đặc điểm	Kinh nghiệm khi đọc VB nghị luận
<i>Mục đích viết của VB nghị luận</i>		
<i>Quan điểm của người viết trong VB nghị luận</i>		
<i>Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận</i>		

(2) HS chuẩn bị trước VB “Nam quốc sơn hà” – Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước: Phần Trước khi đọc, đọc trước VB và trả lời các câu hỏi đọc VB.

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) Cá nhân HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

(2) HS ghi chú cách đọc trước VB “Nam quốc sơn hà” – Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước và thực hiện ở nhà.

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về khái niệm và đặc điểm của VB nghị luận và những lưu ý khi đọc VB nghị luận.

3. Hoạt động đọc văn bản Nam quốc sơn hà – Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước

3.1. Khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm và cách đọc VB nghị luận.

b. Sản phẩm: Phần tham gia trò chơi của HS, câu trả lời về cách đọc VB nghị luận.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV tổ chức trò chơi *Đoán ý đồng đội*. **Luật chơi:** Có hai gói câu hỏi gồm các từ khoá liên quan đến các kiến thức về văn nghị luận đã học. Có hai đội tham gia trò chơi, mỗi đội gồm hai thành viên, một thành viên gợi ý và một thành viên đoán các từ khoá. Trong quá trình gợi ý, không được phép sử dụng các từ có trong gói từ khoá (được sử dụng các từ đặt trong ngoặc đơn). Mỗi đội có thời gian là 60 giây để vừa gợi ý vừa trả lời. Đội nào đoán được nhiều từ khoá hơn sẽ chiến thắng.

GÓI TỪ KHOÁ 1

Nghị luận
Luận điểm
Hịch
Bối cảnh (lịch sử, văn hoá, xã hội)
Quan điểm

GÓI TỪ KHOÁ 2

Bằng chứng
Mục đích
(Yếu tố) biểu cảm
Lí lẽ
Cáo

(2) Cá nhân HS trả lời câu hỏi: Qua các từ khoá của trò chơi, hãy trình bày hiểu biết của em về VB nghị luận và cách đọc VB nghị luận.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) HS tham gia trò chơi. Các HS còn lại quan sát, cổ vũ.

(2) Cá nhân HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận về các đặc điểm của VB nghị luận đã học trong VB 1 và lưu ý HS về cách đọc; GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

3.2. Trước khi đọc văn bản

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về đề tài, chủ đề của VB sẽ đọc.

b. Sản phẩm: Phần chuẩn bị ở nhà của HS, phần trình bày sản phẩm đã chuẩn bị trước lớp.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** GV giao cho HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự:

(1) Xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho các câu hỏi *Trước khi đọc*, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện.

(2) Chia sẻ phần chuẩn bị ở nhà với bạn bên cạnh.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

(1) HS xem lại và chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà.

(2) HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với bạn cùng nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết các ý kiến trả lời của HS, dẫn dắt vào phần đọc VB.

3. 3. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời các câu hỏi đọc VB.

b. Sản phẩm: Sản phẩm chuẩn bị ở nhà của HS bao gồm những ghi chú, câu hỏi khi đọc VB; trả lời câu hỏi phần *Theo dõi*.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) Xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho các câu hỏi đọc VB, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện.

(2) Chia sẻ phần chuẩn bị ở nhà với bạn bên cạnh.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

(1) HS xem lại và chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà.

(2) HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với bạn cùng nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

– GV kết luận về đáp án các câu hỏi trong khi đọc: Các câu văn cho thấy tác giả liên hệ với bối cảnh văn hoá, xã hội để hiểu câu thơ sâu sắc hơn là các câu văn từ “Trong chữ Hán” đến “hàng phục giả vờ, độc lập thật”.

– GV kết luận, nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng theo dõi.

3. 4. Sau khi đọc văn bản

a. Mục tiêu

– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.

– Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử văn hoá xã hội trong VB.

– Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phần thảo luận và thực hiện PHT, ý kiến tranh luận.

c. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, mục đích viết và quan điểm của tác giả

* Giao nhiệm vụ HT

(1) Nhóm đôi điền vào PHT, các câu hỏi 1, 2, 3 (SGK/ tr. 98)

PHT SỐ 5

“*Nam quốc sơn hà*” – Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước

I. Xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản

Câu 1 (SGK/ tr. 98): Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
.....	
.....	
.....	

II. Mục đích viết và quan điểm của tác giả

Câu 2 (SGK/ tr. 98): VB trên được viết ra nhằm mục đích gì? Tác giả đã thể hiện quan điểm như thế nào khi bàn về bài thơ *Nam quốc sơn hà*?

Gợi ý: Xem lại phần trả lời PHT số 2 để ôn lại cách xác định mục đích viết và quan điểm trong VB nghị luận.

– Mục đích viết của bài viết: Nhằm người đọc về

– Quan điểm của tác giả bài viết về bài thơ *Nam quốc sơn hà*:

III. Cách sắp xếp các luận điểm và tác dụng

Câu 3 (SGK/ tr. 98): Các luận điểm trong bài viết được sắp xếp theo trình tự nào? Cách sắp xếp ấy có tác dụng gì?

Gợi ý 3.1: Các luận điểm trong bài viết có mối quan hệ thế nào với bố cục bài thơ *Nam quốc sơn hà*?

Gợi ý 3.2: Nếu thay đổi trật tự các luận điểm trong bài viết, điều gì sẽ xảy ra?

→ Các luận điểm trong bài viết sắp xếp theo trình tự:

→ Tác dụng của cách sắp xếp ấy:

IV. Liên hệ bối cảnh văn hoá xã hội để hiểu hơn về văn bản

Câu 4 (SGK/ tr. 98): Ở đoạn văn đầu tiên, tác giả đề cập đến sự phân biệt “đế” và “vương” trong xã hội phong kiến **Trung Hoa** nhằm mục đích gì?

Gợi ý: Trả lời dựa vào sơ đồ sau:

Sự phân biệt “đế”
và “vương” trong
xã hội phong kiến
Trung Hoa
.....



Tác dụng của việc
dùng chữ “đế” trong
bài *Nam quốc sơn hà*
.....



Mục đích của tác
giả bài viết
.....

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về câu trả lời cho các câu hỏi sau khi đọc như sau:

Câu 1: Gợi ý về hệ thống luận điểm VB:

1) Luận điểm 1: Chân lí độc lập chủ quyền của đất nước đã được tác giả khẳng định từ đầu bài thơ.

2) Luận điểm 2: Câu thơ thứ hai tiếp tục khẳng định quyền độc lập và tính chất chính nghĩa của việc phân chia lãnh thổ.

3) Luận điểm 3: Câu thơ thứ ba nêu sự việc “nghịch lỗ lai xâm phạm”, chỉ rõ sự ngang ngược của giặc ngoại xâm.

4) Luận điểm 4: Câu kết bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng, quân giặc nhất định thua.

Câu 2: VB được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về quan điểm của người viết về bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Quan điểm ấy là: Bài thơ *Nam quốc sơn hà* là một bài thơ có giá trị, khẳng định chân lí độc lập của dân tộc.

Câu 3: Các luận điểm trong VB được triển khai theo trình tự phát triển ý của bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Cách sắp xếp ấy giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được mạch lập luận của tác giả tương ứng với mạch triển khai ý của bài thơ *Nam quốc sơn hà*, từ đó, tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết.

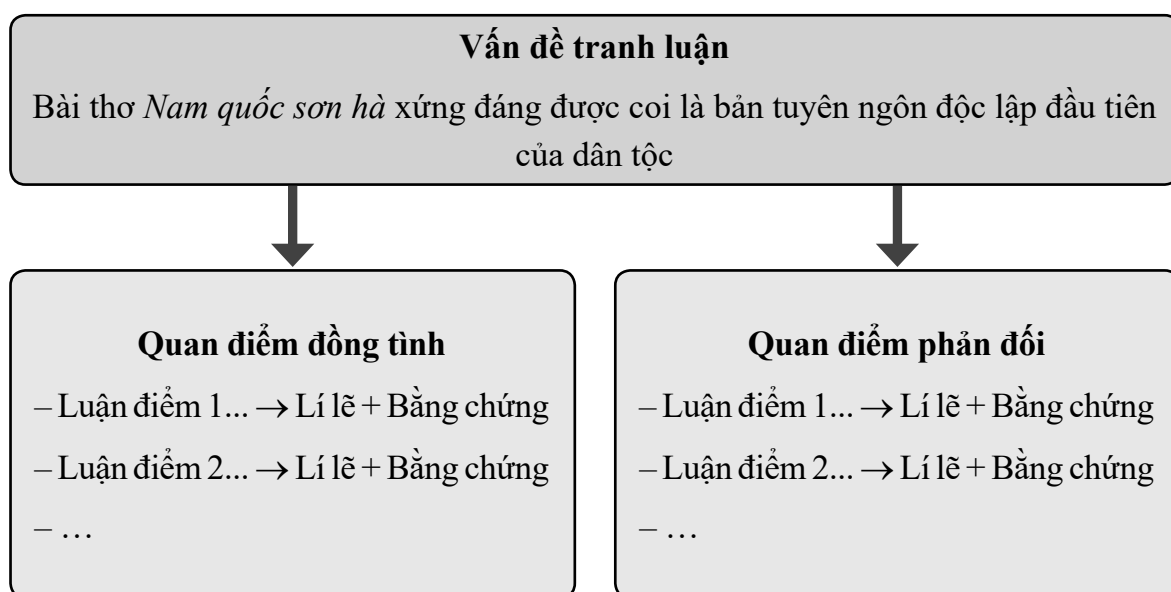
Câu 4: Ở đoạn văn đầu tiên, tác giả đề cập đến sự phân biệt “đế” và “vương” trong xã hội phong kiến Trung Hoa nhằm mục đích khẳng định tinh thần dân tộc, ý thức tự chủ được thể hiện trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* → GV kết luận về tác dụng của việc phân tích bối cảnh văn hoá xã hội trong VB để hiểu thêm về nội dung, ý nghĩa của VB nghị luận.

Hoạt động 2: Tranh luận

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS tham gia hoạt động tranh luận để trả lời câu 5 (SGK/ tr. 98). Để khơi gợi cho HS tìm ý tưởng tham gia tranh luận, GV có thể đặt ra một số câu hỏi gợi ý:

- Em hãy cho biết một VB được xem là tuyên ngôn độc lập cần có đặc điểm gì.
- Bài thơ *Nam quốc sơn hà* có đáp ứng được các tiêu chí của một bản tuyên ngôn độc lập hay không?

GV có thể vẽ sơ đồ sau lên bảng để ghi lại ý kiến của HS:



* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS chuẩn bị ý kiến để tranh luận.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS tham gia hoạt động tranh luận.

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về các ý kiến tranh luận, nhận xét về cách HS thực hiện tranh luận.

3.5. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc

a. Mục tiêu: Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc với VB nghị luận.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức, thực hiện

* **Giao nhiệm vụ HT:** Mỗi HS thiết kế Infographic để khái quát đặc điểm thể loại và kinh nghiệm đọc văn nghị luận (bài 9 và bài 7), theo một trong hai chủ đề sau:

Chủ đề 1: Các yếu tố của VB nghị luận – đặc điểm và lưu ý khi đọc.

Các yếu tố của VB nghị luận	Đặc điểm	Lưu ý khi đọc
<i>Luận đề</i>		
<i>Luận điểm</i>		
<i>Lí lẽ</i>		
<i>Bằng chứng</i>		
<i>Mục đích viết</i>		
<i>Quan điểm</i>		
<i>Yếu tố biểu cảm</i>		
<i>Bối cảnh văn hoá, lịch sử, xã hội</i>		

Chủ đề 2: VB nghị luận trung đại:

- VB nghị luận trung đại có đặc điểm gì giống và khác với VB nghị luận hiện đại?
- Đặc điểm của cáo, hịch.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS phác thảo ý tưởng và trình bày ý tưởng thiết kế Infographic ở trên lớp. Về nhà, HS hoàn thiện sản phẩm và công bố lên web HT của lớp.

* **Báo cáo thảo luận:** HS trình bày ý tưởng thiết kế Infographic về nội dung, về hình thức. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV hướng dẫn HS hoàn thiện ý tưởng thiết kế, công bố tiêu chí đánh giá Infographic. Tiếp tục nhận xét, góp ý khi HS công bố sản phẩm lên web HT của lớp.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG ĐẤT NƯỚC VÀ VĂN BẢN TÔI CÓ MỘT GIÁC MƠ

1. Hoạt động hướng dẫn đọc kết nối chủ điểm văn bản Đất nước

a. Mục tiêu

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Hịch tướng sĩ*; “*Nam quốc sơn hà*” – *Bài thơ thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước*; VB *Tôi có một giấc mơ* để hiểu hơn về chủ đề *Khát vọng độc lập và tự do*.

b. Sản phẩm: Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

– HS thực hiện hoạt động *Đọc kết nối chủ đề* ở nhà. Với câu 4, GV khuyến khích HS chia sẻ kết hợp với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (như hình ảnh, đoạn phim,...) để thêm sinh động.

– GV kết hợp tổ chức tiết báo cáo kết quả đọc cho hai VB *Tôi có một giấc mơ* và *Đất nước*.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà, đọc VB và trả lời các câu hỏi *Sau khi đọc*.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ báo cáo kết quả hoạt động đọc tại nhà với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV sẽ nhận xét, gợi ý câu trả lời trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

3. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ đề

a. Mục tiêu: Báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ đề tại lớp.

b. Sản phẩm: Phân trình bày kết quả đọc của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà. Chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm đôi, sau đó, chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung, nếu có.

*** Kết luận, nhận định**

(1) Với VB *Tôi có một giấc mơ*, GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc VB nghị luận của HS, sau đó, gợi ý câu trả lời:

Câu 1: VB được viết ra nhằm mục đích thuyết phục về quyền tự do và bình đẳng

chính đáng của người da đen, thông qua đó kêu gọi thông qua đạo luật *Dân quyền* năm 1964. Quan điểm của Mác-tin Lu-thơ Kinh: Quyền tự do và bình đẳng của người da đen là chân lí, và những cuộc đấu tranh giành quyền bình đẳng cho người da đen sẽ không bao giờ dừng lại nếu vẫn còn tồn tại những bất công và kì thị.

Câu 2: Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Luận điểm 1: Lí do và ý nghĩa của “buổi tuần hành vì tự do vĩ đại nhất” trong lịch sử nước Mỹ. (Từ đầu → “mặt trời công lí trời dậy”).	– Lí lẽ 1. 1: Mặc dù bản Tuyên ngôn giải phóng nô lệ đã được thông qua nhưng thực tế người da đen vẫn phải chịu bất công, thiệt thòi. → Bằng chứng: <i>Người da đen vẫn còn bị thít chặt trong gông cùm của luật cách li, sống trong một hoang đảo nghèo giữa đại dương bao la của sự phồn thịnh vật chất, sống mòn trong những góc khuất của xã hội Mỹ, thấy mình chỉ là kẻ lưu vong ngay trên quê hương mình.</i> – Lí lẽ 1. 2: Nước Mỹ sẽ không có bình an, có yên tĩnh nếu người da đen chưa giành được quyền công dân. → Bằng chứng: <i>Bão lốc của những cuộc nổi dậy sẽ vẫn tiếp tục rung chuyển nền móng quốc gia cho đến khi nào mặt trời công lí trời dậy”.</i>
Luận điểm 2: Cuộc đấu tranh của người da đen xuất phát từ công lí để giành lại địa vị xứng đáng, chứ không phải từ sự thù ghét người da trắng; Phải gắn với nền tảng công lí chứ không phải bạo lực (<i>nhưng có một điều... không thể bước đi một mình</i>).	– Lí lẽ 2. 1: Đừng làm dịu cơn khát tự do bằng cách uống li oán hận và thù hận; Cuộc đấu tranh phải dựa trên nền tảng cao quý của nhân phẩm và kỉ cương, tránh gây ra bạo loạn. – Lí lẽ 2. 2: Tinh thần chiến đấu quật cường trong cộng đồng người da đen không được đẩy đến chỗ nghi ngờ người da trắng. → Bằng chứng: <i>Có nhiều người da trắng tham gia cuộc tuần hành vì họ nhận ra vận mệnh của họ gắn với vận mệnh người da đen, tự do của họ gắn với tự do của người da đen.</i>
Luận điểm 3: Cuộc đấu tranh sẽ không bao giờ dừng lại cho đến khi chấm dứt tất cả những bất công, kì thị đối với người da đen. (“Và khi bước đi... “mưa công lí tuôn rơi cùng với dòng sông của chính nghĩa”).	– Lí lẽ: <i>Chúng ta không thể quay lại vị trí cũ (đáp trả câu hỏi Đến bao giờ các người mới hài lòng?).</i> → Bằng chứng: <i>Người da đen vẫn còn là nạn nhân câm lặng của nạn bạo lực từ cảnh sát; Bị phân biệt đối xử và kì thị, không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn thành phố; Người da đen ở Mi-xi-xi-pi không có quyền bầu cử, người da đen ở Niu-Oóc tin rằng có bầu cử cũng chẳng để làm gì.</i>

Luận điểm 4: Khẳng định giấc mơ về quyền được bình đẳng và tự do của người da đen (Phần còn lại).

– **Lí lẽ 4. 1:** Đây là giấc mơ bắt nguồn sâu thẳm từ giấc mơ của nước Mỹ.

– **Lí lẽ 4. 2:** Quyền được bình đẳng và tự do của người da đen là một sự thật hiển nhiên.

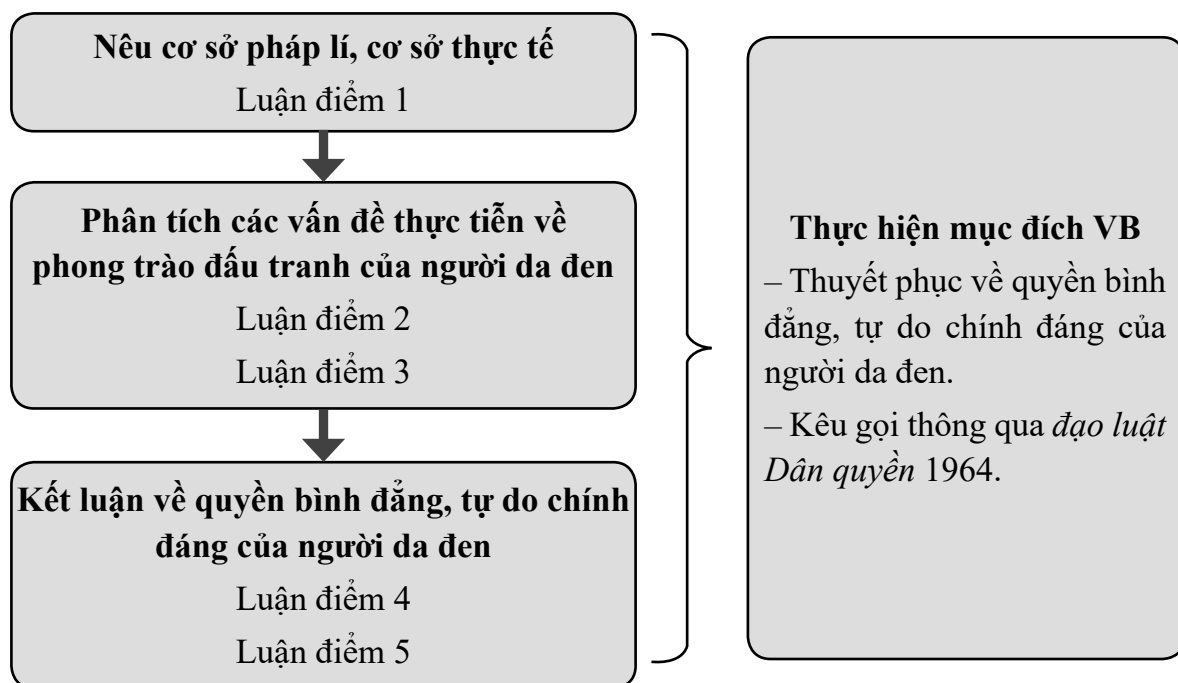
→ **Bằng chứng:** Trích dẫn trong *Tuyên ngôn Độc lập Mỹ* “*Chúng tôi coi sự thật này là điều hiển nhiên: rằng tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng*”.

– **Lí lẽ 4. 3:** Thực hiện quyền được bình đẳng và tự do của người da đen sẽ mang đến sự hoà ái giữa người da đen và người da trắng, mang đến sự đoàn kết cho đất nước Mỹ (*con cái của nô lệ ngày xưa cùng con cái của chủ nô ngày xưa sẽ ngồi bên nhau trong tình anh em bằng hữu*).

– **Lí lẽ 4. 4:** Thực hiện quyền tự do và bình đẳng của người da đen là giải quyết vấn đề bất công và áp bức, khẳng định giá trị của tự do và công bằng (Bang Mi-xi-xi-pi nơi dồn nén bất công và áp bức, *sẽ chuyển mình thành ốc đảo của tự do và công bằng*).

– **Lí lẽ 4. 5:** Thực hiện quyền tự do và bình đẳng sẽ mở ra cơ hội và cuộc sống chính đáng cho cả những thế hệ sau của người da đen (*bốn đứa con nhỏ của tôi... sẽ được sống ở một đất nước nơi mà người ta không phán xét chúng bằng màu da, mà phán xét bằng nhân cách của chúng*).

Câu 3: Không thể thay đổi trật tự các luận điểm bởi vì sẽ phá vỡ mạch lập luận của VB, khiến cho người đọc không thể hiểu được nội dung bài viết. Từ đó, ta nhận ra bài viết có cách sắp xếp luận điểm chặt chẽ, thuyết phục, luận điểm trước là tiền đề, cơ sở để triển khai luận điểm sau, tất cả nhằm hướng đến thực hiện mục đích VB, cụ thể:



Câu 4: GV có thể gợi ý một số thông tin về vấn đề *Giấc mơ của nước Mỹ* như sau:

– Giêm Trút-xlâu A-đam-xơ (James Truslow Adams), trong cuốn sách *Sử thi nước Mỹ (The Epic of America)*, được viết năm 1931, đã nói rằng “Giấc mơ Mỹ là giấc mơ về một vùng đất mà ở đó cuộc sống sẽ tốt hơn, giàu có hơn và đầy đủ hơn cho tất cả mọi người, với cơ hội cho mỗi người tùy theo khả năng hoặc thành tựu. [...] Đó không phải là giấc mơ về ô tô có động cơ và mức lương cao đơn thuần, mà là giấc mơ về trật tự xã hội, trong đó, mỗi người đàn ông và mỗi người phụ nữ sẽ có thể đạt đến tầm vóc tối đa mà họ có thể và được những người khác công nhận về những gì họ đang có, bất kể hoàn cảnh ra đời hay vị trí”.²

– *Giấc mơ của nước Mỹ* thể hiện trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ, tuyên bố rằng “tất cả sinh ra đều có quyền bình đẳng” với quyền “cuộc sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc”. Ngoài ra, Hiến pháp Hoa Kỳ cũng thúc đẩy quyền tự do tương tự, trong lời mở đầu: “bảo đảm các phước lành của tự do cho chính chúng ta và thế hệ tương lai”.³

– Tư tưởng *Giấc mơ của nước Mỹ* có ảnh hưởng sâu rộng đến văn hoá Mỹ và người dân Mỹ bởi từ khi thành lập, nước Mỹ (Hợp chủng quốc Hoa Kỳ) đã là một quốc gia hợp thành bởi người di cư từ khắp nơi trên thế giới → niềm tin về một quốc gia bình đẳng về sắc tộc, tôn giáo và giới tính, khuyến khích mọi người theo đuổi ước mơ, hạnh phúc dựa trên năng lực và thành tựu cá nhân đã trở thành động lực phấn đấu

² Dẫn theo: <https://www.loc.gov/classroom-materials/american-dream/#students>

³ Dẫn theo: <https://www.vanityfair.com/culture/2009/04/american-dream200904>

của mỗi người dân, thúc đẩy đất nước Mỹ phát triển thành một quốc gia hùng cường.

→ Chính vì vậy, Mác-tin Lu-thơ Kinh đã chọn *Tôi có một giấc mơ* (bắt nguồn từ *Giấc mơ của nước Mỹ*) để làm ý tưởng chủ đạo của VB. Thông qua một nền tảng tư tưởng có sức ảnh hưởng sâu rộng là “Giấc mơ của nước Mỹ”, Mác-tin Lu-thơ Kinh khẳng định chân lí về quyền tự do và bình đẳng của người da đen. Giấc mơ của Mác-tin Lu-thơ Kinh, hay chính là giấc mơ của người da đen trên đất nước Mỹ, là sự cụ thể hoá của *Giấc mơ của nước Mỹ*, thể hiện tính nhân bản của tư tưởng này, có những cơ sở vững chắc về cả pháp lí (thông qua các VB có tính chất pháp lí), cả về thực tế (tư tưởng có tính chất “nền móng” cho quốc gia).

Câu 5: Một số yếu tố biểu cảm trong VB:

– Từ ngữ bộc lộ trực tiếp cảm xúc: “Tôi vui mừng”.

– Tương phản giữa “một trăm năm trước” và “một trăm năm sau”.

– Các hình ảnh so sánh, ẩn dụ: “văn kiện trọng đại này xuất hiện như một ngọn đuôi soi đường”, “những con người bị thiêu đốt trong lò lửa của sự bất công”, “bão lốc của những cuộc nổi dậy”,...

– Đại từ: “tôi và những đồng chí của tôi”, “nhiều người anh em da trắng”, “các bạn của tôi”.

– Điệp: “Một trăm năm sau”, “Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng”, “Tôi mơ rằng”,...

→ Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc vừa xót thương, chân thành của tác giả trước các vấn đề kì thị, phân biệt chủng tộc mà người da đen đang phải trải qua, khẳng định sự quyết tâm của tác giả vào việc đòi quyền tự do, bình đẳng chính đáng cho người da đen. Từ đó, các yếu tố biểu cảm này giúp khơi gợi sự đồng cảm của người đọc, góp phần làm tăng sức thuyết phục của VB.

(2) Với VB *Đất nước*, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, sau đó gợi ý trả lời:

Câu 1: Không gian của “*những ngày thu đã xa*” được tái hiện qua các hình ảnh: *sáng mát trong, hương cỏm mới, những phố dài xao xác hơi may, người ra đi đầu không ngoảnh lại, thêm nắng lá rơi đầy*,...

Câu 2: Hình ảnh mùa thu nay khác mùa thu xưa ở: Cảnh sắc thiên nhiên trong trẻo, tươi sáng (*trời thu thay mới, trong biếc*,...); không gian rộng mở, đầy sức sống (*núi đồi, gió thổi rừng tre phấp phới*,...); tràn ngập âm thanh vui tươi (*nói cười thiết tha*). HS tùy ý lí giải nguyên nhân của sự khác biệt đó, miễn là hợp lí. Có thể định hướng:

Vì tâm thế của chủ thể trữ tình ở thu nay đã khác thu xưa: Đang đứng giữa núi đồi của chiến khu Việt Bắc với tâm trạng vui tươi, phấn chấn, đầy tin tưởng vào nền độc lập của dân tộc.

Câu 3: Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ là phép điệp. Các dạng của phép điệp trong đoạn thơ là: điệp từ (*đây, là, của, chúng ta*); điệp ngữ (*của chúng ta*); điệp cấu trúc cú pháp (*Trời xanh đây là của chúng ta / Núi rừng đây là của chúng ta / Những cánh đồng... / Những ngả đường.... / Những dòng sông....*).

Hiệu quả biểu đạt của phép điệp trong đoạn thơ: Góp phần tạo nên nhịp thơ dồn dập, giọng điệu hào hùng nhằm khẳng định ý thức chủ quyền về lãnh thổ, niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, trù phú của đất nước.

Câu 4: Tùy HS trả lời. Có thể định hướng: Tiếng vọng của “những buổi ngày xưa” nhằm gửi gắm cho chúng ta thông điệp: Thế hệ trẻ cần giữ gìn và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất của cha ông để bảo vệ độc lập dân tộc.

2. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại văn bản *Tôi có một giấc mơ*

a. Mục tiêu

– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.

– Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử văn hoá xã hội trong VB.

b. Sản phẩm: Kết quả đọc của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS về nhà đọc VB *Tôi có một giấc mơ* và thực hiện nhiệm vụ của phần *Hướng dẫn đọc*.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà đọc và thực hiện nhiệm vụ HT.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ báo cáo kết quả nhiệm vụ HT tại lớp. GV kết hợp tổ chức tiết báo cáo kết quả đọc cho hai VB *Tôi có một giấc mơ*; *Đất nước*.

* **Kết luận, nhận định:** GV sẽ nhận xét, gợi ý câu trả lời trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

DẠY TIẾNG VIỆT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT
LỖI VỀ MẠCH LẠC, LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB.

1.2. Năng lực chung

NL giao tiếp và hợp tác.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

II. KIẾN THỨC

– Các lỗi về mạch lạc, liên kết – dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa (lỗi không tách đoạn; lỗi tách đoạn tùy tiện).

– Kỹ năng sửa lỗi không tách đoạn, lỗi tách đoạn tùy tiện.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– Phần *Tri thức tiếng Việt* và *Thực hành tiếng Việt* (SGK, SGV).

– PHT số 1 để HS khái quát nội dung bài học.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động khởi động và giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về sự mạch lạc, liên kết trong VB, lỗi mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.

b. Sản phẩm: Phần ghi phiếu KWL của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung yêu cầu cần đạt phần tiếng Việt, đọc lướt qua đề về phần tiếng Việt trong *Tri thức Ngữ văn* và điền vào bảng sau:

K Điều tôi đã biết	W Điều tôi muốn tìm hiểu	L Điều tôi học được
Em hãy ghi lại những hiểu biết của em về: – Liên kết và mạch lạc trong đoạn văn và trong VB. – Những lỗi liên kết và mạch lạc trong đoạn văn.	Em hãy ghi ra ít nhất hai câu hỏi mà bản thân thắc mắc về bài học.	Sau khi học xong, em hãy quay trở lại và ghi tóm tắt những kiến thức mới mình thu nhận được.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức đã học ở cấp THCS và bài 1, điền vào cột K; đọc lướt qua bài học và ghi câu hỏi vào cột W; để trống cột L sẽ bổ sung sau khi học xong bài.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày nội dung đã ghi ở cột K và W trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định, dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập tiếng Việt

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ HT.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, quan sát (đọc lướt) phần *Tri thức Ngữ văn* và *Thực hành tiếng Việt*, viết ngắn để trả lời câu hỏi:

– Trong bài học này, chúng ta sẽ học kiến thức tiếng Việt nào?

– Nhiệm vụ HT cần thực hiện trong bài học này là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS quan sát SGK, tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: TÌM HIỂU LỖI VỀ MẠCH LẠC, LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN – DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH SỬA

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB và cách sửa.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc *Tri thức Ngữ văn* mục “Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB: Dấu hiệu nhận biết và cách sửa”, phát hiện các nội dung chính và điền vào bảng sau:

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB	Dấu hiệu nhận biết	Cách sửa
Lỗi không tách đoạn	...	...
Lỗi tách đoạn tùy tiện	...	...

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV hướng dẫn HS phân tích hai ví dụ trong SGK, sau đó, kết luận, nhận định như sau:

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB	Dấu hiệu nhận biết	Cách sửa
Lỗi không tách đoạn	Các ý không được tách ra bằng cách chấm xuống dòng (dấu hiệu hình thức).	Tách đoạn khi viết trọn vẹn một ý.
Lỗi tách đoạn tùy tiện	Tách đoạn khi chưa viết trọn vẹn một ý, việc tách đoạn không đảm bảo liên kết về chủ đề của đoạn.	Không tách đoạn; ghép các đoạn bị tách tùy tiện lại sao cho đảm bảo liên kết về chủ đề, liên kết về lô-gíc của đoạn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động Thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu: Thực hành, vận dụng kiến thức về liên kết trong VB để làm bài tập.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời của các bài tập.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS làm các bài tập *Thực hành tiếng Việt* (SGK/ tr.100)

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm 2 HS thực hiện.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả thảo luận nhóm trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

– GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập.

Câu 1

– Yêu cầu HS chỉ ra và nêu cách sửa lỗi liên kết trong những VB cho trước.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ hai VB, đối chiếu với các loại lỗi liên kết VB đã học để chỉ ra lỗi và nêu cách sửa.

a. VB mắc lỗi *không chuyển đoạn, liên kết đoạn* vì giữa đoạn phân tích ý “tư tưởng nhân nghĩa” và đoạn triển khai ý “khẳng định chủ quyền dân tộc” không có câu chuyển đoạn. Cách sửa: Viết thêm câu chuyển đoạn.

b. VB mắc lỗi *tách đoạn ngẫu hứng, tùy tiện*. Cách sửa: Không tách đoạn ngay sau câu “Còn với Xuân Diệu..... trở lại” vì chưa triển khai hết ý quan niệm về thời gian của Xuân Diệu.

c. VB mắc lỗi *không tách đoạn*. Ý thứ nhất triển khai sự nguy hiểm của mặt ghềnh, ý thứ hai triển khai sự nguy hiểm của những cái hút nước, nên cần tách đoạn để rõ ý. Cách sửa: Tách đoạn ngay sau câu “Câu văn trải dài.....sự hiểm nguy”.

Câu 2: Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi liên kết chủ đề trong VB cho trước.

VB mắc lỗi liên kết chủ đề vì hai đoạn văn không có sự liên kết về chủ đề: Đoạn (1) trình bày tính chất và trữ lượng của nước trên trái đất và viết câu chuyển đoạn đặt ra vấn đề là cách bảo vệ nguồn nước. Thế nhưng đoạn (2) lại triển khai nội dung xung đột vì nguồn nước giữa các quốc gia. Cách sửa: Viết lại nội dung đoạn (2) là cách thức để bảo vệ nguồn nước.

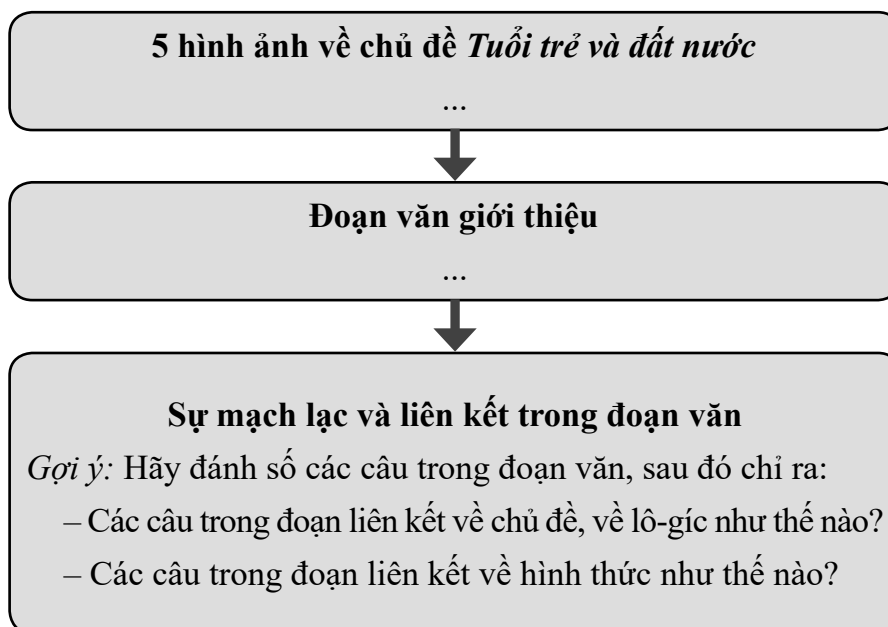
2. Hoạt động hướng dẫn làm bài tập Từ đọc đến viết

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

b. Sản phẩm: Phần ghi chú của HS về cách thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện bài tập từ đọc đến viết dựa vào sơ đồ sau:



* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi chú cách thực hiện bài tập Từ đọc đến viết, ghi lại những câu hỏi về cách thực hiện bài tập (nếu có).

* **Báo cáo thảo luận:** HS nêu ra những câu hỏi về cách thực hiện bài tập (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV trả lời những câu hỏi của HS (nếu có), dặn dò HS thực hiện hoàn chỉnh bài tập ở nhà và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trong tiết ôn tập.

3. Hoạt động khái quát kiến thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: Khái quát kiến thức về các lỗi mạch lạc và liên kết trong VB: Dấu hiệu nhận biết và cách sửa.

b. Sản phẩm: Phần điền vào cột L phiếu KWL của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS dựa vào những kiến thức đã học hoàn tất cột L trong phiếu KWL để tóm tắt lại kiến thức về các lỗi mạch lạc và diễn đạt trong VB.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi tóm tắt kiến thức bài học vào cột L (phiếu KWL).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ phần ghi của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định, khái quát về kiến thức tiếng Việt mà HS cần nắm.

DẠY VIẾT
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT
BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN
Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

1.2. Năng lực chung

- NL giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.
- NL tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

2. Phẩm chất

Có trách nhiệm với việc tìm hiểu bản thân, trung thực với chính mình, nhận ra những ưu, nhược của bản thân để tự hoàn thiện mình.

II. KIẾN THỨC

- Khái niệm kiểu bài bài luận về bản thân.
- Các yêu cầu đối với kiểu bài bài luận về bản thân.
- Bố cục kiểu bài bài luận về bản thân.
- Kỹ năng viết bài luận về bản thân.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
- SGK *Ngữ văn 10*, phần *Viết bài luận về bản thân*.
- PHT số 1 để hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ viết.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng viết, các em hãy cho biết: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

* **Báo cáo thảo luận:** Cá nhân HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ HT sẽ thực hiện. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ HT: Viết bài luận về bản thân.

2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài luận về bản thân

a. Mục tiêu: Trình bày được các tình huống cần viết bài luận về bản thân trong cuộc sống.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các tình huống cần viết bài luận về bản thân.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV tổ chức trò chơi “*Ai nhanh hơn?*”. Luật chơi: Trong 60 giây, cá nhân HS liệt kê vào giấy các tình huống trong cuộc sống cần thực hiện bài luận về bản thân, dán câu trả lời lên bảng. Năm câu trả lời dán nhanh nhất được chấp nhận. Hai câu trả lời liệt kê được nhiều phương án đúng nhất sẽ chiến thắng.

(2) GV mời HS chiến thắng trò chơi lí giải thêm về một số tình huống mà bản thân đã nêu.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận**

(1) HS tham gia trò chơi.

(2) HS chiến thắng trò chơi trình bày thêm về các ý tưởng của mình, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định dựa trên các ý kiến của HS →

Dẫn dắt vào bài: Bài luận về bản thân là một kiểu bài quan trọng trong cuộc sống và rất cần thiết với HS. Trong thực tế, bài luận về bản thân thường được sử dụng để xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng trong nước và quốc tế; xét tuyển học bổng; tham gia ứng cử vào một vị trí trong cơ quan, tổ chức,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài bài luận về bản thân

a. Mục tiêu: Xác định được kiểu bài nghị luận bản thân.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, đặc điểm, bố cục của bài luận về bản thân.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS đọc khung tri thức về kiểu bài (SGK/ tr. 104) và ghi những nội dung chính, từ khoá quan trọng, các câu hỏi về bài học,...

(2) Trả lời các câu hỏi:

– *Bài luận về bản thân là gì?*

– *Trình bày những yêu cầu đối với kiểu bài bài luận về bản thân.*

– *Nêu bố cục thường thấy của một bài luận về bản thân.*

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về khái niệm, yêu cầu đối với kiểu bài, bố cục của bài luận về bản thân dựa vào khung tri thức về kiểu bài (SGK/ tr. 104).

2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

b. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

c. Tổ chức hoạt động

Giao nhiệm vụ HT: HS đọc thầm VB *Bài luận về đam mê của bản thân*, chú ý đến những phần được đánh số và box thông tin tương ứng. Sau đó GV cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB bên dưới.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc VB mẫu, theo dõi các box thông tin hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích VB.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* **Kết luận, nhận định**

– GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

– GV nhận xét, kết luận:

Câu 1: Bố cục bài viết đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài bài luận về bản thân. Cụ thể:

Bố cục bài luận về bản thân	Yêu cầu đối với từng phần	Biểu hiện trong <i>Bài luận về đam mê của bản thân</i>
Mở bài	Giới thiệu về đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.	“Tôi tên là N.Đ.L.T, mười lăm tuổi, hiện đang học tại trường L.H.P. Như các nội dung đã nêu trong hồ sơ đính kèm, tôi đã theo đuổi đam mê văn chương từ khi học Trung học có sở”.
Thân bài	– Giới thiệu khái quát thông tin về bản thân. – Phân tích đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân; đưa ra những bằng chứng để làm rõ cho đặc điểm ấy. – Các ý được sắp xếp theo trình tự hợp lí.	– Thông tin của bản thân đã được nêu ngắn gọn ở mở bài (xử lí linh hoạt). – Các đặc điểm tiêu biểu: + Đam mê văn chương bắt đầu từ việc viết → Bằng chứng: Trang blog “Ngày ngày đọc sách” cùng các hoạt động lan toả văn hoá đọc. + Đam mê văn chương thể hiện trong việc lên kế hoạch chinh phục ước mơ trở thành biên tập viên giỏi → Bằng chứng: Các hoạt động cụ thể để thực hiện ước mơ. – Các ý được sắp xếp tăng tiến theo mức độ quan trọng.
Kết bài	Khẳng định lại các đặc điểm của bản thân; Nêu một thông điệp có ý nghĩa.	– “Đam mê văn chương vẫn cháy bỏng trong tôi”.

Câu 2: Các bằng chứng nêu trong bài luận đều cụ thể, xác thực, là những hoạt động thực tế người viết đã thực hiện, nhờ đó làm bật được các đặc điểm về bản thân.

Câu 3: Đề bài luận xác thực, tin cậy, các thông tin đưa ra cần cụ thể, rõ ràng, chính xác (số liệu cụ thể, thông tin cụ thể về nơi chốn, thời gian,...).

Câu 4: Bài luận có giọng điệu chân thành, khiêm tốn.

Câu 5: Thông điệp mà người viết đưa ra ở kết bài: Văn học cần gắn với cuộc sống, và việc đọc sách là nhịp cầu kết nối những tâm hồn → Thông điệp có ý nghĩa sâu sắc.

3. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết

a. Mục tiêu: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, sau đó, thảo luận nhóm nhỏ (4 – 6 HS) và điền thông tin vào bảng theo mẫu sau:

PHT SỐ 1		
QUY TRÌNH VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN		
Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	Xác định đề tài	
	Xác định mục đích viết và người đọc	
	Thu thập tư liệu	
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	
	Lập dàn ý	
Bước 3: Viết bài		
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa		

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc (SGK/ tr. 106, 109), thảo luận nhóm và hoàn thành bảng.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào bảng sau:

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: <i>Chuẩn bị viết</i>	Xác định đề tài Xác định đề tài là những đặc điểm tiêu biểu của bản thân bằng cách tự ngẫm và ghi ra đặc điểm của bản thân; hỏi ý kiến những người thân quen.	– Thực hiện hỏi ý kiến dựa vào bảng (SGK/ tr. 107). – Một số câu hỏi cần cân nhắc: + Đặc điểm nào giúp tôi hoà nhập với môi trường tôi muốn tham gia? + Đặc điểm nào của tôi phù hợp với những yêu cầu, tiêu chí xét tuyển?
	Xác định mục đích viết và người đọc Xác định đến mục đích và người đọc.	Việc xác định mục đích và người đọc sẽ giúp bạn chọn được cách viết phù hợp, hiệu quả.
	Thu thập tư liệu – Thu thập các tư liệu về bản thân. – Thu thập các tư liệu về người đọc, môi trường, vị trí muốn ứng tuyển.	– Các loại tư liệu về bản thân cần chú ý: nhật kí, sơ yếu lí lịch, sổ liên lạc, học bạ,... – Có thể tìm kiếm tư liệu về người đọc, môi trường, vị trí muốn ứng tuyển thông qua trang web, thông báo, áp phích, rò rỉ hoặc liên hệ trực tiếp với đơn vị tổ chức.
Bước 2: <i>Tìm ý và lập dàn ý</i>	Tìm ý Tìm ý về các đặc điểm nổi bật của bản thân.	Có thể thực hiện dựa vào sơ đồ trong SGK.
	Lập dàn ý Sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.	Cần đảm bảo bố cục các phần của kiểu bài.

<i>Bước 3: Viết bài</i>	Từ dàn ý đã lập, viết bài văn hoàn chỉnh.	– Giọng điệu chân thành, ngôn ngữ chuẩn mực. – Đảm bảo tính xác thực, đáng tin cậy của các bằng chứng. – Gắn kết thông tin cá nhân với trải nghiệm, câu chuyện của bản thân. – Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ (nếu có).
<i>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa</i>	– Đọc lại bài viết, chỉnh sửa. – Ghi ra những kinh nghiệm rút ra khi viết bài luận về bản thân.	Xem lại và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm trong SGK. Có thể nhờ người thân đọc góp ý cho bài luận.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN

1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết

1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài

a. Mục tiêu

- Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.
- Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết sẽ thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc đề bài trong SGK. Sau đó, yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:

- Với đề bài này, em sẽ viết bài luận cho ai, nhằm mục đích gì?
- Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?
- Em sẽ chọn viết về đề tài gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận.

1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết

Lưu ý: Tùy theo trình độ của người học, đặc điểm kiểu bài mà GV chọn làm mẫu kỹ năng viết phù hợp.

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện những thao tác trong quy trình viết.

b. Sản phẩm: Câu hỏi của HS về những thao tác mình chưa biết rõ trong quy trình viết.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại phiếu HT về quy trình viết đã thực hiện và nêu câu hỏi về quy trình viết.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Học xem lại phiếu HT và ghi ra những câu hỏi về những kỹ năng mình chưa rõ.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 2, 3 HS nêu câu hỏi trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp các câu hỏi và giải đáp những câu hỏi có vấn đề, hoặc những câu hỏi mà nhiều HS còn gặp khó khăn, vướng mắc. GV viên có thể làm mẫu quy trình viết để HS hình dung kỹ năng viết một cách trực quan.

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài luận về bản thân.

b. Sản phẩm: Sơ đồ tìm ý của HS, dàn ý, bài viết.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

* **Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.

* **Kết luận, nhận định:** GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho học xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm).

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa

a. Mục tiêu: Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác.

b. Sản phẩm: phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** GV tổ chức giả định một buổi xét tuyển thành viên của câu lạc bộ, mời ban chủ nhiệm câu lạc bộ của trường, thầy cô phụ trách câu lạc bộ đóng vai Hội đồng xét tuyển. Sau đó, GV giao cho HS:

(1) Hai HS trao đổi bài viết cho nhau, đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).

(2) Cá nhân HS trình bày bài luận của mình trước *Hội đồng xét tuyển*, lắng nghe phần nhận xét, phản hồi từ Hội đồng xét tuyển.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận**

* **Kết luận, nhận định**

– Đại diện hội đồng xét tuyển nhận xét về bài luận của HS, chia sẻ thêm một số kinh nghiệm thực tế khi chấm bài luận trong các kì xét tuyển, một số kinh nghiệm để gây ấn tượng cho bài luận; một số bí quyết để bài luận được đánh giá cao,...

– GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó, đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà.

3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài luận về bản thân.

b. Sản phẩm: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết bài luận về bản thân.

c. Tổ chức hoạt động

* ***Giao nhiệm vụ HT:*** GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài luận về bản thân.

* ***Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.

* ***Báo cáo, thảo luận:*** 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* ***Kết luận, nhận định:*** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng quy trình viết bài luận về bản thân để tạo lập VB.

b. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* ***Giao nhiệm vụ HT:*** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

– Sửa bài luận cho hoàn chỉnh và công bố.

– Chọn một đặc điểm khác của bản thân để viết bài luận mới và công bố.

* ***Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học,...

* ***Báo cáo, thảo luận:*** HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.

* ***Kết luận, nhận định:*** GV và HS lại tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (ví dụ: nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách comment, hoặc các nút cảm xúc,...).

DẠY NÓI VÀ NGHE
KẾ HOẠCH BÀI DẠY KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE
THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ
VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

1.2. Năng lực chung

NL giao tiếp và hợp tác.

2. Phẩm chất

Có trách nhiệm trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai thông qua nội dung bài thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

II. KIẾN THỨC

- Quy trình thực hiện bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Kỹ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Kỹ năng sử dụng kết hợp các phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
- SGK, SGV.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về các yếu tố cơ bản trong bài thuyết trình về một vấn đề xã hội.

b. Sản phẩm: Phân chơi trò chơi của HS, câu trả lời của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:**

(1) HS tham gia trò chơi “Từ khoá bí ẩn”, tìm các từ khoá ẩn trong hình sau:

P	T	U	O	N	G	T	A	C	Y
L	H	D	G	H	J	K	L	O	P
U	L	I	L	E	R	T	Y	U	I
A	O	P	N	D	F	G	H	J	K
N	B	A	N	G	C	H	U	N	G
D	R	T	Y	U	O	L	O	P	T
I	A	D	F	G	H	N	V	C	B
E	G	M	S	H	J	Y	N	Y	U
M	F	G	H	N	J	U	P	G	J
N	G	H	I	L	U	A	N	H	U

(2) Cá nhân HS trình bày hiểu biết về những từ khoá tìm được trong trò chơi “Từ khoá bí ẩn”.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS tham gia trò chơi tìm từ khoá bí ẩn, trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

***Kết luận, nhận định**

(1) GV kết luận đáp án trò chơi như sau:

P	T	U	O	N	G	T	A	C	Y
L	H	D	G	H	J	K	L	O	P
U	L	I	L	E	R	T	Y	U	I
A	O	P	N	D	F	G	H	J	K
N	B	A	N	G	C	H	U	N	G
D	R	T	Y	U	O	L	O	P	T
I	A	D	F	G	H	N	V	C	B
E	G	M	S	H	J	Y	N	Y	U
M	F	G	H	N	J	U	P	G	J
N	G	H	I	L	U	A	N	H	U

(2) GV kết luận, nhận định về kiến thức nền liên quan đến việc thuyết trình về một vấn đề xã hội.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt, quan sát (đọc lướt) phần Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để trả lời câu hỏi: Ở phần nói và nghe, nhiệm vụ HT ta cần thực hiện là gì?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.

* **Báo cáo, thảo luận:** Cá nhân HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, đánh giá.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, xác định nhiệm vụ: Thực hiện bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động chuẩn bị nói

1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

a. Mục tiêu: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

b. Sản phẩm: Phần trả lời của HS về đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) HS xem video clip *Chọn trường theo đam mê hay theo lựa chọn nghề nghiệp?*⁴ và ghi lại một số đề tài nói mà video clip gợi ra.

(2) Dựa vào (SGK/ tr. 110), nội dung clip vừa xem và trải nghiệm bản thân, xác định đề tài nói → quyết định về người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về cách HS xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói.

⁴ Clip do Trung tâm tin tức VTV24 của Đài truyền hình Việt Nam thực hiện, có thể xem tại: <https://www.youtube.com/watch?v=IMBgZ4P0-Ck>

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

a. Mục tiêu: Tìm ý và lập dàn chỉ cho bài thuyết trình.

b. Sản phẩm: Kết quả tìm ý và lập dàn ý của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS thực hiện tìm ý và lập dàn ý dựa vào bảng sau:

Đề tài:	
Quan điểm của tôi:	
Lí lẽ 1:	Bằng chứng:
Lí lẽ 2:	Bằng chứng:
Lí lẽ 3:	Bằng chứng:
Quan điểm trái ngược dự kiến:	Cách trao đổi lại:
Thông điệp/ Lời kêu gọi hành động:	
.....	

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS tìm ý và phác thảo dàn ý để điền vào bảng.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV kết luận, nhận định về cách HS tìm ý và lập dàn ý; góp ý để HS bổ sung và hoàn thiện thêm.

2. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình thuyết trình về một vấn đề xã hội

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện và đánh giá kĩ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội.

b. Sản phẩm: Câu hỏi của HS về cách thực hiện kĩ năng thuyết trình; phần ghi chú của HS về kĩ năng thuyết trình.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) Nêu câu hỏi về những điều mình còn chưa rõ khi thực hiện thuyết trình về một vấn đề xã hội.

(2) Nghe giảng và ghi lại cách thức đánh giá kỹ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

*** Báo cáo, thảo luận**

(1) HS nêu câu hỏi của mình (nếu có).

(2) HS trao đổi phân ghi chú với bạn và chỉnh sửa (nếu có).

*** Kết luận, nhận định**

(1) GV giải đáp thắc mắc của HS, sử dụng kỹ thuật *nói to suy nghĩ* (think aloud) nếu cần để làm mẫu một số thao tác nói và nghe.

(2) GV hướng dẫn HS đánh giá kỹ năng thuyết trình về vấn đề xã hội dựa vào bảng kiểm (SGK/ tr. 112).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

a. Mục tiêu

Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

b. Sản phẩm: Các sản phẩm chuẩn bị nói; bài nói và phản phản hồi với người nghe.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** GV tổ chức giả định cuộc thi “Nhà hùng biện trẻ” để HS tham gia thuyết trình về đề tài “Sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay”.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS chuẩn bị nội dung bài nói và luyện tập để trình bày.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bài nói trước lớp và trao đổi với người nghe; thực hành bảo vệ ý kiến bản thân trước sự phản bác của người nghe.

*** Kết luận, nhận định**

– GV kết luận, nhận định về nội dung bài nói của HS.

– GV kết luận, nhận định về kỹ năng trình bày bài nói và kỹ năng trao đổi, bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe.

2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu

Tự đánh giá và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nói và người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong vai trò người nói.

b. Sản phẩm: Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó trình bày những kinh nghiệm ấy trước lớp dựa vào các câu hỏi sau:

- Ba điều em đã làm tốt trong quá trình thuyết trình về một vấn đề xã hội?
- Ba điều em thấy mình làm chưa tốt trong quá trình thuyết trình về một vấn đề xã hội?
- Ba kinh nghiệm em rút ra được khi trao đổi, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe?

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra, chuẩn bị trình bày trước lớp.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kinh nghiệm. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần nắm khi trình thuyết trình về một vấn đề xã hội; Kỹ năng bảo vệ ý kiến của bản thân trước sự phản bác của người nghe. GV đưa ra kết luận về những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

b. Sản phẩm: Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT**

(1) GV giao cho cá nhân HS trả lời các câu 1, 2, 3, 4, 5, 6 phần ôn tập tại nhà.

(2) Với câu 7 (SGK/ tr. 113), HS hoạt động nhóm, đi tham quan và chuẩn bị sản phẩm thu hoạch.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) → (2).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.

* **Kết luận, nhận định:** GV sẽ nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp.

ÔN TẬP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP

Thời gian thực hiện: 0.5 tiết

A. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY PHẦN CHUẨN BỊ CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

b. Sản phẩm: Câu trả lời cho các câu hỏi ôn tập của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả phần chuẩn bị trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kỹ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.

B. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY KẾT QUẢ PHẦN TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

a. Mục tiêu: trình bày kết quả thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

b. Sản phẩm: kết quả thực hiện bài tập của HS, phần trình bày của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** Hai HS trao đổi với nhau bài tập *Từ đọc đến viết*.

*** Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS xem lại phần bài tập đã thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) rồi trao đổi với bạn cùng nhóm đôi để nhận xét, góp ý.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bài tập trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận về kết quả thực hiện bài tập của HS.

C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CHỦ ĐIỂM

a. Mục tiêu: trình bày sản phẩm thu hoạch sau chuyên tham quan và nêu suy nghĩ về chủ điểm bài học

b. Sản phẩm: Phần sản phẩm thu hoạch của HS.

c. Tổ chức hoạt động

*** Giao nhiệm vụ HT:** HS trình bày sản phẩm bài thu hoạch sau chuyên tham quan và nêu suy nghĩ về vấn đề: Độc lập, tự do có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi cá nhân?

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm thu hoạch trước lớp và phát biểu câu trả lời cho câu 7. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu chủ điểm sau khi kết thúc bài học.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG
Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung:

PHAN THỊ BÍCH VÂN – LÊ THỊ THUỶ TRANG

Biên tập kỹ – mỹ thuật:

PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Trình bày bìa:

PHAN THỊ THIÊN HƯƠNG

Sửa bản in:

BÍCH VÂN – THUỶ TRANG

Chế bản:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và
Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN 10 – TẬP HAI

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Ngữ Văn 10 – Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1743 – 2021/CXBIPH/5 – 1309/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978 – 604 – 0 – 27828 – 9